

GUYÔM HÔPH



**E**bolio  
Eholio für Bankaholic

# Những chuyện kỳ diệu



Tác phẩm: **Những chuyện kỳ diệu**

Nguyên tác: **Hauffs Märchen**

Tác giả: **Wilhelm Hauff**

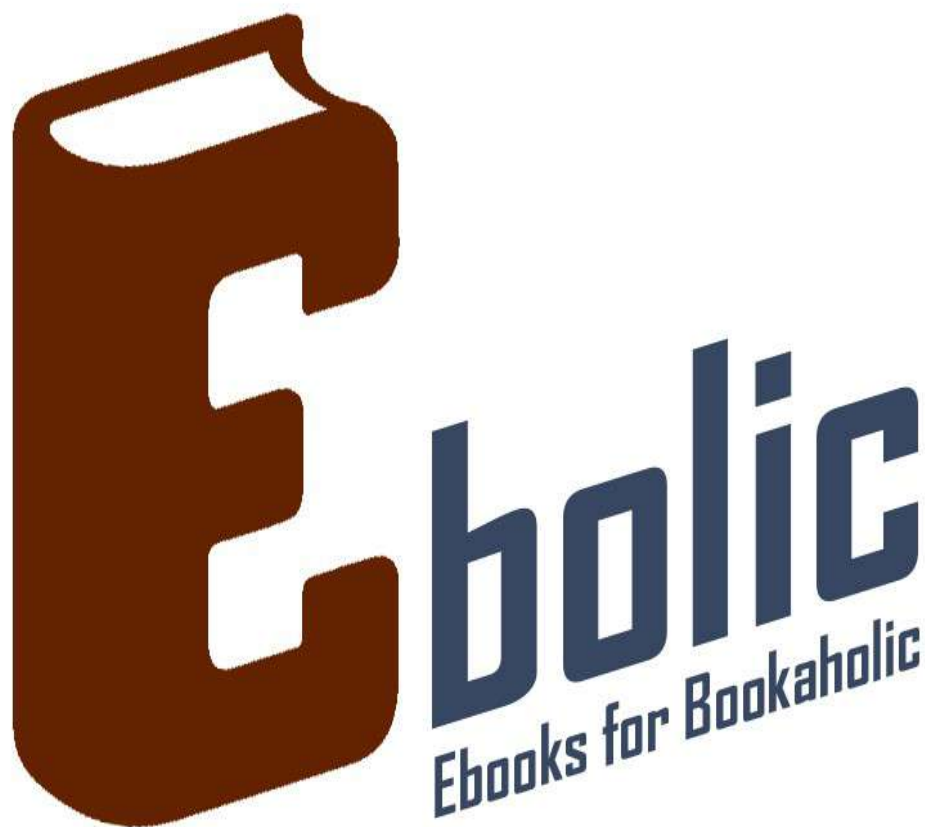
Thể loại: **Cổ tích**

Dịch giả: **Huỳnh Phan Thanh Yên**

(Dịch từ bản tiếng Anh *Hauff's fairy tales*)

Nhà xuất bản: **Kim Đồng**

Năm xuất bản: **2006**



**Dự án Ebolic #27**

Shooting: **Pivoine**

Typing: **Sophia, Tuấn Hoàng, Phan Thái, Hồ Thanh Trà, Nopu**

Checking: **Danny Do**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **22/7/2017**

**Ebolic** là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

**Liên hệ với Ebolic qua:**

**Email:** [ebook@bookaholic.vn](mailto:ebook@bookaholic.vn)

**Group:** [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

**Fanpage:** [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

*Tất cả tên riêng phiên âm được người làm ebook thay thế bằng tên riêng tiếng Anh, đối chiếu bản tiếng Anh Hauff's fairy tales.*

# MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHÀNG THỢ MAY MƠ MỘNG

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA SAÏD

MÓN PATÊ ĐỂ VƯƠNG

CHÚ LÙN MOUCK

VUA CÒ

ĐOÀN LỮ HÀNH VÀ TƯỚNG CƯỚP

GIẢI CỨU NÀNG FATMÉ



## LỜI GIỚI THIỆU

Wilhelm Hauff (1802-1827) là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng của Đức. Cuộc đời của Wilhelm Hauff là bài học về lòng yêu cuộc sống và nghị lực phi thường vượt mọi khó khăn, bệnh tật để thành công trong sự nghiệp.

Wilhelm Hauff mồ côi cha khi vừa bảy tuổi. Ông sống với ông ngoại và biết tự lập rất sớm. Nhờ sống gần thư viện nên ông đọc rất nhiều sách và biết cách tự học. Năm 1820, ông vào Đại học và sau bốn năm học ông tốt nghiệp khoa thần học và triết học. Ông đã làm gia sư cho những gia đình quý tộc nổi tiếng. Sau đó, ông đi du ngoạn châu Âu. Chính nhờ những trang sách đọc khi còn nhỏ cộng với vốn sống đã trải qua thôi thúc ông niềm đam mê sáng tác văn chương.

Wilhelm Hauff là nhà văn sáng tác đa dạng và phong phú: thơ, truyện cổ, truyện ngắn, tiểu thuyết... Wilhelm Hauff sống mãnh liệt về tư tưởng để khuây khỏa những nỗi đau thể chất và bệnh tật giày vò. Những câu chuyện của Hauff độc đáo, tươi mát thể hiện tài hoa sáng tạo, tính hài hước vui vẻ đã đưa ông lên đỉnh cao của tiểu thuyết Đức đầu thế kỉ XIX. Ông đã được lưu danh trong các *Từ điển danh nhân Đức*.

*Những chuyện kỳ diệu* là tác phẩm đầu tay của Wilhelm Hauff. *Những chuyện kỳ diệu* sẽ đưa các em vào thế giới thần tiên với bao điều kì lạ hấp dẫn. Các em sẽ theo chân đoàn lữ hành và Saïd vượt qua sa mạc gặp những bất ngờ, có khi thú vị gợi trí tưởng tượng sự khám phá, có khi đầy gay go hiểm nguy, thử thách lòng can đảm. Các em sẽ gặp những vị vua, những chàng hoàng tử dũng cảm và nghĩa hiệp; những cô gái xinh đẹp, dịu hiền bị phù phép. Các em sẽ được thưởng thức những “món ăn đế vương” do chú đầu bếp nhỏ tuổi, tài danh phô diễn...

Đằng sau những chuyện thần tiên kỳ diệu của Wilhelm Hauff là những bài học làm người sâu sắc. Hãy biết bằng lòng với những gì mình có, nếu bất chấp thủ đoạn để đạt danh vọng thì sẽ gánh chịu hậu quả như Labakan hoặc bị trừng phạt như cha con lão Kaschnur. Hãy dũng cảm và mở rộng lòng nhân ái như Saïd và hoàng tử Omar.

Phải can đảm đối mặt với sự thật cho dù tàn nhẫn và luôn giữ lòng tự trọng, nghị lực như Jacob... Và *những chuyện kỳ diệu tốt đẹp* rồi sẽ đến!

Wilhelm Hauff qua đời lúc mới hai mươi lăm tuổi nhưng đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng đượm hương vị tuổi xuân. Đọc *Những chuyện kỳ diệu*, bạn sẽ được thưởng thức tất cả nhiệt tình và hương vị tươi mát của người thanh niên thi sĩ Wilhelm Hauff. Những chuyện kỳ diệu đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và luôn làm vui lòng những ai ưa thích chuyện thần kỳ trên thế giới.

HUỲNH PHAN THANH YÊN



## CHÀNG THỢ MAY MƠ MỘNG

Ai cũng thích mình được mọi người nể phục và được đánh giá cao. Labakan cũng vậy.

Labakan là một người thợ may lành nghề làm việc cho một ông chủ hiệu may giàu có ở Alexandria. Tuy còn rất trẻ, nhưng Labakan đã là người thợ may giỏi và rất khéo tay. Không những vậy anh ta còn rất chăm chỉ. Labakan thường miệt mài từ ngày này sang ngày khác để may và làm xong nhanh chóng các bộ y phục rất đẹp. Kim chỉ như nhảy múa trên vải khi anh ta may.

Nhưng cũng có những ngày, Labakan như chìm đắm trong suy tư. Anh ta cứ ngồi yên như vậy, đôi mắt lơ đãng rất kì lạ đến nỗi ông chủ và các thợ bạn thường trêu chọc: Labakan đang ở trên mây. Anh ta đang mơ làm ông hoàng đấy!

Vào những ngày lễ, sau khi dự lễ tại thánh đường, mọi người lặng lẽ trở về với công việc đang chờ mình ở nhà. Lúc ấy, chàng Labakan diện bộ quần áo đẹp nhất của mình đi chậm rãi và đàng hoàng qua chợ và trên các đường phố. Bạn bè và những người quen biết, thấy Labakan thì vồn vã chào hỏi. Labakan miễn cưỡng vẫy tay hoặc gật đầu chào lại họ với dáng điệu hạ cố như của bề trên. Người chủ thấy vậy nói đùa: “Anh phải là hoàng tử Labakan mới đúng.” Labakan vui vẻ đáp: “Ông đã nhận thấy đúng như vậy ư?” hoặc “Tôi cũng nghĩ là như vậy”.

Ông chủ không chấp về sự ngộ nhận khờ khạo ấy vì Labakan là người làm công tử tế, giỏi tay nghề và không gây hiềm khích.

Một ngày nọ, hoàng thân Selim du hành qua Alexandria đã giao cho cửa hàng sửa một áo khoác đắt giá. Chiếc áo liền được giao ngay cho Labakan. Tối đến, khi ông chủ và những người thợ đã về, Labakan vẫn còn ở lại để sửa cho xong chiếc áo. Sau khi sửa xong, Labakan ngắm cái áo lụa thêu kim tuyến tuyệt đẹp kia và không ngăn được ước muốn mặc thử nó. Chiếc áo mặc vừa như in. “Ta không đáng là một hoàng tử như Selim sao?” Labakan tự nhủ: Chẳng phải ông chủ cũng từng bảo ta phải là “hoàng tử Labakan mới đúng” hay sao?

Mặc áo khoác vào, Labakan dường như trở nên sang trọng, quý phái. Chàng tưởng mình là ông hoàng chưa được ai biết đến. Ý nghĩ ấy như thúc đẩy Labakan

mau chóng rời khỏi nơi mà chàng cho là những người “ngu ngốc” chưa nhận ra vị trí thật của chàng. Labakan còn cho rằng món quà tuyệt vời này hẳn là của bà tiên tốt bụng ban tặng. Rồi Labakan vội lấy những đồ dùng ít ỏi của mình, nhanh chóng vượt qua cổng thành Alexandria lúc trời vừa mờ sáng.

Lúc này, “hoàng tử” Labakan mới nhận ra: mặc áo khoác đẹp và phong thái cao quý mà đi bộ thì thật là không hợp. Với số tiền nhỏ nhoi của mình, Labakan bèn mua một con ngựa già. Đó cũng là vì Labakan chưa có kinh nghiệm và sợ không điều khiển được một con tuấn mã.



Một ngày nọ, khi Labakan đang cưỡi ngựa đi chậm rãi thì có một người đến xin làm bạn đồng hành. Người bạn mới là một chàng trai vui tính, phong nhã, phóng khoáng và được trang bị đầy đủ. Như người quen biết đã lâu, chàng trai hỏi Labakan đủ mọi điều và rất vui khi biết hai người cùng đi chung hướng. Chàng trai tự giới thiệu mình là Omar, cháu của cố tổng trấn Elfi Bey ở Cairo. Omar đến kinh thành theo lời dặn mà người bác đã mất giao phó. Về phần

Labakan, chàng dè dặt cho biết mình là người có địa vị trong xã hội và đang đi du lịch để biết đó đây.

Vào ngày thứ hai của chuyến đi, Labakan gạn hỏi để hiểu rõ thêm về Omar. Omar không ngần ngại tâm sự. Ngay từ nhỏ, chàng đã được tổng trấn thành Cairo nuôi dạy. Chàng chưa hề biết cha mẹ mình. Gần đây, Elfi Bey tham gia cuộc chiến, bị thương nặng phải rút chạy. Cảm thấy không sống lâu được, Elfi Bey đã nói cho Omar biết sự thật. Chàng không phải là con của Elfi Bey mà là con của một vị vua hùng mạnh. Để tránh tai họa được báo trước, nhà vua đã nhờ Elfi Bey nuôi và giao hẹn hoàng tử chỉ trở về cung sau hai mươi một tuổi. Elfi Bey chưa bao giờ nói cho Omar biết tên cha chàng. Ông chỉ dặn vào ngày mồng bốn tháng Ramadan tới, Omar đến điểm hẹn El-Serujah, cách phía đông Alexandria bốn ngày đường. Elfi Bey còn nói thêm: Hãy đưa cho người sẽ tìm gặp cháu ở đây con dao găm và nói rõ: “Tôi là người ông cần tìm”. Nếu họ trả lời: “Câu đấng tiên tri đã bảo vệ chúng con” thì cứ an tâm theo họ. Họ sẽ đưa cháu đến gặp cha mình.

Labakan vô cùng ngạc nhiên về câu chuyện ấy. Anh ta nhìn Omar với ánh mắt thèm muốn, pha chút ghen tị. Labakan suy nghĩ và liên tưởng về sự kì lạ của số mệnh đã tạo ra cuộc gặp gỡ và mối quan hệ thân tình giữa hoàng tử và kẻ lừa hành.

Suốt ngày, Labakan cứ nghĩ mãi về điều đó. Đêm đến, anh ta chỉ chớp mắt một chút rồi vùng dậy. Anh ta chăm chú nhìn Omar đang ngủ say. Anh ta chợt nghĩ: mình có thể đạt đến vị trí cao quý mà số mệnh đã dành cho bằng sự khôn ngoan và cả sức mạnh.

Chiếc dao găm, tén vật báo sự trở về của hoàng tử được gài chặt vào dây lưng của Omar. Khi Omar nằm ngủ, chiếc dao găm ló ra cứ cuốn hút Labakan khiến anh ta không cưỡng nổi lòng tham để thay đổi số phận. Labakan rón rén lại gần, nhẹ nhàng tháo nó và nhét vào thắt lưng mình. Sau đó, Labakan ra ngay chuồng ngựa và vội nhảy lên con tuấn mã của hoàng tử Omar và phi nhanh. Trước khi Omar tỉnh giấc, kịp nhận ra sự bất hạnh của mình thì chàng thợ may đã chạy xa nhiều dặm.

Hôm đó là ngày đầu tiên của tháng chay Ramadan, Labakan chỉ còn chưa đến bốn ngày để đến điểm hẹn. Có lẽ chỉ mất độ hai ngày cưỡi ngựa rông rãi là đến được đó. Nhưng Labakan vẫn vội ra đi vì sợ hoàng tử thật sẽ đuổi kịp mình.

Đến cuối ngày thứ hai, Labakan đã nhìn thấy tượng đài nằm trên ngọn đồi nhỏ. Anh ta có thể đến đấy chưa đầy ba giờ. Bây giờ, hoàng tử giả có thể an tâm và bình tĩnh hơn.

Trong hai ngày cuối, Labakan thường nghĩ đến vai trò, vị trí mới của mình. Đôi khi anh ta cũng áy náy bất an vì lương tâm dày vò, cắn rứt. Nhưng ý nghĩ “mình sinh ra để làm hoàng tử” đã thúc đẩy, khích lệ anh ta. Với tham vọng lớn, Labakan quyết theo đuổi đến cùng mộng ước to lớn được làm hoàng tử của mình.

Đường đi ngày càng gập ghềnh, khúc khuỷu, đất đai khô cứng, cằn cỗi. Labakan dựng lều dưới hàng cây cọ hồi hộp đón đợi số mệnh đổi thay. Trưa ngày thứ ba, Labakan nhìn thấy một đoàn dài lạc đà và ngựa đang từ từ đi đến. Họ nghỉ dưới chân đồi. Labakan đã tìm gặp vài người trong đoàn. Labakan rất mong được giới thiệu, công bố về mình ngay nhưng anh ta còn phải chờ lâu mới đạt được tham vọng đó.

Những tia nắng mai đã đánh thức chàng thợ may dậy sớm, đang háo hức đón chào một ngày đặc biệt. Ngày mà Labakan từ đẳng cấp thấp được nâng lên đẳng cấp cao: Từ một người thợ may nghèo, trẻ tuổi, bỗng thành đứa con yêu quý của người cha đầy quyền uy. Mặc dù hơi e ngại, nhưng anh ta nghĩ: có lẽ trời chưa công bằng với mình. Tin chắc như vậy, không thể chờ đợi lâu, Labakan nhảy lên mình ngựa thúc nó phi nước đại. Chưa đầy một khắc, Labakan đã tới chân đồi. Anh ta vội nhảy xuống, buộc ngựa vào cây rồi rút dao găm của hoàng tử Omar và leo nhanh lên đỉnh đồi.

Labakan nhìn thấy sáu người đàn ông ở tượng đài. Người ở giữa có phong thái uy nghi như một vị vua. Ông ta mặc cái áo ngoài dát vàng, một áo trùm trắng, đầu đội một khăn xếp lấp lánh ngọc quý. Labakan đoán ông ta là người có vị trí và quyền lực cao nhất. Labakan liền tiến đến ông ta, cúi đầu cung kính nâng chiếc dao găm và nói:

– Tôi chính là người mà ngài cần tìm.

– Cầu thánh Allah! Người đã bảo vệ con!

Người đàn ông có bộ râu xám nghẹn ngào, vui sướng nói tiếp:

– Hãy ôm lấy người cha già của con! Hỡi Omar con trai yêu quý của ta!

Chàng thợ may có vẻ lúng túng khi nghe những lời xúc động ấy. Song với cảm giác vui mừng dẫu pha chút ân hận, anh ta vẫn lao vào vòng tay của vị vua già.

Labakan hạnh phúc với vị trí mới trong khoảnh khắc. Khi vừa buông tay, Labakan nhìn thấy một người cưỡi ngựa đang phóng tới. Labakan nhận ra con ngựa già của mình đang phi nước đại và ngồi trên lưng ngựa là hoàng tử Omar. Đó mới chính là người con trai mà đức vua mong đợi. Nhưng quý dữ đã làm mờ đầu óc Labakan. Labakan quyết định phải khôn ngoan, trơ tráo và mạo hiểm đến cùng để đạt được mục đích của mình.

Rõ ràng người cưỡi ngựa còn ở rất xa đang vẫy khăn và khi tới chân đồi thì anh ta xuống ngựa đi gần như chạy lên đỉnh đồi. Anh ta thở dốc và kêu to:

– Hãy dừng lại! Dừng lại! Đừng để bị lừa dối bởi một tên liều lĩnh, vô liêm sỉ! Ta mới chính là hoàng tử Omar. Không kẻ lừa đảo nào có thể mạo danh ta được!

Nghe thấy vậy, mọi người sững sờ, kinh ngạc nhưng chưa biết phải làm gì. Ngay cả vị vua già cũng nhìn hai chàng trai trẻ vô cùng bối rối. Đoán được nỗi lòng của nhà vua, Labakan nhỏ nhẹ:

– Muôn tâu đức vua nhân hậu, kính yêu! Xin phụ vương đừng để bị lừa bởi chàng trai này. Con biết anh ta rất rõ: hẳn chính là tên thợ may khờ khạo Labakan ở Alexandria. Thật là tội nghiệp! Hẳn cử nghĩ mình là hoàng tử. Hẳn ta đáng thương hơn là đáng trách.



Giận sôi lên vì những lời lẽ đều cáng được che đậy rất khéo léo, khôn ngoan, Omar nhảy xổ vào Labakan. Nhưng những người thị vệ đã kịp ngăn lại và bắt giữ Omar. Nhà vua quay lại Labakan:

– Này con! Tên này thật điên khùng! Hắn sẽ bị trói trên lạc đà để sau này tra hỏi, xét xử.



Omar vô cùng tức giận và đau khổ vì bị xúc phạm, chàng nói trong nước mắt:

– Ôi đức vua! Trái tim tôi mách bảo: ngài chính là cha tôi. Tôi cầu xin ngài hãy vì mẹ tôi mà nghe tôi kể rõ mọi chuyện!

– Hãy nghe anh ta nói ư? Thế nào anh ta cũng lại tưởng tượng những chuyện hão huyền để mê hoặc chúng ta mà thôi!

Nói xong, nhà vua nắm tay Labakan cùng đi xuống đồi. Họ lên lưng những con ngựa có tấm phủ rất đẹp và cười đi. Chàng hoàng tử không may, bị trói chặt đưa lên lạc đà có hai người canh giữ nghiêm ngặt suốt chặng hành trình.

Đức vua vui vẻ kể lại cho đứa con giả mà ngài rất hãnh diện vì vẻ ngoài và tài ăn nói nghe về mình. Ông là Saaud, vua xứ Méchabites. Sau nhiều năm cưới vợ, niềm vui lớn mới đến với ngài. Đứa con sắp chào đời là niềm hạnh phúc của ngài. Nhưng nhà chiêm tinh, người lấy số ngày sinh của đứa bé đã báo cho nhà vua rằng đến trước hai mươi một tuổi, nếu ở hoàng cung hoàng tử sẽ gặp nguy hiểm. Để tránh tai họa nhà vua đã gửi đứa con mới sinh yêu quý của mình cho Elfi Bey người bạn thân thiết, tin cậy nuôi dưỡng, dạy dỗ cho đến sau hai mươi một tuổi sẽ đón về.

Cuối cùng, đoàn đã vào trung tâm thành phố. Họ được đón chào bằng tiếng khóc vui sướng của thần dân vì sự trở về của hoàng tử mà họ khát khao mong đợi. Dọc theo các con đường mà đoàn đi qua, dưới các khung cửa đều được kết hoa và nơ đỏ. Những cửa sổ của các ngôi nhà đều được treo rèm sang trọng và mở rộng ra. Toàn thể dân chúng đều cảm ơn thánh Allah và nhà tiên tri về hoàng tử trẻ tuổi, đẹp trai của họ... Tất cả điều đó đã khiến chàng thợ may vô cùng hãnh diện.

Nhưng bất hạnh thay cho hoàng tử Omar! Người đáng lẽ được hưởng tất cả sự tôn kính này, lại như một tù nhân bị giải đi trong cuộc diễu hành mà chẳng ai đoái hoài. Cái tên Omar được reo hò khắp nơi nhưng khi chàng đi qua thì không ai thèm để ý. Một vài người tò mò hỏi: người bị bắt là ai? Đang bị đưa đi đâu?

Và họ đều nhận được câu trả lời đơn giản, giống nhau: đây là tên thợ may diên khùng, dám mạo nhận là hoàng tử Omar.

Chẳng bao lâu, đoàn người đã về đến cung điện. Nơi đây được bài trí tuyệt vời. Trong cung điện, hoàng hậu và các cận thần đang nóng lòng chờ đoàn tới.

Khi vừa chào đời, hoàng tử đã được đưa đi xa. Ngay cả hoàng hậu cũng chưa kịp nhìn mặt. Vì vậy, hoàng hậu nôn nóng mong chờ đầu biết mình không thể nhận ra hoàng tử giữa đoàn người.

Đoàn càng đến gần, tiếng vó ngựa càng rền vang, tiếng bước chân dồn dập ở các hành lang. Các cánh cửa mở rộng, dọc hai bên là thị vệ cúi đầu cung kính. Nhà vua dắt Labakan lên các bậc thềm và nói trong xúc động:

– Ái khanh hãy nhìn xem! Ta đã đem về đứa con mà hơn hai mươi năm qua nàng đã khát khao mong chờ!

Hoàng hậu nhìn chăm chăm vào Labakan và nói:

– Đây không phải là con ta! Đó là kẻ giả mạo mà nhà tiên tri đã từng báo cho ta trong giấc mơ.

Nhà vua cố thuyết phục vì cho rằng hoàng hậu đã nhầm lẫn. Bỗng, cửa xô mạnh, hoàng tử Omar lao vào, theo sau là những người canh giữ. Hoàng tử quỳ trước ngai vàng, hỗn hển nói:

– Ta sẽ chết ở đây! Hãy để con chết! Hỡi người cha hùng mạnh vì con không thể chịu sự ô nhục lâu hơn được!

Lời nói này gây sững sốt, ngạc nhiên lớn. Các cận thần nhìn trừng trừng vào Omar. Lúc này, chàng đang bị những người canh giữ đã kịp bắt trói để không thể tiến gần hơn. Hoàng hậu im lặng, sững sờ, bước từ ngai vàng xuống, kêu lớn:

– Hãy dừng lại! Hoàng hậu nhìn thẳng vào Omar và nói tiếp. – Dẫu chưa bao giờ thấy mặt nhưng trong những giấc mơ của mình và bằng trái tim của người mẹ, ta nhận ra: đây mới đúng là con trai của ta!

Dầu những người canh giữ đang ghì chặt Omar nhưng nhà vua vẫn tức giận quát to:

– Trói chặt lại! Mang cái thừng điên khùng này đi! Ở đây chỉ có ta mới là người có quyền ra lệnh.

Nhà vua nói tiếp đầy quyền uy:

– Chúng ta không được để những giấc mơ vớ vẩn quyết định mà phải bằng các chứng cứ và những dấu hiệu rõ ràng!

Nhà vua ra hiệu cho Labakan bước đến, cầm tay anh ta giơ lên và nói:

– Đây chính là con trai của ta! Vì khi đưa con dao găm cho ta, anh này đã nói những lời xác nhận mà chỉ có Elfi Bey, người bạn già của ta mới được biết.

– Hẳn ta đã được nghe con kể rất nhiều về Elfi Bey. Hẳn ta đã đánh cắp con dao găm của con. Hẳn ta là kẻ vô liêm sỉ, trơ tráo đã đem bất hạnh cho con!

Nhưng nhà vua không chịu nghe và tin những lời của Omar vì ngài đã quen nghĩ mình đúng. Thế là, hoàng tử Omar bất hạnh bị áp giải, rời khỏi cung điện. Còn Labakan thì được nhà vua đưa về cung riêng của mình.

Hoàng hậu vô cùng đau buồn trước những sự việc dồn dập xảy ra. Hoàng hậu tin rằng kẻ giả mạo hoàng tử đã chiếm được lòng tin yêu của đức vua. Nhưng chính chàng trai bị trói mới là người mà hoàng hậu thường thấy trong giấc mơ của mình. Bình tâm lại, hoàng hậu cố nghĩ mọi cách để làm đức vua tin lời mình. Điều đó không phải là dễ vì hoàng tử giả không những giữ chiếc dao găm mà còn biết nhiều chuyện về cuộc đời của hoàng tử Omar thật. Anh ta lại có khuôn mặt đẹp trai và biết tìm những lời giải thích khôn khéo để mê hoặc mọi người. Lời nói của anh ta có giá trị và khiến người ta tin đó là hoàng tử hơn là hoàng tử thật đang bị tội. Hoàng hậu liền cho gọi những cận thần đã ở El-Serujah để dò hỏi. Họ đã kể cho hoàng hậu nghe những gì họ chứng kiến. Nghe xong, hoàng hậu bàn riêng với những thị nữ tin cẩn và trung thành của mình. Tất cả đều lo lắng vì tình thế thật xấu và bất lợi cho hoàng tử Omar. Cuối cùng, Melechsallah người thị nữ nhiều tuổi và từng trải nhất nói:

– Tâu hoàng hậu! Chàng thợ may mà bà tin chắc là con mình tên là Labakan phải không?

– Họ nói người bị trói tên là Labakan và làm thợ may. Nhưng có gì không đúng? Có điều gì uẩn khúc chăng?

– Cũng có thể người giả đã lấy tên của hoàng tử Omar và gán hoàng tử thật tên của mình. Tôi có cách để trả họ về đúng vị trí thật của mình.

Người thị nữ nói nhỏ vào tai hoàng hậu. Hoàng hậu vui vẻ hẳn lên. Bà thị nữ già giúp hoàng hậu thay xiêm áo để đến cung vua. Biết rõ khó có thể lay chuyển nhà vua. Hoàng hậu khéo léo nói lên mong muốn của mình mong nhà vua chấp nhận:

– Xin hoàng thượng kiểm tra kĩ hai chàng trai. Khi đó chính hoàng thượng sẽ nhận ra sự thật. Không cần phải thi: cưỡi ngựa, phóng lao, hoặc giao đấu...

những thứ đó dễ gây thương tích. Ta chỉ cần giao họ may một bộ quần áo đẹp. Như vậy ta sẽ biết rõ sự thật người nào là thợ may, người nào mới đúng là hoàng tử.

Tuy không đủ kiên nhẫn để nghe những điều trái ý, nhưng những lời nhỏ nhẹ, dịu dàng của hoàng hậu cuối cùng cũng khiến nhà vua nhân nhượng. Nhà vua cười nói:

– Ôi! Nàng thật là sáng suốt. Ta bắt đầu cảm thấy tò mò rất muốn xem những vải vóc mà con của chúng ta vung phí!

Nhà vua đích thân đến chỗ Labakan và yêu cầu anh ta hãy may một bộ quần áo đẹp để làm vui lòng hoàng hậu. Labakan mừng thầm vì đó là điều quá dễ dàng đối với anh ta. Hai phòng liền được dành riêng cho người thợ may và hoàng tử. Trong phòng đặt đầy đủ những thứ cần thiết cho công việc: vải vóc, kim, chỉ, thước, kéo, ...

Đức vua có mối lo riêng khi nhìn cái áo Thổ Nhĩ Kỳ. Nhà vua băn khoăn không biết hoàng tử có thể may xong bộ quần áo đúng thời gian không. Trong lúc đó trái tim hoàng hậu như rộn lên vì mưu kế thành hay bại là nhờ cuộc thi này.

Hoàng tử thật cũng được lệnh như vậy. Omar nhìn vải vóc, kim, chỉ, thước, kéo... trong phòng mà lòng bối rối. Chàng không thể làm gì với nó được. Chàng quyết định không làm gì cả để khỏi lãng phí vải vóc, thời gian và công sức.

Còn Labakan thì bận rộn suốt hai ngày. Anh ta tính toán, vẽ, đo tới đo lui và cắt may kỹ càng. Anh ta dồn hết công sức vào việc cắt, may để làm đẹp lòng đức vua và hoàng hậu.

Hết ngày cuối, hai chàng trai được mời lại. Labakan bước đi dáng vẻ cao ngạo, tự đắc. Đến gần đức vua và hoàng hậu, anh ta khúm núm dâng bộ quần áo Thổ Nhĩ Kỳ vừa may xong:

-Thưa phụ vương và mẫu hậu kính yêu! Hãy nhìn kỹ xem: đây là bộ quần áo con đã may xong. Nếu cho là chưa hoàn hảo thì con dám thách bất cứ người thợ hoàng gia nào may đẹp hơn con?





The Sultan and Adolziade.

Hoàng hậu mỉm cười đưa mắt âu yếm nhìn Omar:

– Nào! Bây giờ con hãy cho chúng ta thấy bộ quần áo con đã may!

Omar đặt cuộn vải, cái kéo và cuộn chỉ xuống chân vua và hoàng hậu rồi thưa:

– Muôn tâu thánh thượng và hoàng hậu! Con được dạy thi ca, triết học, luật pháp, được rèn luyện cưỡi ngựa, phóng lao, đánh kiếm... chứ không được dạy may vá. Những việc như thế này, đối với Elfi Bey – người đứng đầu thành Cairo được coi là không có giá trị.

Hoàng hậu reo lên sung sướng:

– Con mới chính là con trai của ta! Ta đã nhận ra ngay từ đầu! Hãy đến đây để ta ôm con! Con hãy ra mắt chào phụ vương và các cận thần!

Hoàng hậu vừa nói vừa quay về đức vua.

– Mưu kế của tôi đã thành! Bây giờ đức vua đã biết rõ ai là thợ may và ai mới chính là hoàng tử rồi. Mặc dù đây là cái áo Thổ Nhĩ Kỳ đắt giá do người tự nhận là hoàng tử Omar – con của chúng ta làm ra, đâu tôi biết rõ anh ta chỉ là tên thợ may.

Đức vua như chìm đắm trong suy nghĩ, không tin vào sự thật. Ngài cứ nhìn trân trân vào Labakan người đang xấu hổ, cố tìm cách tránh né.

– Cuộc kiểm tra này chưa đủ! Ta nảy ra một ý. Mọi người hãy cố chờ và sẽ biết rõ tất cả!

Nhà vua ra lệnh mang con tuấn mã hay nhất đến. Ngài cưỡi lên nó và phóng nhanh vào rừng sâu. Nhà vua dừng lại trước gốc cây tuyết tùng rỗng, nơi bà tiên tri Goulgouli đang sống. Nhà vua xuống ngựa và kêu to:

– Hỡi nhà tiên tri! Trước đây bà đã có những lời khuyên bảo, dẫn dắt chúng tôi, trong lúc khó khăn. Xin bà đừng từ chối tôi lúc này, khi tôi vô cùng bối rối!

Nhà vua vừa dứt lời. Gốc cây tuyết tùng mở ra, một bà tiên xinh đẹp xuất hiện.

Hỡi vua Saaud! Ta biết điều gì đã đưa ngài tới đây. Những mong ước của ngài là chính đáng, vì vậy ta sẽ giúp! Hãy mang hai cái hộp này về để hai chàng trai trẻ tự chọn! Ta biết rõ hoàng tử Omar sẽ chọn đúng!

Bà tiên ban cho vua San hai cái hộp nhỏ được khảm bằng vàng, ngọc rất đẹp. Trên mỗi hộp nổi lên những dòng chữ bằng ngọc quý. Một hộp là: DANH DỰ – TRÁCH NHIỆM và hộp kia là: HẠNH PHÚC – KẾ THỪA.

Ngay khi về cung điện, nhà vua đã kể cho hoàng hậu nghe những điều bà tiên tri căn dặn. Trong cuộc thử nghiệm này, hoàng hậu vô cùng tin tưởng. Hoàng hậu tin chắc rằng: người con mà bà nặng lòng yêu thương sẽ chọn đúng cái hộp có phương châm giá trị nhất.

Trước ngai vàng, hai cái bàn nhỏ được đặt ra trên đó là những cái hộp. Nhà vua ngồi trên ngai vàng và ra lệnh cho thị vệ mở cửa ra. Một đoàn tiểu vương, tổng trấn tài giỏi đi vào. Họ ngồi trên trường kỷ đỏ thẫm gần tường. Nhà vua ra lệnh Labakan vào. Labakan xuất hiện kiêu hãnh tiến tới phủ phục trước bệ rồng.

– Thừa phụ vương tôn quý! Người mong con điều gì?

Đức vua nâng Labakan dậy và nói:

– Hỡi con ta! Còn một vài người nghi ngờ con. Con thật sự là ai? Điều này cần phải giải quyết ngay trong lần này. Con hãy nghe đây: một trong những cái hộp này ghi ngày sinh của con. Con hãy tự chọn, ta tin rằng con sẽ chọn đúng.

Labakan tiến đến giữa hai cái bàn và suy tính rất lâu để lựa chọn. Cuối cùng, Labakan quyết định:

– Thừa phụ vương tôn kính, còn gì hạnh phúc hơn làm con của người. Còn gì cao quý hơn là được thừa kế vương quốc mà người đang cai trị. Con xin chọn cái hộp có dòng chữ: HẠNH PHÚC – KẾ THỪA.

Đến lượt Omar được đưa vào. Khuôn mặt xanh xao ánh mắt buồn rầu của chàng làm mọi người càng chú ý. Omar cúi đầu trước ngai vàng và nói:

– Xin đức vua truyền lệnh.

Nhà vua cũng nói với Omar như đã nói với Labakan. Omar đọc những lời ghi trên hộp, suy nghĩ trong phút chốc và nói:

– Trong những ngày qua, tôi đã thấy sự phù du của “hạnh phúc” và những rắc rối phiền phức của việc “kế thừa”. Tôi biết rằng cuộc sống cao quý chỉ có trong trái tim của những người dũng cảm và sự thật không phải bao giờ cũng luôn ở bên thành công. Dầu tôi có mất tất cả ngai vàng tôi vẫn chọn: DANH DỰ – TRÁCH NHIỆM.



Theo lệnh của đức vua, Omar đặt tay trên cái hộp mình đã chọn và Labakan cũng làm vậy. Sau đó, nhà vua gọi một ly nước được mang từ dòng sông linh thiêng ở Macca và rửa tay rồi hướng về phía đông cầu khẩn:

– Kính xin các vị thần linh. Người đã bảo vệ dòng giếng trong sạch, không chút hoen ố. Người đã không cho phép một người không xứng đáng với dòng dõi Abassides kế thừa ta, nhưng sẽ chỉ dẫn và bảo vệ người con trai thật của ta. Người sẽ được biết chắc sự thật ngay bây giờ.

Nhà vua bước lên ngai vàng, ra hiệu cho mọi người chờ đợi. Mọi người tham dự như nín thở, hồi hộp im lặng đến nỗi tiếng hạt giống rơi xuống đất cũng nghe được.

Một lúc sau, nhà vua ra lệnh:

– Hãy mở hai cái hộp này ra!

Bỗng nhiên, những cái nắp nhẹ bay lên không trung. Trong cái hộp của Omar là vương miện và quyền trượng. Còn trong chiếc hộp của Labakan là chiếc kim lớn và một cuộn chỉ to tướng.

Nhà vua ra lệnh đưa cái hộp mà Omar đã chọn đến gần mình. Nhà vua nâng vương miện trên tay và thán phục trước những đường nét tinh xảo. Ông còn nhận ra rằng kích thước của vương miện thật vừa vặn với Omar. Sau đó, nhà vua đặt vương miện lên đầu hoàng tử Omar, hôn lên trán chàng và cho ngồi bên phải mình. Nhà vua nói với Labakan:

– Có câu tục ngữ: “Ai có phận đó” và dường như người rất xứng với việc may vá. Người còn xa mới đáng được ta quan tâm. Nhưng sẽ có một vài người bênh vực cho người. Ta sẽ không trừng phạt người như người đáng phải chịu! Ta chỉ trả người về với vị trí thật của mình. Ta khuyên người hãy tránh xa đất nước này càng nhanh càng tốt!

Xấu hổ vì bị khinh miệt, chàng thợ may tội nghiệp không biết nói gì. Cuối cùng, Labakan phủ phục trước hoàng tử Omar, mắt đầy lệ:

– Thưa hoàng tử! Người có thể tha thứ cho tôi chăng? – Chàng thợ may lắp bắp, nghẹn ngào.

Hoàng tử Omar đỡ Labakan dậy và nói:

– Trung thực với bạn bè và phải biết khoan dung độ lượng với sai lầm của kẻ khác, đó là phương châm của Abassides. Ta chúc người lên đường bình an!

Đức vua ôm Omar, xúc động khóc:

– Con thật đúng là con trai của ta!

Các tiểu vương, tổng trấn cùng đứng dậy reo to:

– Hoàng tử muôn năm!

Trong lúc đó, chàng thợ may Labakan ôm cái hộp lúi thúi ra khỏi cung. Labakan tới chuồng ngựa dẫn con ngựa già của mình. Anh ta nhảy lên yên và biến nhanh khỏi kinh thành để trở về Alexandria.

Như một giấc mơ huy hoàng ngắn ngủi, cái thời làm hoàng tử lùi dần. Chỉ có chiếc hộp tuyệt đẹp khảm vàng bạc, châu báu như nhắc nhở anh ta đã từng làm hoàng tử.

Labakan trở về cửa hàng cũ. Ông chủ không nhận ra Labakan, cúi thấp đầu hỏi xem anh ta cần gì. Khi đến gần sát hơn, ông chủ liền nhận ra Labakan và gọi những người trong cửa hàng đến. Lúc đầu, mọi người không nhận ra Labakan vì bộ quần áo sang trọng của anh ta. Họ lúng túng khó xử. Anh chàng phụ việc trẻ tuổi là người đáng thương nhất. Anh ta là người đã vội vã chạy ra với bàn ủi, thước dây, kéo... cúi đầu chào khách đến nỗi ngã chúi vào đồng quần áo.

Ông chủ giàu có la mắng Labakan vì việc trước kia đã lấy cắp chiếc áo khoác của hoàng thân để cửa hàng khốn đốn. Labakan cho biết: anh ta về đây là để trả lại chiếc áo đó, nhưng không ai chịu nghe. Họ xông vào đấm, đá rồi kéo anh ta ra khỏi cửa. Bị đánh thâm tím, Labakan đau khổ tìm con ngựa già cưỡi đến quán trọ bên đường. Ở đây, anh ta mệt mỏi nằm xuống và suy nghĩ về sự không bền vững của hạnh phúc, những điều hư ảo của thế gian rồi chìm sâu vào giấc ngủ ngon lành.

Tỉnh dậy, Labakan quyết định từ bỏ giấc mộng làm hoàng tử to lớn của mình. Anh ta không còn luyến tiếc, ân hận gì về sự mạo hiểm nữa. Anh ta dùng vàng, ngọc của chiếc hộp để tậu một ngôi nhà. Để bắt đầu công việc mới, anh ta treo một tấm biển to: Hiệu may Labakan.

Đầu tiên Labakan đã dùng kim chỉ của bà tiên để sửa cái áo khoác đã hư hỏng nặng do bị va chạm, xô đẩy ở cửa hiệu của ông chủ cũ.

Có vài người khác nhau rằng: khi Labakan ngồi xuống, bắt đầu công việc thì một sự bất ngờ xảy ra.

Cái kim như có bàn tay thần kỳ điều khiển. Nó có thể làm nên những đường thêu khéo léo, phức tạp mà ngay Labakan cũng không làm được. Điều lạ lùng nhất là cái kim không bao giờ hết chỉ.

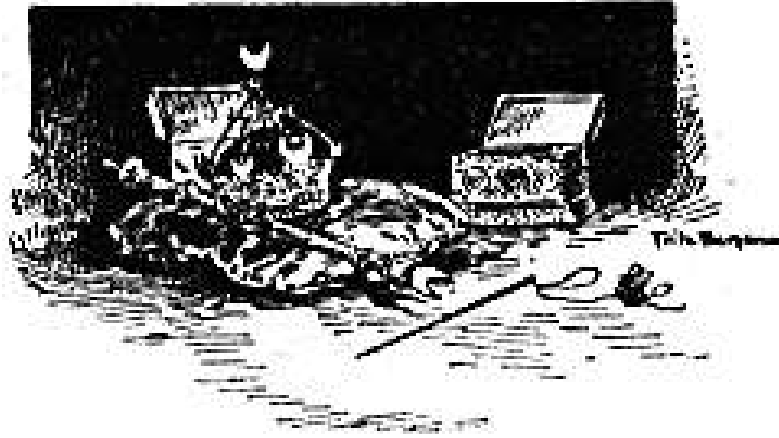
Labakan tự nhủ: món quà nhỏ của bà tiên thật có ích cho công việc của mình. Labakan có rất nhiều khách hàng và anh ta trở thành người thợ may nổi tiếng khắp nơi. Anh ta cắt quần áo và may mũi đầu tiên với cái kim thần kỳ. Cái kim sẽ tự may nốt bộ quần áo. Công việc làm ăn của anh ta cứ thế nhanh chóng phát triển.

Labakan làm việc chăm chỉ và lấy giá công phải chăng nên được nhiều khách đến đặt hàng. Những người ở Alexandria ngạc nhiên thường hỏi làm sao mà anh ta có thể làm từng ấy công việc mà không cần thuê thợ phụ. Labakan đóng chặt cửa và không hề hé môi gì về điều kỳ diệu mà mình bất ngờ có được.

Những lời ghi trên hộp đã thành hiện thực. Nói cách khác: hạnh phúc và kế thừa là số mệnh của Labakan. Anh ta là người thành đạt.

Sau những ngày tưởng mình là hoàng tử, nay chàng thợ may Labakan được nghe những chuyện kể, những lời cầu chúc từ khắp nơi với vị vua trẻ Omar, người đã chiếm được lòng tin yêu và tự hào của dân chúng và sự kính phục của kẻ thù. Labakan giờ đây không còn mơ mộng hão huyền như trước. Chàng thường tự nói với mình: ta làm thợ may là đúng và là tốt nhất! Bởi vì: danh dự và trách nhiệm là những điều quá ư khó khăn đối với ta.

Labakan sống rất lâu và hài lòng với hoàn cảnh hiện tại của mình. Và nếu chiếc kim thần kỳ, món quà tuyệt diệu của bà tiên còn hiệu nghiệm thì nó vẫn tiếp tục may đến đường chỉ cuối cùng.



## NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA SAÏD

Vào thời Haroun Al Rashid trị vì Bagdad có một người tên là Benezar. Ông Benezar luôn ước mong có một cuộc sống hạnh phúc và bình an. Khi ông ta cao tuổi, thánh Allah đã ban cho ông một người con trai.

Người con nay đã trưởng thành. Ông Benezar đã dạy dỗ con thành một con người thận trọng và khôn ngoan. Ông còn yêu cầu con phải hiểu: trí óc sáng suốt cũng cần như sự dẻo dai, khoẻ mạnh của cơ thể. Hàng ngày, ngoài việc học tập, Saïd còn được rèn luyện võ nghệ. Chàng hơn hẳn các bạn cùng trang lứa về bơi lội, cưỡi ngựa và chiến đấu.

Khi Saïd mười tám tuổi, theo phong tục, ông Benezar quyết định Saïd phải hành hương đến thành phố Mecca thăm mộ Nhà tiên tri. Trước khi lên đường, ông Benezar ân cần dặn con:

– Nghe đây! Hỡi con trai! Cha là người được nuôi dạy kỹ càng, đầy đủ hơn rất nhiều người. Cha thường nghe đủ mọi chuyện về các nàng tiên và phù thủy. Đối với cha, đó chỉ là những trò giải trí. Cha chẳng bao giờ tin vào Thần đèn hoặc bất cứ những gì kiểu như vậy lại có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta. Mẹ con, dù đã mất cách đây mười hai năm đã từng tin chắc vào điều đó như tin vào kinh Koran vậy. Bà ấy đã kể cho cha nghe và buộc cha phải giữ bí mật. Từ khi mẹ con ra đời, bà ấy đã được sự bảo vệ, chở che của một nàng tiên. Lúc ấy, cha đã cười chế giễu mẹ con. Nhưng sau này cha đã dần tin về những sự việc liên tiếp xảy ra sau khi con chào đời. Cha sẽ kể cho con nghe chuyện đó ngay bây giờ.

Ngày con ra đời, bầu trời u ám. Mưa và sấm chớp rền vang. Lúc bốn giờ chiều, cha được tin báo thánh Allah đã ban cho mình một người con trai. Đúng lúc đó thì trời quang, mây tạnh. Thành Bagdad như được tắm trong ánh nắng mặt trời rực rỡ. Cha vội đến ngay phòng mẹ con. Vừa bước vào, cha đã ngửi thấy mùi hương thoảng bay làm thư thái hồn người. Mẹ bỗng con đưa cho cha và tươi cười chỉ một chiếc còi bạc xinh xắn, gắn trên sợi dây vàng đeo vào cổ con. Mẹ con nói: bà tiên mà em đã từng kể anh nghe đã ban cho con trai chúng ta món quà này! Cha bỗng nhận ra rằng chính bà tiên đã làm cho bầu trời trong sáng, mùi hương thơm mát phòng này. Tuy vậy cha vẫn cười và nói đùa với mẹ con:

– Bà ta có thể cho thẳng bé cái gì hay hơn thế như túi vàng hoặc một con ngựa chiến...

Mẹ con tái mặt, cầu xin cha không nên đùa cợt. Mẹ cho rằng nàng tiên đang là bạn tốt của mình rất có thể trở thành kẻ đối nghịch khi bị xúc phạm. Cha nghe vậy, vội ngưng lời không dám nói gì thêm, sợ mẹ con buồn. Nói xong, ông Benezar lấy ra một cái còi nhỏ và nói:

– Con nhìn xem! Đây chính là một lá bùa. Cha thấy không có lý do gì để đưa chậm hai năm, sau khi con tròn hai mươi tuổi theo đúng ý nguyện của mẹ con. Con là một người thông minh, có giáo dục và được trang bị kiến thức đầy đủ, toàn diện như một người hai mươi tư tuổi. Vì vậy, cha mới cho con đi khắp nơi để mở rộng hiểu biết.

Ông Benezar đưa cái còi cho đứa con trai cưng của mình và ôm hôn Saïd nồng nhiệt khi chia tay.

Saïd leo lên yên ngựa và nối tiếp theo đoàn lữ hành với tám mươi lạc đà và một trăm kỵ sĩ. Chàng đã đi qua cánh cổng thành phố quê hương mình như vậy. Lúc đầu, Saïd say mê chú ý đến những cảnh lạ xung quanh và những nơi mình đi qua. Nhưng khi đến hoang mạc thì cuộc hành trình dài ngày trở nên đơn điệu khiến Saïd lại nghĩ đến câu chuyện của cha kể về sự ra đời kỳ lạ của mình. Tò mò, Saïd rút chiếc còi trong túi ra ngắm kỹ. Sau đó, chàng đưa lên miệng cố hết sức thổi. Nhưng mãi mà cái còi cũng không phát ra tiếng kêu nào. Thất vọng và bực mình vì món quà ngớ ngẩn, chàng đành dứt vào thắt lưng mình. Chàng suy nghĩ rất lâu về lời dặn của mẹ mình. Saïd đã nghe nhiều chuyện về các nàng tiên nhưng chưa bao giờ nghe ai kể về việc đã từng gặp họ. Saïd cười ngựa đi tiếp như trong cơn mơ mà không hay biết gì mọi việc đang diễn ra xung quanh.

Saïd là chàng trai trẻ tuổi, khôi ngô và rất đáng yêu. Chàng nhìn thế giới với vẻ hồn nhiên, trung thực. Miệng Saïd mím chặt, thể hiện sự gan dạ, kiên quyết. Mặc dù còn rất trẻ nhưng Saïd là người mạnh mẽ, thẳng thắn. Bộ quần áo sang trọng của Saïd làm mọi người chú ý. Lúc ấy, một ông già cười ngựa đến bên Saïd, hỏi thăm tỉ mỉ mọi điều về chàng. Saïd trả lời hào hứng nhưng cũng rất dè dặt, khôn ngoan. Cả quãng đường dài, Saïd vẫn còn ám ảnh về chuyện cái còi và bà tiên. Ông già làm Saïd tin tưởng. Chàng thấy cần san sẻ nỗi băn khoăn, dằn vò mình suốt cuộc hành trình. Chàng hỏi ông già liệu có nên tin vào những bà tiên

và các linh hồn và những điều đó có ảnh hưởng gì đến cuộc sống của mình chẳng? Ông già lắc lư cái đầu và vuốt chòm râu bạc nói:

– Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra. Mặc dù chưa từng chứng kiến, nhưng ta đã nghe rất nhiều chuyện từ những người tin vào điều này.

Rồi ông già còn dặn thêm Saïd:

– Ta tin chắc rằng cái còi hăn có một phép lạ gì đó? Cậu hãy nên giữ gìn nó cẩn thận.

Cả đêm, Saïd cứ mơ về lâu đài, nàng tiên, tướng cướp... và nhiều chuyện kỳ lạ khác. Saïd mơ mãi cho đến khi người của đoàn lữ hành giục chàng dậy để đi tiếp. Thật lạ, trong những ngày tiếp sau, chàng đã hiểu các giấc mơ chẳng ảnh hưởng gì đến mình. Đoàn người tiếp tục lên đường. Saïd vẫn cười ngượng đi bên ông già.

Từ xa, đoàn lữ hành bỗng trông thấy một khối đen trông như đồi cát, đám mây hay một đoàn nào đó tiến rất nhanh về phía mình. Ông già dặn dày kinh nghiệm trong các cuộc lữ hành kêu lớn:

– Nguy hiểm đang tới! Khối đen đang chuyển động hẳn là một toán cướp! Phải chuẩn bị sẵn sàng để chống lại cuộc tấn công bất ngờ!

Không còn nghi ngờ gì. Như một cơn lốc, đám đàn ông khoẻ mạnh xông đến bao vây đoàn lữ hành. Họ chia giáo, bắt đoàn lữ hành phải đầu hàng. Mọi người chống trả rất dũng cảm, nhưng bọn cướp đông hơn bao vây bốn phía. Chúng dùng cung tên, giáo mác giết rất nhiều người của đoàn lữ hành.

Trong cuộc chiến đấu tuyệt vọng này, Saïd chợt nhớ đến cái còi của mình. Chàng lấy ra, cố thổi rồi buồn bã để lại vào túi vì cái còi không hề phát ra một tiếng kêu nào. Bối rối và thất vọng, Saïd vội quay sang một người Ả Rập mặc quần áo sang trọng đang lao tới. Chàng vung kiếm đâm vào người hăn. Hăn lao đảo trên yên, rồi rơi xuống, chết ngay. Ông già kêu lên:

– Lạy Thánh Allah vĩ đại! Cậu đã làm gì thế này? Tất cả mọi cố gắng của chúng ta giờ đâu chẳng còn có nghĩa gì nữa!

Thấy thủ lĩnh bị giết, bọn cướp điên cuồng xông vào đánh đoàn lữ hành với tiếng hú trả thù mang rợ. Những người của đoàn lữ hành chưa bị thương còn sót lại, bỏ chạy tán loạn. Saïd chợt nhận ra vây quanh chàng là năm, sáu người khoẻ



mạnh, nhanh nhẹn. Saïd vung giáo đâm túi bụi khiến bọn cướp không dám tiến gần. Cuối cùng, một thằng rút cái nỏ ngắm bắn Saïd, nhưng một tên khác đã kịp ngăn lại trước khi mũi tên bay ra. Saïd cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm. Trên mình ngựa, chàng nhanh nhẹn xông xáo, chống đỡ các giáo mác đang vung tới. Bỗng một sợi thòng lọng từ xa tung vào cổ chàng. Với một cái giật mạnh, chàng bị nhấc ra khỏi ngựa, rơi xuống bãi cát và trở thành tù binh của bọn cướp.

Những người trong đoàn lữ hành phần lớn đã bị giết, phần còn lại thì bị bắt. Những tên Arabs phân chia tù nhân và của cải vừa cướp được rồi lên đường đi tiếp. Một toán đi về phía bắc, toán còn lại đi về phía đông. Đi kèm Saïd là bốn tên với bộ mặt dữ dằn và luôn mồm nguyền rủa chàng. Saïd đoán tên Arabs bị chàng giết là hoàng tử hay thủ lĩnh hoặc là người có vị trí cao của bộ lạc này. Saïd chợt nghĩ: nếu thành nộ lệ thì còn tồi tệ hơn là chết. Saïd mong tội của mình sẽ làm cho bọn cướp giận dữ và chàng sẽ được chết sớm hơn. Saïd cố gắng để nhìn lại phía sau. Chàng yên tâm khi thấy con ngựa và ông già đều an toàn.

Từ xa, những dãy trại, hàng cây đã hiện ra. Đoàn người, ngựa tiến đến gần. Đám đông, toàn đàn bà, trẻ con ùa ra đón. Nghe tin đầu đảng bị giết, họ ném những tia mắt căm thù về phía Saïd. Họ khóc lóc, rên rĩ và tìm mọi cách để đánh Saïd. Họ kêu lớn:

– Đây là tên khốn nạn đã giết Almansor, chàng trai dũng cảm nhất của chúng ta! Hắn nhất định phải chết!

Họ ném gậy gộc, đá, sỏi về phía Saïd làm cho những tên cướp Arabs phải vây quanh chàng để ngăn cản. Chúng dùng giáo đẩy lùi đám đông và ra lệnh:

– Lùi lại! Hỡi các bà và bọn trẻ. Tên này đã giết Almansor của chúng ta và hắn phải chết nhưng không phải bởi các người mà phải bằng chính lưỡi gươm của những người dũng cảm nhất!

Khi tiến đến những lều trại, họ dừng lại. Các tù nhân bị buộc thành đôi. Của cải được đưa vào lán trại. Saïd bị trói chặt lại và được dẫn đến cái lều lớn nhất. Trong lều có một ông già với bộ quần áo đắt giá và vẻ mặt nghiêm trang như chỉ rõ đó là người đứng đầu bộ lạc.

Những tên áp giải Saïd với bộ mặt và ánh mắt buồn rầu đã khiến tù trưởng lên tiếng:

– Những tiếng kêu khóc của bọn đàn bà, con trẻ khiến cho ta đoán được điều gì đã xảy ra. Về mặt của các anh càng xác nhận rằng: Almansor, con ta đã chết.

– Almansor quả thực đã chết! Nhưng thưa ngài Selim vĩ đại, người bảo vệ sa mạc! Đây là kẻ giết người và chúng tôi đã mang hãn đến để chịu sự trừng trị của công lý. Cái chết nào sẽ dành cho hãn? Chúng ta sẽ giết hãn bằng cung tên, giáo, mác, treo cổ hãn hay cho ngựa hoang xé ra từng mảnh...

Ánh mắt của Selim nhìn như xuyên suốt qua con người trẻ tuổi đang bình tĩnh đón đợi cái chết không chút sợ hãi. Cuối cùng, ông cất tiếng nói:

– Cậu là ai?

Saïd trả lời về mình một cách ngắn, gọn, rõ ràng không một chút bối rối. Selim hỏi tiếp:

– Có phải cậu đã giết con trai ta một cách lén lút? Cậu đã phóng tên hay đâm con ta từ phía sau chằng?

Saïd trả lời:

– Không! Thưa tù trưởng! Tôi đã giết anh ta trong cuộc chiến công bằng, trước mắt mọi người, sau khi anh ta đã giết ít nhất là tám người của chúng tôi.

Selim hỏi những người đi theo:

– Có đúng vậy không?

Mấy người cùng đi xác nhận:

– Vâng thưa ngài! Hãn đã giết Almansor của chúng ta trong trận chiến một cách công bằng.

Selim nói:

– Vậy là hãn đã chẳng làm gì qua hơn việc chúng ta đã làm. Hãn đã chiến đấu dũng cảm, chống lại kẻ có thể sẽ cướp mất tự do và sinh mạng và giết đối thủ. Thả hãn ra!

Những người áp giải ngạc nhiên và hàm hàm giận dữ khi nghe lệnh của Selim.

Người tù trưởng nói:

– Hãn sẽ không chết! Hãy chia hãn cho ta như một phần chiến lợi phẩm. Hãn sẽ ở trong trại và sẽ là nô lệ của ta.

Saïd vô cùng kinh ngạc và bối rối vì không ngờ điều này. Chàng quá xúc động không biết làm gì để thể hiện lòng biết ơn của mình.

Những người đàn ông bức bối ra khỏi lều trại. Họ nói lại quyết định của Selim với đám đàn bà và trẻ con. Tiếng la ó nổi lên. Mọi người thề: nếu Selim không báo thù cho con trai thì họ sẽ hành động.

Những tù nhân còn lại được chia thành hai nhóm. Một số được thả tự do ngay sau khi trả tiền chuộc. Còn một số khác phải làm nô lệ. Họ bị đối xử tàn tệ và làm những công việc nặng nhọc.

Có thể vì diện mạo, vì phong thái của chàng hay sự che chở của bà tiên mà Saïd không bị như vậy. Người tù trưởng dành cho chàng nhiều ân huệ. Vì thế, chàng có thể được coi như là con nuôi hơn là nô lệ. Điều đó, đã làm cho những xung quanh ganh tỵ với chàng. Chàng phải chịu những cái nhìn hãn học và sự công phẫn. Thường thường, khi Saïd đi quanh lều trại có những mũi tên bắn lén và những con dao phóng tới nhưng Saïd vẫn thoát. Việc ấy, càng làm cho Saïd tin vào cái còi hộ mệnh mà chàng vẫn luôn giữ bên người.

Đôi khi, Saïd kể cho Selim nghe những hành động hèn hạ của những kẻ cố giết chàng. Nhưng việc tìm ra thủ phạm là rất khó vì cả bộ lạc đều chống lại chàng. Một ngày nọ, Selim bảo Saïd:

– Ta rất muốn cậu trở thành con trai ta thay cho đứa con ruột đã bị giết, nhưng không được! Đó không phải là do lỗi của ta hay của cậu. Cả bộ lạc đều chống lại cậu. Ta không thể giữ an toàn cho cậu lâu hơn và cũng chẳng ích gì khi ta tìm cách giết những kẻ muốn hại cậu. Vài hôm nữa, khi những người đàn ông mà ta tin cậy trở về, ta sẽ nhờ họ đưa cậu ra khỏi sa mạc. Ta sẽ nói là cha cậu đã gửi số tiền chuộc rất lớn, để những người này khỏi làm khó cho cậu. Họ sẽ đưa cậu ra khỏi sa mạc.

Nghe vậy, Saïd hoảng hốt nói:

– Thưa tù trưởng sáng suốt! Tôi không thể tin bất cứ người nào trong bộ lạc này. Chắc chắn, họ sẽ giết tôi ngay sau khi ra khỏi đây hoặc trên đường đi. Như vậy sẽ thật phí công và phụ lòng tốt của ngài.

Người tù trưởng bảo:

– Cậu đừng lo! Lời thề của họ trước ta sẽ là sự bảo đảm cho cậu. Họ sẽ không dám phá bỏ lời thề đó.

Vài ngày sau, những người đàn ông được tù trưởng tin cậy đã trở về. Selim ra lệnh họ làm theo ý của mình. Selim ban cho Saïd quần áo và ngựa cùng với năm người dũng cảm nhất đi theo. Sau khi Selim đã buộc họ bằng lời thề khủng khiếp nhất để họ không được giết Saïd.

Cuối cùng, Selim từ biệt Saïd với những giọt nước mắt và cả sự luyến tiếc. Năm người đàn ông khỏe mạnh được trang bị đầy đủ, ủ rũ lặng lẽ đi theo Saïd. Saïd thấy rõ sự chán nản của những người phải gánh cái công việc này. Chàng còn nhận ra hai người trong số đó đã từng tham chiến khi Saïd giết Almansor trên sa mạc.

Đi được tám giờ, Saïd nghe họ thầm thì với nhau. Linh tính mách bảo chàng phải cảnh giác. Saïd cố gắng nghe thứ tiếng bộ lạc mà rất may khi ở cùng Selim chàng đã học được đôi chút. Những gì nghe được đã không làm cho Saïd can đảm thêm.

Một tên trong bọn nói:

– Đây là nơi chúng ta đã chặn đoàn lữ hành và cũng chính là nơi mà thằng này đã giết Almansor, con người dũng cảm nhất của chúng ta.

Tên khác xem vào:

– Đúng vậy! Gió đã xóa hết dấu vết trên cát nhưng tôi vẫn không bao giờ quên việc này. Trong sự nhục nhã của chúng ta: hãn vẫn còn đang sống.

– Ai có thể tin rằng một người cha như Selim lại không chịu trả thù cho con trai mình. Selim đã lú lẫn mà trở nên quá dễ dãi chăng?

– Nếu người cha đã quên mất nghĩa vụ của mình, thì chúng ta, những người bạn của Almansor, phải trả thù cho người đã ngã xuống. Hãy giết hãn tại đây bằng chính luật của cuộc chiến! Chúng ta sẽ bắt hãn phải đền mạng!

Tên thứ năm lên tiếng:

– Nhưng đứng trước tù trưởng, chúng ta đã phải thề một lời thề độc địa để không được giết hãn.

– Đúng vậy! Chúng ta đã thề sẽ để cho kẻ sát nhân được tự do.

Những gì nghe được khiến cho Saïd càng lo lắng hơn. Bỗng một tên kêu to:

– Dừng lại thôi! Tù trưởng là một người đàn ông khôn ngoan nhưng không phải mọi việc đều hoàn toàn như ông ta nghĩ. Chúng ta chỉ thề không giết hẳn chứ không thề sẽ không bỏ hẳn ở bất kỳ nơi nào. Cho nên, chúng ta sẽ trói hẳn lại và bỏ mặc hẳn cho số mệnh ở nơi này. Cái nắng thiêu đốt của sa mạc và lũ chó hoang sẽ giết hẳn thay chúng ta. Điều đó, không vi phạm đến lời thề với Selim và như vậy chúng ta cũng chẳng có gì phải sợ!

Thế là cả bọn quyết định hành động. Nhưng Saïd đã nghe được nên chàng vội quất ngựa phóng nhanh, mong trốn thoát. Quá bất ngờ, ban đầu bọn áp giải hết sức kinh ngạc. Nhưng quen với việc lũng bắt người trên sa mạc nên chúng nhanh chóng đuổi theo Saïd. Chúng chia thành hai tốp. Một tốp thì phi thẳng theo vó ngựa của Saïd. Một tốp theo đường vòng tròn để đón đầu.

Lời thề của bọn chúng với Selim đã cứu mạng Saïd. Chúng dùng thòng lọng quăng lên đầu và lôi Saïd xuống ngựa, chúng đánh Saïd tới tấp. Sau đó, chúng trói Saïd lại và bỏ mặc chàng trên sa mạc nóng bỏng. Saïd quỳ xuống xin họ rủ lòng thương. Saïd còn hứa sẽ cho họ một khoản tiền lớn, nhưng chẳng ăn thua gì. Bọn chúng cười chế nhạo Saïd rồi bỏ đi. Tiếng vó ngựa xa dần, Saïd gục xuống. Chàng hoàn toàn không còn hy vọng. Saïd nghĩ về người cha thương yêu, về nỗi đau buồn của ông khi Saïd không bao giờ trở về nữa. Chàng nghĩ về số phận bất hạnh của mình, về cái chết sẽ đến. Làm sao có thể tránh được cái chết? Nếu mặt trời trên sa mạc không giết chàng thì chàng cũng bị lũ sói hoang sa mạc xơi tái.

Mặt trời lên cao dần, ánh nắng dữ dội của sa mạc như thiêu đốt cái đầu trần của Saïd. Chàng tìm cách xoay mình để tránh ánh nắng nhưng không sao làm được. Bỗng cái còi rít khỏi áo. Sau khi cố tìm mọi cách để ngậm còi và Saïd đã thối. Ngay cả khi khó khăn, khủng khiếp đe dọa số phận thì cái còi vẫn không phát ra tiếng kêu nào. Hoàn toàn mệt mỏi và tuyệt vọng, Saïd ngã xuống, ngất đi.

Không biết Saïd chìm trong trạng thái nửa mê, nửa tỉnh và không thể nào mở mắt được trong bao lâu. Chàng nghe tiếng ồn ào và nhận ra cái gì đang ghì trên mình, tưởng là chó hoang nghĩ mình đã chết nên kéo đến xé xác. Saïd kêu lên kinh hoàng. Chàng nhận ra chân mình bị giữ chặt nhưng không phải bởi sợi dây trói của những người Arabs mà là đôi tay của một người lạ. Một người đàn

ông đang cúi xuống sờ sờ chàng. Saïd nghe người đó nói với những người xung quanh:

– Anh ta còn sống! Anh ta cứ nghĩ chúng ta là kẻ thù.



Một lúc lâu, Saïd mới mở mắt và nhìn thấy bên mình là một người to béo có cặp mắt nhỏ và hàng ria dài. Đó là người đã nói những lời tử tế, đỡ Saïd dậy, đưa thức ăn và nước uống cho Saïd. Ông giới thiệu mình tên là Kalum Bey, thương gia Bagdad. Trên đường về, sau một chuyến buôn bán, ông thấy xác của Saïd trên sa mạc. Saïd thành tâm cảm ơn vì nhờ ông mà chàng không bị chết. Saïd đã kể cho Kalum Bey về chuyện của mình. Saïd nói mình không còn tiền bạc và không thể đi bộ xuyên sa mạc. Chàng xin ông làm ơn để chàng được đi theo đoàn lạc đà. Saïd nghĩ rằng đầu tiên mình sẽ đến Bagdad rồi sau đó đến Bassora.

Trên đường đi, Kalum Bey kể cho Saïd nghe về người bảo vệ trứ danh của con chiên ngoan đạo là Haroun Al Rashid vĩ đại. Haroun rất trọng danh dự và lễ công bằng. Ông ta tinh tế về mọi thứ và cũng người rất kỳ dị. Kalum Bey nói tiếp: Haroun vĩ đại chúng ta là một người đàn ông kỳ diệu và tuyệt vời. Nếu anh cho rằng ông ta có giấc ngủ như người khác thì anh đã nhầm. Tôi biết điều đó vì Messour, thị thần của đức ông là anh họ của tôi.

Dù không bao giờ tiết lộ những bí mật về ông chủ của mình, song đôi khi Messour cũng vô tình nói đôi điều. Thay vì, đêm đến đi ngủ giống mọi người thì đức ông thường thả bộ dọc theo đường phố mà không sợ hiểm nguy. Đức ông hay đi một mình, chỉ đôi khi ông ta mới mang theo hai người. Đức ông thường ăn mặc như thương gia hoặc như người lính đi khắp mọi nơi để xem luật pháp đã được thực hiện ở thành phố ra sao. Chính vì điều đó mà ở Bagdad trên các con đường vào buổi tối thường có sắc thái riêng. Những con đường dơ bẩn mà dòng người chen lấn nhau rất có thể đang có Đức ông đi dạo.

Saïd rất vui mừng vì chàng sẽ đến Bagdad và hy vọng mình sẽ có thể gặp con người đầy quyền lực được tôn kính đó. Sau mười ngày, chuyến đi kết thúc. Saïd ngạc nhiên vì vẻ đẹp rực rỡ của thành phố. Kalum Bey gợi ý mời Saïd đến nhà. Vì không còn tiền và sợ phải sống giữa những người xa lạ nên Saïd liền đồng ý trước vẻ mến khách của Kalum Bey.

Ngày hôm sau, Saïd sửa soạn quần áo để dạo phố. Khi chàng xin phép Kalum Bey đi thăm thành phố thì lão thương gia cười, vuốt ria mép nói:

– Được thôi! Chàng trai trẻ! Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu anh không có gì để ăn và uống?

Saïd đỏ mặt nói:



– Ngài Kalum Bey! Tôi không có tiền nhưng ngài có thể cho tôi mượn một ít. Khi về nhà, cha tôi sẽ gửi trả ngài nhiều hơn thế!

Kalum Bey cười phá lên:

– Cha anh! Ta tin rằng mặt trời trên sa mạc nung cháy khiến anh ấm đầu, trở nên ngớ ngẩn thế! Chẳng nhẽ anh nghĩ ta tin vào câu chuyện kể trên sa mạc ư? Cha anh là ai? Nếu là một người đàn ông giàu có ở Bassora thì hẳn ta đã biết. Nhưng ta chưa bao giờ nghe nhắc đến tên Benezar. Anh có thể là một tên cướp hoặc một kẻ lêu lổng. Không nghi ngờ gì, cha anh chỉ là một kẻ nghèo kiệt xác! Và đối với thằng con đã bỏ trốn của ông ấy, ta sẽ không cho mượn một xu. Anh phải biết rằng, đối với những đoàn lữ hành trên sa mạc không ai dám tấn công khi Haroun còn ngự trị. Toàn bộ câu chuyện của anh chỉ là một sự bịa đặt dối trá.

Đỏ mặt tức giận vì bị xúc phạm, Saïd muốn lao vào đánh người đàn ông béo lùn đó. Nhưng lão lái buôn vẫn cười khoái trá, thích thú kêu:

– Anh nói anh đã giết con trai của Selim. Anh nghĩ chúng ta tin điều đó ư? Selim được mọi người biết đến là kẻ nổi tiếng hung bạo. Ông ta thích được trông thấy những người bị bắt đem treo lên, bị tra tấn đau đớn trước mặt mình. Anh đáng bị Selim xé ra từng mảnh để ăn tươi, nuốt sống chứ không còn đứng đây để ba hoa, khoác lác với ta. Anh chính là kẻ nói dối đê tiện!

Saïd cố kìm nén cơn giận, trả lời:

– Tôi xin thề bằng sự bất tử của linh hồn, bằng bộ râu của nhà tiên tri: tất cả những điều tôi nói đều là sự thật.

Lão lái buôn cười sảng sặc:

– Cái gì? Anh dám lấy linh hồn của anh, một linh hồn đen tối dối trá, và đem cả bộ râu mà anh thì chưa có râu để thề. Đó mới chính là sự thật!

Saïd nén giận trả lời:

– Đúng là tôi không có bằng chứng, nhưng chính ông đã thấy tôi bị trói và bất tỉnh trên sa mạc.

Lão lái buôn cười hèn hếch bảo:

– Điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Ta thấy anh ăn mặc như tên cướp. Biết đâu, anh đã gặp phải tên cướp mạnh hơn. Anh đánh không lại hẳn, bị hẳn trói và bỏ lại trên sa mạc.

Saïd kêu lên giận dữ:

– Tôi rất muốn đối mặt với kẻ đã trói và quăng tôi lại trên sa mạc. Nhưng liệu ông có thể làm gì khi bốn, năm người lực lưỡng cùng tấn công và ném dây thòng lọng vào cổ ông?

Chàng dịu giọng:

– Tuy vậy ông là người đã cứu tôi, mà tôi thì không phải là người vong ân. Ông muốn gì? Tôi xin ông! Nếu ông không vui lòng giúp tôi thì thà tôi tìm đến nhà vua còn hơn là chấp nhận sự bố thí!

Lão lái buôn cười khẩy:

– Thì cũng vậy! Anh sẽ chỉ nhận được sự ban ơn, bố thí của nhà vua. Ta vẫn gọi: đó là sự hạ mình ăn xin. Hãy nhớ lấy, anh bạn trẻ! Con đường tìm đến đức vua đã bị chặn lại bởi người anh em họ của ta: Messour. Ta có thể báo trước cho ông ta câu chuyện dối trá của anh. Nhưng ta thương hại anh vì anh còn rất trẻ Saïd ạ! Trước mắt anh còn rất nhiều thời gian. Ta sẽ thuê anh làm công trong một năm. Sau đó, ta sẽ trả công cho anh và anh sẽ đi mọi nơi: Aleppo, Medina, Stamboul hay Bassora...nếu anh muốn. Ta sẽ để anh suy nghĩ đến trưa. Nếu anh không chấp nhận lời đề nghị của ta, ta sẽ tính hết phí tổn mà ta đã lo cho anh từ trước đến nay. Và trước hết, ta sẽ lột bỏ bộ đồ anh đang mặc để trừ nợ. Sau đó, ta sẽ quăng anh ra ngoài đường. Với bộ dạng như thế, anh tha hồ đến gặp nhà vua hay giáo sĩ hoặc sẽ lê la ăn xin ngoài chợ.

Nói xong những lời phán quyết ác độc đó, Kalum Bey bước ra khỏi phòng, Saïd rất bối rối. Chàng vô cùng căm tức tên lái buôn béo lùn đến nỗi có thể làm bất cứ điều gì để chống lại hắn và giải thoát cho mình. Chàng nghĩ bây giờ có thể trốn ra khỏi nơi này. Nhưng chàng phát hiện các lối ra vào đều bị khóa chặt. Cuối cùng, khi đã bình tĩnh lại chàng đành quyết định nhận lời Kalum Bey. Chàng biết rằng nếu không có tiền thì sẽ chẳng đến được Bassora. Chàng cũng nghĩ sẽ cầu xin sự giúp đỡ của đức vua Haroun tốt bụng khi có dịp.

Những ngày sau, Kalum Bey dẫn người giúp việc mới vào khu chợ. Ông ta chỉ cho Saïd biết các mặt hàng: khăn choàng vải, len, dạ...và các loại hàng hóa khác và giảng giải chàng cách buôn bán. Kalum Bey cho Saïd mặc bộ đồ của người bán hàng và đứng trước quầy mời chào khách.

Bây giờ, Saïd mới hiểu vì sao Kalum Bey tìm mọi cách để ràng buộc chàng vào lão. Với bộ mặt xấu xí, dáng người thô thiển, lời nói cục cằn như Kalum Bey thì làm sao giữ khách được. Khách hàng vừa trông thấy lão đã vội bỏ đi, nói gì đến việc xem hàng. Những người mua hàng khu chợ này, phần lớn là những người phụ nữ đẹp và giàu có. Vì vậy họ rất thích người bán hàng trẻ tuổi, nhanh nhẹn, chào mời vui vẻ ân cần.

Từ ngày có Saïd, Kalum Bey làm ăn phát đạt hẳn. Vì vậy lão lái buôn đối xử có vẻ tử tế hơn với Saïd. Lão cho Saïd ăn ngon, mặc đẹp để chàng vui vẻ làm việc, nhưng Saïd vẫn ngày đêm nung nấu ý định trở về quê hương. Chàng luôn tìm dịp để liên hệ với gia đình.

Một ngày nọ, khách hàng quá đông đến nỗi những người khuân vác hàng đều đã đi hết. Một bà lớn tuổi vào cửa hàng. Bà lựa chọn rất lâu và yêu cầu người mang hàng về nhà. Bà hứa sẽ trả tiền công hậu cho người đưa hàng. Kalum Bey nói:

– Tôi có thể cho người mang hàng đến nhà bà khoảng nửa giờ nữa. Vì hiện nay, những người đưa hàng đều không có ở đây. Mong bà thông cảm!

Bà khách nói:

– Ta không thể chờ và cũng chẳng muốn cho những người khuân vác lạ. Xem kìa! Ông còn một người phụ việc ở đây. Hãy để anh ta mang hàng cho tôi!

– Không! Không! Anh ta là con chim mồi, là biển hiệu cửa hàng tôi. Anh ta không thể đi được!

Bà khách vẫy Saïd lại, giao hàng cho Saïd rồi nói với Kalum Bey.

– Thật là vô lý! Nếu ông không giữ nổi việc làm ăn mà phải dựa vào người phụ tá đẹp trai này thì mở cửa hàng làm gì?

Bà vui vẻ bảo Saïd:

– Đi nào! Chàng trai trẻ, anh sẽ có cơ hội kiếm thêm ít tiền ngày hôm nay đấy!

Kalum Bey không thể tranh cãi gì được nên đành để Saïd đi. Lão bực tức vì mình phải tự trông coi cửa hàng.

Saïd đi theo bà khách. Họ đi qua khu chợ ồn ào và đi qua rất nhiều con đường. Cuối cùng, họ dừng lại trước một ngôi nhà xinh xắn. Bà khách gõ cửa.

Như có phép màu, cửa mở ngay. Bà đi vào, Saïd theo sau. Saïd bước vào căn phòng lớn trang hoàng lộng lẫy. Bà khách ngồi xuống đệm khi Saïd tìm chỗ để đặt hàng. Chàng định ra về sau khi nhận tiền công. Bỗng chàng nghe một giọng nói sang trọng, khác lạ. Chàng nhìn quanh và ngạc nhiên thấy trước mắt là một người thiếu phụ trẻ, đẹp, xung quanh rất nhiều người hầu. Chàng sửng sờ, không thốt nên lời. Người thiếu phụ nói:

– Saïd! Ta rất lấy làm tiếc về những điều bất hạnh của cậu, cũng là nguyên nhân đẩy cậu đến Bagdad. Đó cũng chính là hậu quả của việc cậu rời gia đình và quê hương trước tuổi hai mươi, mà đây cũng là một phần của số mệnh cậu. Cậu vẫn còn giữ cái còi chứ?

Saïd vội rút cái còi buộc bằng sợi dây vàng ra, reo lên sung sướng:

– Thưa bà! Tôi vẫn còn! Bà đúng là bà tiên tốt bụng đã tặng tôi món quà này!



Said's good Fairy.

Bà tiên nói:



– Ta đã từng là bạn của mẹ cậu và bây giờ là bạn của cậu Saïd ạ! Nếu cha cậu tin và nghe theo lời dặn của ta thì cậu đâu phải đối phó với những bất hạnh như vừa qua.

Saïd trả lời:

– Điều đã xảy ra thì không gì có thể thay đổi. Nhưng thưa bà tiên yêu quý! Bà có thể giúp cháu rời khỏi Bagdad trên đám mây kì diệu hay trên một tấm thảm bay để cháu về với cha cháu chẳng? Còn sáu tháng nữa, cháu mới tròn hai mươi tuổi.

– Cậu thật khéo nói! Điều cậu yêu cầu là không thể được. Khi cậu vẫn còn ở nơi xa lạ này thì ta không thể giúp gì được. Ngay cả việc giúp cậu thoát khỏi Kalum Bey cũng rất khó, vì ông ta được những kẻ rất có thế lực che chở.

Saïd buồn rầu, cúi đầu suy nghĩ. Cuối cùng, chàng ngẩng đầu lên quả quyết nói:

– Nhưng tại sao cháu lại không thể đến gặp đức vua ở Bagdad? Chẳng lẽ cháu không thể làm cho ông ta chú ý và nhận được lời khuyên bảo của đức vua sao?

Bà tiên nói:

– Đức vua Haroun là một người sáng suốt, nhưng dẫu sao, ông ta cũng chỉ là một con người. Đức vua rất tin vào vị cận thần Messour của mình. Người này đã qua thử thách và chứng tỏ lòng trung thành. Tuy nhiên, ông này lại chịu tác động rất lớn ở người anh em họ Kalum Bey của mình. Ông ta sẽ tin vào những lời đơm đặt quý quái của Kalum Bey. Qua viên cận thần, nhà vua sẽ tin chắc cậu là kẻ đáng ngờ. Như vậy, nhà vua hẳn sẽ không đối xử công bằng với cậu. Nếu cậu muốn xứng đáng với sự thông cảm và tin tưởng thì cậu phải chờ đợi lâu đấy!

Saïd buồn bã nói:

– Đây quả là điều xấu! Nhưng bà có thể ban cho cháu một đặc ân không ạ? Cháu đã được huấn luyện để dùng thành thạo các vũ khí và niềm vui của cháu là đấu thương. Hàng tuần, ở đây có tổ chức cho giới thanh niên quý tộc tham gia đấu thương. Bà có thể giúp cháu trở thành đấu thủ vô danh được chẳng?

Bà tiên vui vẻ đáp:

– Yêu cầu của cậu đã được chấp thuận. Cậu sẽ đến đây vào cuối tuần. Ta sẽ cho cậu một con ngựa hay với vũ khí tốt và hai người hầu. Cậu sẽ được rửa mặt bằng loại nước thần kỳ để không ai nhận ra mình. Thôi tạm biệt cậu! Hãy kiên nhẫn và đừng buồn! Sáu tháng sau, cái còi của cậu sẽ thổi được và có công hiệu.

Chàng trai trẻ từ biệt người đàn bà thần bí đầy quyền uy với sự biết ơn và kính trọng. Saïd nhìn kỹ con đường và ngôi nhà mình đã đến và trở về cửa hàng. Vừa kịp lúc, chàng thành người trợ thủ đắc lực cho Kalum Bey. Lúc ấy, một đám đông những người trẻ tuổi đang ra sức hò reo, cổ vũ còn những người lớn thì vừa đứng nhìn vừa cười thích thú.

Thì ra lúc Saïd vắng mặt, Kalum Bey đứng canh hàng bên cửa run lên vì tức giận. Một tay ông ta giữ khăn choàng, một tay thì cố giữ mạng che. Nhiều người đi qua, nhưng không ai muốn vào mua hàng của ông ta cả. Lúc ấy, có hai người quý phái, qua lại nhiều lần với vẻ tìm kiếm. Kalum Bey chú ý và không muốn mất những người khách giàu có nên vội mời:

-Thưa quý ngài! Các ngài cần gì? Ở đây có những thứ hàng đẹp nhất, sang trọng nhất!

Một người nhã nhặn nói:

– Hàng của ông tuy tốt đấy nhưng vợ tôi lại thích và quen mua đồ của người bán hàng trẻ tuổi, đẹp trai tên là Saïd. Ông hãy nói để chúng tôi biết anh ta ở đâu vì chúng tôi phải mua những thứ chúng tôi cần. Chúng tôi sẽ ghé cửa hàng ông vào dịp khác.



Kalum Bey mừng rỡ, rồi rít nói:

– Nhà tiên tri vĩ đại đã dẫn bước chân ngài đến đúng chỗ! Ngài muốn mua một cái khăn choàng hay một cái mạng... Thì đây chính là cửa hàng mà chàng trẻ tuổi, đẹp trai bán.

Người đàn ông cười ngất khi nhìn thấy khuôn mặt kỳ dị và bộ dạng xấu xí của Kalum Bey. Ông ta nghĩ lão bán hàng dám nhận là người đẹp trai, trẻ tuổi thì thật khôi hài. Còn người kia thì cho là Kalum Bey nói đùa nên cả hai bỏ đi không mua hàng. Kalum Bey tức giận. Lão gọi mọi người xung quanh đến để làm chứng rằng cửa hàng mình có người bán hàng trẻ tuổi, đẹp trai. Nhưng những người này, xưa nay vốn ghét Kalum Bey và ganh tỵ với việc mua may, bán đắt gần đây của lão nên giả như không biết. Hai người khách cho rằng mình bị lừa nên càng điên tiết. Họ gọi Kalum Bey là lão già xấu xí và đánh ông ta không thương tiếc.

Kalum Bey chỉ biết tự vệ bằng cách la hét chứ không dám đánh trả. Dần dần, đám người hiếu kỳ càng vây quanh cửa hàng Kalum Bey đông hơn. Một nửa



khu phố biết ông ta là người gian tham và ác cảm với may mắn mà ông ta có được nhờ người bán hàng đẹp trai nên càng thích thú khi thấy ông ta bị no đòn. Nhưng khi một người đàn ông nắm được bộ râu của Kalum Bey thì một đôi bàn tay khoẻ mạnh đã kịp ngăn lại. Người khách hàng đã bị xô ngã bay cả khăn đóng.

Đám đông đang khoái trá khi Kalum Bey bị trừng phạt bỗng tản ra thì thầm với nhau. Người bạn đồng hành đảo mắt tìm quanh kẻ tấn công. Thấy một chàng trai cao lớn, hàng ria đậm, trẻ đẹp với ánh mắt giận dữ đang giúp Kalum Bey, ông ta liền lao tới. Saïd không muốn đánh nhau nên chỉ gạt các cú đâm chứ không chống trả.

Kalum Bey được cứu thoát như một phép thần. Lão kêu lên phân bua:

– Thưa quý ngài! Còn hơn những gì quý ngài mong muốn. Đây chính là Saïd! Người bán hàng trẻ tuổi, đẹp trai của cửa hàng tôi!

Hai người đàn ông cười lớn vì họ biết Kalum Bey đối xử độc ác với kẻ ăn người làm nên không ngờ Saïd lại xả thân vì chủ như vậy. Họ xấu hổ, bước ra khỏi cửa hàng mà không mua một thứ gì.

Lúc Saïd đang thu dọn hàng vì trận đánh nhau vừa rồi thì Kalum Bey hào hứng nói to:

– Anh là viên ngọc quý của cửa hàng! Anh là báu vật của tuổi trẻ! Anh trở về vừa đúng lúc. Nhờ anh người đàn ông kia đã bị đánh gục dưới đất và ta khỏi cần gọi thợ để cắt tóc và xén râu nữa. Ta sẽ trả ơn anh!

Saïd đã hành động nhanh chóng trong chốc lát theo trái tim một cách đơn giản vì lòng nhân từ. Anh bỗng nhận ra mình là người hầu sáng giá với ông chủ xấu xí này. Trên đầu ông ta chỉ còn nhúm tóc và bộ râu của ông ta còn thưa hơn. Saïd đã làm cho Kalum Bey như tử tế hơn. Chàng sợ những lời tán tụng ơn nghĩa của Kalum Bey sẽ theo gió mà bay đi. Ngay lúc đó, Saïd xin được thưởng công: hàng tuần được tự do một buổi chiều và tối để làm những điều mình thích. Kalum Bey đồng ý vì biết Saïd không đủ tiền bạc và quần áo nên không thể xa lão được.

Ngày thứ tư là ngày thi đấu thương hàng tuần. Hôm đó, Saïd đến con đường và ngôi nhà nơi bà tiên đang sống và gõ cửa. Cánh cửa lập tức được mở. Người hầu như đã chuẩn bị trước mà không cần hỏi. Anh ta dẫn Saïd vào căn phòng đẹp và đưa lọ nước thần. Saïd dùng nước để rửa mặt và nhìn vào gương treo trên tường. Chàng không còn nhận ra mình nữa. Trong gương là một người có khuôn

mặt ngăm ngăm và bộ râu được cắt tỉa gọn. Chàng như người trạc ba mươi tuổi. Saïd bước sang phòng bên và thấy một bộ quần áo đẹp như của vua Haroun mặc khi dẫn đầu đoàn quân của mình. Ngoài ra còn có khăn xếp được viền bằng đá quý trên có gắn lông vũ, một áo choàng được dát bằng những bông hoa bạc. Saïd còn được nhận một cái áo giáp được nối kết bằng các khoen bạc chắc chắn không dễ gì mũi thương, mũi kiếm có thể xuyên qua. Một lưỡi gươm Damas đựng trong cái bao đặt tiền với cái cán khảm những viên ngọc vô giá. Saïd rời khỏi phòng. Người hầu mang cho chàng chiếc khăn bằng tơ của bà chủ lâu đài gửi và dặn khi lau mặt thì màu da và bộ râu sẽ biến mất. Trong sân là ba con ngựa chiến, con hay nhất dành cho Saïd còn hai con kia là để người hầu.

Vô cùng sung sướng, Saïd lên yên ngựa phi nhanh đến đấu trường. Bộ trang phục sang trọng và vũ khí đắt giá đã làm mọi người chú ý đến Saïd. Tiếng reo hò vang dậy khi chàng tiến vào võ đài. Nơi đây, đủ mặt các chàng trai dũng cảm của tầng lớp quý tộc. Ngay cả các em trai của nhà vua cũng tham dự.

Khi Saïd cưỡi ngựa vào, không ai biết chàng. Con trai tế tướng và vài người bạn tiến đến chào hỏi, mong biết rõ chàng từ đâu đến. Saïd cho biết mình là Almansor và từ Cairo đến. Saïd nói thêm mình đã đi nhiều nơi và được nghe nói nhiều về lòng can đảm cũng như sự khéo léo của những quý tộc trẻ thành Bagdad nên muốn thấy tận mắt. Các chàng trai rất thích lời khen của Saïd. Họ coi chàng như là bạn và mời chàng cùng dự cuộc thi. Họ đưa cho Saïd cái thương và xin chàng chọn phe thi đấu vì các đấu sĩ đã được chia làm hai phe từ trước.

Lòng dũng cảm và khả năng chiến đấu của Saïd còn thu hút sự chú ý của mọi người hơn cả bộ trang phục và vũ khí chàng mang theo. Ngựa của Saïd phi nhanh hơn gió. Đường kiếm chàng vung Đông, chém Tây loang loáng. Saïd phóng thương dễ dàng và chính xác như người ta phóng phi tiêu. Saïd đánh bại những người gan dạ của phe đối phương. Cuối trận đấu, hai người em của vua và con trai tế tướng vui vẻ, reo hò chiến thắng. Ali, một người em khác của vua cũng bị đánh bại. Nhưng cuộc chiến với một người con khác của tế tướng và Saïd kéo dài lâu hơn. Vì hai bên tài năng ngang ngửa nên phải dời sang ngày khác.

Hôm sau, ở đâu cũng bàn tán về chàng trai lạ mặt, dũng cảm ở đấu trường. Những người xem đấu đều bị lôi cuốn bởi phong cách quý phái, sự can đảm của chàng. Ở cửa hàng của Saïd, họ cũng nói về điều đó và băn khoăn không biết chàng võ sĩ lạ từ nơi nào đến và đang sống ở đâu?

Ngày nghỉ tuần tiếp, Saïd nhìn thấy ở nhà bà tiên bộ đồ đẹp hơn lần trước nhiều. Cả thành phố Bagdad hôm nay đã tập trung hết ở đấu trường. Ngay cả nhà vua cũng đến xem thi đấu. Nhà vua chú ý đến người đấu sĩ trẻ tuổi dũng cảm. Saïd được nhà vua trao tặng huân chương và đeo vào cổ Saïd như sự khích lệ.

Sự chiến thắng của Saïd lần thứ hai đã dậy lên sự tranh luận của giới trẻ Bagdad. Một số người bức tức vì một tên lạ mặt, không rõ lai lịch lại có thể cướp đi tiếng tăm, danh dự của họ. Họ bàn nhau phải dạy Saïd một bài học để Saïd không thể ở đây lâu hơn. Họ quyết định sẽ hợp sức năm, sáu người cùng tấn công Saïd. Saïd quắc mắt khi nghe những lời thì thầm đó. Chàng nhận rõ sự ganh tị và ác cảm của các chàng trai trẻ Bagdad với mình. Chàng hiểu: ngoài hai người em của đức vua và con trai tế tướng thì không ai có cảm tình với mình cả. Hai người này cũng rất muốn biết nhiều về Saïd. Họ hỏi Saïd làm nghề gì và sao lại đến Bagdad. Họ còn hỏi có thể gặp lại chàng ở đâu?

Một điều lạ nữa là người đàn ông có cái nhìn độc ác nhất với Saïd lại là người đã bị Saïd quật ngã ở cửa hàng Kalum Bey. Tại đấu trường, Saïd đã đánh bại hẳn hai lần trong cuộc chiến công bằng nên không có lý do gì để hẳn có ánh mắt ác cảm với chàng cả. Người anh hùng của chúng ta sợ rằng đã để lộ ra giọng nói hoặc hình dạng người phụ tá bán hàng của Kalum Bey thì hẳn sẽ kể hết mọi chuyện để chống lại chàng.

Saïd bị tấn công từ mọi phía một cách không thương tiếc, không phải chỉ vì Saïd đã chiến đấu dũng cảm trên đấu trường mà còn vì chàng đã giành được sự thiện cảm của nhà vua và em trai cùng với con trai tế tướng. Họ là những người có uy quyền và vị trí đáng kính ở đây.

Cuộc chiến đấu mà sáu người dồn sức chống lại một người đang hồi quyết liệt. Hai chàng trai trẻ em của vua và con trai tế tướng thấy Saïd lâm vào tình thế nguy nan, liền nhảy vào cuộc chiến hỗ trợ cho Saïd và chia tách sáu người kia ra. Họ ngăn cấm các chàng trai đã có hành động không đúng với danh dự và không tôn trọng luật thi đấu sẽ không được tham dự trận tiếp.

Hơn bốn tuần qua, Saïd đã làm cho cả thành phố Bagdad khâm phục bằng những hành động dũng cảm trên đấu trường của mình. Một hôm, trên đường về nhà sau cuộc thi đấu, chàng bỗng nghe những giọng nói quen thuộc. Trước mặt chàng là bốn người đàn ông vừa đi chậm rãi vừa nói bằng thứ tiếng của bộ lạc Selim. Saïd nhẹ nhàng theo sát họ. Chàng nghe được một số từ và phán đoán, họ

đang có mưu đồ. Lúc đầu, Saïd định bỏ đi nhưng nghĩ mình đủ sức đối phó, ngăn chặn nên chàng càng chú ý hơn những điều họ nói. Người đầu tiên bảo:

– Người giữ cửa bảo rằng: Con đường bên phải... tối nay ông ta sẽ đi qua với tế tướng

Người khác xác nhận:

– Đúng đấy, ta không sợ tế tướng, hẳn vừa già lại vừa yếu, nhưng nhà vua thì khác. Ông ta là tay kiếm cự phách đấy!

Tên thứ ba xen vào:

– Mà thật ngốc! Chúng ta đông hơn. Điều chắc chắn là ông ta chỉ đi với một người là tế tướng. Tối nay, chúng ta sẽ tấn công nhưng nhớ rằng chúng ta không được thịt ông ta đấy!

Tên đầu nhóm lại nói:

– Cách tốt nhất là cho thông lọng qua đầu ông ta. Chúng ta không cần phải giết người, cái chúng ta cần là món tiền chuộc thật lớn.

Cuối cùng, cả bọn nhất trí mười một giờ tối nay sẽ hành động. Sau đó, chúng chia tay. Saïd có thể ngăn chặn âm mưu này một cách dễ dàng. Chàng có thể báo để nhà vua đề phòng nhưng chợt nhớ lời dặn của bà tiên. Bà cho biết nhà vua không thích sự sắp đặt và viên tổng quản quen biết Kalum Bey sẽ cho lời cảnh báo đó là trò đùa và có thể bắt giam Saïd. Nghĩ thế, Saïd quyết định chỉ còn cách tốt nhất là dùng thanh gươm của mình để cứu nhà vua khỏi băng cướp.

Đáng lẽ phải quay về cửa hàng của Kalum Bey đúng giờ thì Saïd lại ngồi trên bậc đá thánh đường chờ đêm xuống. Sau đó chàng đi qua chợ, vòng trên các con đường mà bọn cướp đã nhắc tới. Cuối cùng, chàng chọn cách ẩn mình trong một ngôi nhà ở góc phố nơi bọn cướp sẽ ra tay. Saïd chờ khoảng một khắc thì nghe có tiếng bước chân. Lúc đầu, chàng nghĩ có lẽ nhà vua và tế tướng đi dạo nhưng có tiếng vỗ tay. Ngay tức khắc có vài người ló ra từ các ngách. Bọn chúng thì thầm, bàn bạc một hồi rồi tản lui ra. Có hai tên nấp gần chỗ Saïd. Bọn còn lại đi tới, đi lui về sốt ruột.

Màn đêm dày đặc không còn trông thấy gì. Saïd phải dùng đôi tai để nghe và phán đoán. Một lúc sau, lại vang lên tiếng bước chân từ phía chợ. Một tên cướp

nấp gần Saïd ra hiệu. Trong chớp mắt, ba tên cướp nhảy ra xông vào. Ngay lúc đó, Saïd rút gươm lao vào trận đánh kêu to:

– Hạ vũ khí xuống! Hỡi kẻ thù của Haroun!

Saïd chém một tên gục ngã. Chàng chạy về phía hai tên đang trói một người đàn ông. Chàng trai trẻ dùng cảm vung gươm chém đứt cánh tay của một tên trong bọn. Hấn rú lên khiếp đảm và ngã xuống. Lúc đó, tên thứ tư quay sang định đâm Saïd nhưng người đàn ông bị trói đã tự cởi được. Nhanh như cắt, ông ta đã rút dao găm đâm vào tên cướp khiến hắn rơi gươm ngã xuống, không kịp đâm Saïd. Chỉ còn một tên chạy thoát. Saïd không đợi lâu, một người đàn ông dáng cao lớn đến bên chàng và nói:

– Một cuộc tấn công bất ngờ đã đến với ta, không hiểu làm sao anh lại đến kịp để giải thoát ta? Có thể anh đã biết trước âm mưu này chăng?

Saïd trả lời:

– Hỡi người bảo vệ của những tín đồ! Tôi đang đi trên đường, vô tình nghe được âm mưu ma quỷ của bọn người muốn chống lại ngài. Lúc đó không thể báo kịp cho ngài, nên tôi đã ở lại để chờ đợi và trợ giúp khi cần thiết.

– Ta vô cùng biết ơn anh! Nhưng chúng ta hãy nhanh chóng rời khỏi nơi phức kích này. Hay cầm lấy chiếc nhẫn này và sáng mai đến gặp ta tại hoàng cung!

Haroun ra hiệu cho tế tướng đi theo mình sau khi đã đeo chiếc nhẫn vào tay Saïd. Trước khi đi, người đàn ông già hơn vội ấn túi tiền vào tay Saïd và nói nhỏ:

– Nhận lấy, chàng trai trẻ! Lúc này, ta không thể tặng cậu nhiều hơn được.

Nói xong, tế tướng vội đi theo nhà vua về hoàng cung. Saïd cảm thấy lâng lâng hạnh phúc. Chàng vui vẻ, vội bước về nhà.

Kalum Bey vô cùng giận dữ vì Saïd trở về quá trễ. Nghĩ rằng mình sắp mất một người phụ việc đáng giá. Kalum Bey như một thằng điên, gào lên chửi rủa Saïd. Saïd rất bức vì bị xúc phạm, cảm thấy túi tiền còn ấm trên người. Saïd nghĩ đây chính là cơ hội tốt để mình về quê nhà. Chàng tuyên bố mình sẽ ra khỏi cửa hàng ngay bây giờ. Lúc đầu, lão lái buôn ngạc nhiên không nói nên lời. Sau đó, lão cười khẩy và la lớn:

– Mà y là kẻ ăn xin ti tiện và ngu ngốc. Làm sao mà y có thể đi khỏi đây? Mà y tìm đâu ra chỗ ăn, chỗ ngủ khi mà không có một xu dính túi hả?

Saïd trả lời:

– Việc đó không liên quan gì đến ông. Điều chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ gặp lại ông nữa!

Saïd rời khỏi nhà, bỏ mặc Kalum Bey đang lờng lộn gào thét vì bức tức.

Sau một đêm suy nghĩ, Kalum Bey cho người nhà đi khắp nơi để dò la tin tức của Saïd. Họ quay về báo với Kalum Bey, Saïd đã rời khỏi thánh đường để theo chân một đoàn lữ hành. Saïd đã thay đổi nhiều sau khi mặc chiếc áo khoác đắt tiền, trang bị dao găm và cung nỏ. Nghe nói vậy, Kalum Bey gầm lên giận dữ:

– Nó đã lấy tiền bạc và quần áo của nhà ta rồi trốn đi. Ta thật là người đàn ông bất hạnh!

Rồi lão cho người đi khắp nơi để tìm bắt giữ Saïd Vì lão quen biết tổng quản Messour nên ai cũng nể sợ. Vì vậy lệnh bắt Saïd đã được ban ra.

Lúc ấy, Saïd đang ngồi chờ giờ lên đường. Chàng chuyện trò với những người lái buôn sắp đưa hàng vào chợ. Bất ngờ, một nhóm người vũ trang xông vào bắt Saïd, dù chàng chống đối kịch liệt. Saïd gắng hỏi thì được biết họ theo lệnh tòa án và theo lời yêu cầu của Kalum Bey.

Bấy giờ, Kalum Bey mới đến. Lão lao vào la lối, bêu rếu Saïd, lục lọi túi chàng. Trước sự ngạc nhiên của những người xung quanh, lão lấy ra một cái túi đầy vàng và kêu to:

– Hãy nhìn xem! Cái gì đây? Cái thằng mất dạy này đã lấy cắp túi vàng của tôi. Hắn quá trẻ, quá đẹp trai và hơn thế quá là đểu cáng! Công bằng và công lý, đó là tất cả những gì tôi yêu cầu!

Thế là Saïd bị họ kéo lê về tòa. Một đám người hiếu kỳ theo sau kêu to:

– Hãy nhìn anh chàng trẻ tuổi, đẹp trai bán hàng trong chợ kia! Anh ta đã ăn cắp của ông chủ và định bỏ trốn. Hắn ta đã lấy rất nhiều vàng!

Người chỉ huy lính áp tải nhìn Saïd với ánh mắt nghiêm khắc. Saïd cố thanh minh nhưng những người đứng đầu thị trấn không nghe Saïd nói. Họ chỉ chú ý đến lão lái buôn béo lùn, tội nghiệp. Quan tòa hỏi túi tiền có phải của Kalum Bey

không? Kalum Bey thề độc đó là cái túi tiền của lão và còn nói thêm mình bị thiệt nặng vì người phụ việc đã lấy cắp trị giá cả ngàn đồng vàng.

Sau đó, quan tòa phán quyết:

– Theo bộ luật của nhà vua đã được ban hành từ trước. Mọi tên trộm lấy từ một trăm đồng vàng sẽ bị lưu đày suốt đời ở hoang đảo. Tên trộm này đã phạm gấp mười lần hình phạt càng cần phải thi hành ngay! Hắn sẽ phải xuống tàu ngay sáng mai cùng với một lũ trộm cắp.

Saïd vô cùng bối rối, hốt hoảng. Chàng van xin quan tòa rộng lượng từ bi cho chàng gặp nhà vua nhưng chẳng ai nghe. Kalum Bey hối tiếc vì sự nóng nảy và hành động bốc đồng, điên rồ đã làm mất con chim mồi, cái cần câu cơm của mình nên xin cho Saïd. Quan tòa nói:

– Ông hãy lấy túi tiền của ông và hài lòng về điều đó! Hãy về nhà và giữ im lặng! Ta sẽ lấy mười đồng vàng là án phí của vụ tranh chấp này. Vụ kiện coi như đã chấm dứt. Nếu ông còn lôi thôi, ta sẽ xử ông về tội vu khống.

Nghe thế, Kalum Bey hoảng hồn lùi mất. Quan tòa ra lệnh giải Saïd đi. Saïd bị ném vào hầm tàu ẩm ướt, tối tăm. Nơi đó, có mười chín con người khốn khổ, đáng thương khác đang nằm, ngồi lổm nhổm trên ổ rơm. Họ nói đủ mọi chuyện về cuộc đời và khoe khoang sự từng trải của họ. Nghe họ nói, Saïd liên tưởng sự thông minh, óc hài hước và cả sự thô thiển của họ. Số mệnh Saïd đang trở nên tồi tệ. Cuộc đời của chàng có thể kéo dài và trải qua những tháng ngày khủng khiếp trên hoang đảo. Saïd thành tâm hy vọng điều gì đó có thể giải thoát chàng khỏi cảnh khốn cùng này. Nhưng hy vọng của chàng là hão huyền.

Cuộc sống của Saïd trên con tàu chở người lưu đày này cũng chẳng dễ chịu gì. Bị giam giữ ở một nơi mà không người nào có thể đứng thẳng. Hai mươi người cố tìm mọi cách xoay xở để cuộc sống dễ chịu hơn.

Cái neo được kéo lên. Saïd đã cay đắng khóc, khi con tàu giông buồm ra khơi. Hàng ngày những người tù chỉ nhận được một lần khẩu phần ăn ít ỏi gồm bánh, trái cây. Họ rửa sạch trái cây bằng một chút nước. Hầm tàu quá tối nên bọn cai ngục khi mang thức ăn cho họ cũng phải rọi đèn. Hầu như, ở đây ngày nào cũng có một hai người bị chết do không khí ngột ngạt, thiếu nước uống. Chỉ có Saïd do còn trẻ và nhờ trước kia chăm tập luyện nên có sức khỏe tốt mới giữ được mình khỏi bị suy sụp nhanh.



Họ đã đi được mười bốn ngày trên chuyến hải trình. Ngày hôm sau có sự hỗn loạn trên boong tàu. Saïd nghĩ có lẽ là do cơn bão lớn và chàng hy vọng mình sẽ chết để thoát hết mọi chuyệ. Con tàu bị sóng quật xô lên, đập xuống. Những tiếng rầm rắc vang lên. Xen lẫn với tiếng gào thét của bão tố là tiếng kêu la rên rĩ khắp boong tàu. Những người tù cố lay và đập cửa nhưng chẳng có ai chú ý. Họ cố hết sức lao vào phá vỡ tấm chắn. Họ chạy ủa lên cầu thang nhưng chẳng thấy ai trên boong cả. Thủy thủ đoàn đã chạy thoát bằng những chiếc thuyền nhỏ. Đây là giây phút khủng hoảng nhất đối với những người tù tội nghiệp. Con tàu như muốn vỡ ra từng mảnh trong khi gió vẫn gào thét. Trong vài giờ, họ ngồi lại trên boong, cố ăn những gì còn sót lại của thủy thủ đoàn để tăng sức chịu đựng. Bão tố càng lúc càng mạnh. Con tàu va vào đá vỡ tan từng mảnh. Saïd bám chặt lấy cột buồm. Sóng xô đẩy chàng. Chàng cố giữ mình an toàn và dùng đôi chân để lái tránh sóng. Nửa giờ sau, trong lúc nguy hiểm nhất, Saïd chợt thấy cái còi trong áo thò ra. Chàng đã tuyệt vọng nhưng nghĩ cứ thử thối xem cái còi có tác dụng gì không? Một tay bám chặt cột buồm và dùng tay còn lại chàng đưa cái còi lên thối. Một tiếng kêu lanh lảnh ngân lên. Ngay tức khắc, cơn bão ngừng. Sóng gợn nhẹ, Saïd đưa mắt nhìn xung quanh để tìm bờ. Khi đó, cột buồm đã bắt đầu chuyển động. Saïd vô cùng ngạc nhiên nhận ra mình đang ngồi trên lưng con cá heo. Sau vài giờ, Saïd trấn tĩnh và nhận ra con cá heo bơi chậm rãi và vững chắc. Chàng nghĩ rằng mình mang ơn bà tiên đã tặng cái còi. Tận đáy lòng, chàng muốn kêu to lời cảm ơn bà tiên gửi trong sóng biển.

Con chiến mã kỳ diệu bơi nhanh trong làn nước xanh. Đến chiều, Saïd nhìn thấy bờ và một con sông rộng lớn. Con cá heo bơi ngược vào dòng sông. Saïd thấy đói, cồn cào sau những giây phút căng thẳng. Chàng rút chiếc còi ra thối và ước được một bữa thịnh soạn. Con cá heo bơi chậm lại. Trên mặt nước hiện lên một cái bàn khô ráo đầy đồ ăn. Saïd ăn chậm rãi. Sau một thời gian dài bị nhốt, hình như Saïd không còn thích thú với việc ăn uống như xưa. Khi ăn xong, Saïd lại tiếp tục bơi theo dòng sông trên lưng con chiến mã kỳ diệu.

Mặt trời đang buông xuống. Saïd nhìn thấy từ xa một thành phố giống như Bagdad. Bất kỳ một nơi nào khác, hẳn sẽ làm Saïd thích hơn ở đây. Tuy vậy, chàng vẫn nhớ lời bà tiên và tự hỏi liệu mình có thể lên bờ ở đâu? Con cá heo vòng qua mũi đất và bơi vào bãi biển. Chàng trai trẻ nhìn thấy một ngôi nhà nhỏ



đẹp nơi con chiến mã đang lao đến. Trên sân thượng, một người ăn mặc đẹp đang cố ra hiệu cho Saïd.

Con cá heo dừng lại ở một cái cầu tàu. Hai người hầu mặc đồng phục đang chờ sẵn và mời Saïd vào nhà. Chân căng cứng đờ, Saïd bước lên bờ rất khó khăn. Ngay lúc đó, như có phép màu, con cá heo biến mất. Người hầu dẫn Saïd vào phòng thay đồ. Sau đó, chàng được đưa đến gặp chủ nhân của lâu đài. Ở đó có hai người ăn mặc rất sang trọng. Người chủ lâu đài nhẹ nhàng hỏi:

– Anh là ai? Hỡi chàng trai trẻ lạ mặt! Vì sao anh cưỡi trên lưng một con cá lớn và điều khiển nó theo ý muốn lướt nhanh trên sóng dễ dàng vậy?

Nhận thấy sự quan tâm ân cần của họ, Saïd liền trả lời ngay:

– Thưa ngài! Tôi là người đã gặp rất nhiều bất hạnh trong những tháng ngày qua. Nếu ngài vui lòng cho phép, tôi xin kể những gì đã xảy ra với mình.



Sau khi bớt mệt, Saïd đã kể cho hai người lạ nghe về những cuộc phiêu lưu của mình. Câu chuyện của Saïd được bắt đầu từ lúc rời xa cha mình cho đến khi được cứu thoát một cách kỳ diệu khi con tàu bị đắm. Người chủ lâu đài hỏi:

– Thế cái nhẫn mà nhà vua đã tặng người đâu?

– Đây! Nó được giữ rất cẩn thận.

Saïd lấy từ trong túi áo ra chiếc nhẫn quý cao. Người cao lớn kêu to:

– Bằng bộ râu của nhà tiên tri! Đây đúng là chiếc nhẫn của ta. Tế tướng! Chúng ta hãy ôm hôn chàng trai dũng cảm này! Đây đúng là người đã cứu chúng ta!

Saïd cảm thấy như trong mơ. Những lời nói kia đem lại hạnh phúc quá bất ngờ cho chàng. Chàng đã cứu nhà vua và tế tướng trong đêm tối nên không hề biết mặt họ. Chàng nói:

– Xin tha lỗi cho những lời lỗ mãng của tôi. Ngài có phải là Haroun Al Rashid, người bảo vệ cho những người nghèo chăng?

– Đúng ta là Haroun Al Rashid và là người bạn của ngươi. Nhưng từ bây giờ số phận của ngươi đã được thay đổi. Hãy theo ta về Bagdad và sẽ ở trong cung ta. Ngươi đã nói đúng sự thật câu chuyện về mình!

Saïd theo nhà vua về cung điện. Chàng được ở trong căn phòng sang trọng. Hai em của nhà vua và con trai tế tướng cũng rất vui khi nhận ra Saïd chính là người bạn đấu sĩ dũng cảm của họ.

Ngày hôm sau, viên tổng quản Messour đến chỗ Haroun tâu:

– Hỡi người bảo vệ trung thành cho chân lý! Thần có thể được xin một ân huệ chăng?

Nhà vua đáp:

– Đầu tiên, ta phải biết khanh xin cái gì đã?

Messour thưa:

– Muôn tâu thánh thượng! Người anh họ yêu quý của thần là Kalum Bey đang đứng bên ngoài, ông ta là một thương gia đáng kính trong khu thương mại. Ông ta đang có chuyện tranh chấp với một người từ Bassora đến. Con ông này là người bán hàng đã ăn trộm của Kalum Bey vàng và đã bỏ đi đâu không biết. Người cha tìm gặp để đòi con. Còn Kalum Bey thì không có anh bán hàng để giao. Xin nhà vua vì lòng nhân từ, hãy giúp ông ta dàn xếp với người cha từ Bassora đến.

Nhà vua nói:

– Ta sẽ xem xét việc này! Trong nửa tiếng nữa người anh em họ của khanh và người kiện sẽ có mặt tại đây!

Với lòng biết ơn vô hạn, Messour cáo lui. Nhà vua gọi Saïd lại và bảo:

– Cha anh đã đến thành phố này tìm anh. Ta thật là may khi có thể biết thêm toàn bộ sự thật. Liệu ta có đủ khôn ngoan sáng suốt như Salomon<sup>1</sup> chẳng? Bây giờ anh hãy tạm núp sau rèm chờ khi ta gọi.

Nhà vua quay sang tế tướng:

– Hãy cho mời vị quan tòa đã xử không đúng người, đúng tội! Đưa con người không có khả năng phán xét và thiếu cân nhắc kỹ khi nghi án đến đây cho ta!

Mọi người nghe xong liền làm theo lệnh của nhà vua ngay.

Trái tim của Saïd đập mạnh khi thấy cha xuất hiện. Chàng tái mặt và bối rối khi thấy đôi chân vững chãi trước kia của cha bước đi run rẩy. Nét mặt đầy hứng khởi khi xưa không còn, thay vào đó là suy tư, rầu rĩ. Còn lão Kalum Bey thì trâng tráo với bộ mặt thỏa mãn, nụ cười ranh mãnh khiến Saïd tức giận chỉ muốn nhả ra đánh chết lão.

Nhà vua muốn vụ án được công khai sáng tỏ. Đây là dịp tốt vì rất đông người đến dự. Sau khi yêu cầu im lặng, tế tướng liền hỏi:

– Ai là người muốn đích thân nhà vua xử vụ án này, lên đây ngay?

Với vẻ mặt đầy nộ khí như đã được chuẩn bị, Kalum Bey bước lên. Lão ta đã miêu tả Saïd như một tên trộm, một kẻ bất lương không đáng tin cậy và nói thêm mình chẳng biết gì về kẻ đào tẩu này. Đến lượt Benezar. Ông run lên vì những lời sỉ nhục của Kalum Bey với con trai mình. Ông cho biết con trai mình được nuôi dạy chu đáo và là niềm hãnh diện của gia đình. Con trai ông còn giỏi về mọi mặt và có phong cách quý phái, đáng tôn trọng. Ông khẳng định con trai mình không bao giờ hạ phẩm cách để thành kẻ cắp.

Nhà vua phán hỏi:

– Kalum Bey! Ta hy vọng người đã làm tròn phận sự khai báo với quan trên chứ?

Kalum Bey cười xảo quyệt.

– Muôn tâu đức vua? Hạ thần đâu cho hãn thoát. Hạ thần đã cho ngay người đến bắt hãn, giao cho quan tòa.

Nhà vua hạ lệnh:

– Đưa quan tòa ra đây!

Vị quan tòa bước lên và thừa nhận đã biết việc này. Nhà vua hỏi tiếp:

– Người có cho phép chàng trai nói và anh ta đã thú nhận là mình ăn cắp phải không?

Quan tòa bối rối:

– Dạ muôn tâu! Anh ta không chịu thừa nhận mà chỉ một mực xin được gặp hoàng thượng.

– Nhưng ta nhớ đâu có tiếp anh ta bao giờ!

– Hoàng thượng anh minh! Quả đúng là vậy! Bởi hạ thần không thể gửi đến một loạt những kẻ bất lương đòi gặp đức vua làm rác tai ngài với các chuyện vớ vẩn của họ.

Nhà vua nói:

– Người biết rằng tai ta luôn sẵn sàng lắng nghe. Nhưng có lẽ những chứng cứ đối với tên trộm là rất rõ ràng và không cần thiết để hãn được thỏa mãn yêu cầu chẳng?

Quay qua Kalum Bey nhà vua phán hỏi:

– Kalum Bey! Người có bằng chứng nào để cho rằng số vàng mà chàng trai bán hàng đó có, là của chính người chẳng?

Kalum Bey tìm mọi cách để che đậy sự thật bằng những lời dối trá:

– Muôn tâu hoàng thượng anh minh! Những đồng vàng thì bao giờ cũng giống nhau như đúc.

– Vậy thì làm sao người dám cam đoan đó là tiền của người?

Kalum Bey bối rối, lúng túng. Chợt nhớ đến cái túi đựng tiền, cái đầu ranh mãnh của hãn lóe sáng, trả lời không cần suy nghĩ:

– Muôn tâu đức vua đó chính là nhờ cái túi đựng tiền quý giá của thần.

– Hiện nay người có giữ cái túi đó không?

– Dạ muôn tâu! Túi tiền thì bao giờ cũng là vật bất ly thân, nó luôn ở bên thân.

Lão lái buôn đắc chí liền rút ngay cái túi, giơ lên cao. Lúc đó, tế tướng liền kêu to:

– Bằng bộ râu của nhà tiên tri! Cái túi đó không phải của người, kẻ nói dối xấu xa, đê tiện kia! Cái túi này chính là của ta! Nó được đựng đầy vàng và ta đã trao cho chàng trai trẻ dũng cảm đã cứu ta.

Nhà vui phán:

– Khanh có thể thề chứ?

Tế tướng trả lời từng tiếng một rất rõ ràng:

– Thần có thể nói chắc chắn như đang đứng trước cửa thiên đàng vậy.

Nhà vua nói:

– Quan tòa! Vậy là người đã xử sai. Tại sao người tin rằng túi vàng ấy thuộc về người lái buôn?

Quan tòa run rẩy trả lời:

– Muôn tâu đức vua vì ông Kalum Bey đã thề!

Nhà vui hét lên với lão lái buôn:

– Vậy là người đã thề, lời thề dối trá!

Lão lái buôn phát hoảng kêu lên:

– Lạy thánh Allah! Tôi sẽ không nói điều gì để chống lại tế tướng vì ông ta là người có vị trí tôn kính. Nhưng quả thật cái túi vàng đó là của tôi. Thằng Saïd tham lam đã lấy nó. Tôi có thể bỏ ra ngàn đồng vàng nếu nó có ở đây để làm rõ trắng, đen.

Nhà vua hỏi quan tòa:

– Người đã làm gì Saïd rồi?

Quan tòa trả lời:

– Muôn tâu thánh thượng, theo bộ luật về tội trộm cắp, hạ thần đã đày nó ra ngoài hoang đảo.

Nhà vua hỏi tiếp:

– Anh ta thật sự có tội chăng?

Viên quan tòa mặt trắng bệch, lắp bắp:

– Thưa hoàng thượng! Theo những gì thần biết thì đúng là vậy!

Nhà vua giọng đe dọa:

– Nhà ngươi đã không biết gì cả! Vì phải hỏi từ chính anh ta!

Hướng về bức bình phong, nhà vua gọi to:

– Ra đây Saïd! – Quay về phía Kalum Bey nhà vua phán. – Kalum Bey! Người hãy bỏ ra ngàn đồng vàng vì anh phụ việc bỏ trốn của người đang có mặt tại đây!

Kalum Bey và quan tòa hoảng sợ, khiếp vía. Họ tưởng mình đã gặp ma khi Saïd xuất hiện. Họ cúi đầu kêu to:

– Xin hãy tha thứ!

Ông Benezar vui sướng tột độ, lao đến ôm chặt con trai mình. Với thái độ nghiêm khắc, nhà vua hỏi:

– Quan tòa hãy nhìn đi! Đây là Saïd! Có phải anh ta đã thừa nhận tội trạng của mình chăng?

Quan tòa rên rỉ nói không nên lời:

– Muôn tâu thánh thượng: không phải vậy. Thần chỉ nghe những lời buộc tội từ Kalum Bey và tin như vậy vì ông ta là một thương gia giàu có và đáng kính.

Nhà vua giật dử quát lớn:

– À thì ra người xét xử không cần có chứng cứ mà chỉ tin vào lời những người nhiều tiền bạc, có thế lực... Phải chăng ta cho người làm quan để đùa giỡn với pháp luật và sự công bằng của xã hội? Ta sẽ đày người ra hoang đảo. Ở đó, người sẽ có thời gian suy ngẫm về những bất công của mình.

Đến lượt người: Kalum Bey tên béo lùn đáng ghét! Người kiện người thanh niên trẻ, đẹp vì chỉ muốn biến anh ta suốt đời làm tôi mọi cho mình. Người phải trả ngàn đồng vàng vì đã nói muốn có anh ta ở đây để làm chứng cho loại người có trái tim cầm thú như người!

Kalum Bey những tưởng mình sẽ được thoát khỏi gánh nặng vì vụ kiện này nhưng nhà vua vẫn tiếp tục phán quyết:

– Bởi vì người đã thề mình đã mất hàng trăm đồng vàng nên người sẽ bị đánh một trăm roi vào gan bàn chân vì lời thề dối trá. Hơn thế nữa, ta còn để cho Saïd quyết định sẽ tịch thu nhà, cửa hàng hoặc anh ta sẽ được nhận tiền công: mỗi ngày, mười đồng vàng tính từ lúc anh ta làm công cho người.

Saïd vội kêu lên, ngăn lại:

- Đức ngài vĩ đại! Hãy để tên khốn ấy xéo đi! Tôi đã được minh oan và đã được tự do. Hạnh phúc nhất là tôi còn sống để gặp lại người cha yêu quý của mình và được biết một đấng minh quân như hoàng thượng.

Tôi không muốn bất cứ thứ gì của hãn ta cả!

Haroun không đồng ý.

– Thế sao được? Hãn bị trừng phạt như thế là quá nhẹ so với sự gian tham độc ác, dối trá của hãn. Phải thẳng tay như vậy để sau này khi định làm bất cứ việc gì hại ai thì hãn phải nhớ bài học này. Saïd! Ta đã xử để anh được bồi thường. Nếu anh ngại tịch thu nhà và cửa hàng thì ta sẽ chọn cho anh mỗi ngày làm công là mười đồng vàng. Anh thử tính anh đã làm công cho lão lái buôn bao nhiêu năm và là bao nhiêu ngày để ta dành lại công bằng cho anh! Thôi hãy để những tên khốn khiếp ấy xéo đi cho khuất mắt ta!

Thị vệ cho họ lui ra. Những người tham dự phiên toàn do nhà vua Haroun xử cũng ra về. Họ vui mừng vì công lý đã được thực hiện và đức vua Haroun của họ thật anh minh, vĩ đại.

Nhà vua dẫn ông Benezar và Saïd đi vào căn phòng rộng. Được chứng kiến từ đầu phiên tòa mặc dù rất tin con nhưng ông Benezar vẫn bồn chồn lo lắng. Giờ đây, ông vô cùng phấn khởi nắm tay Saïd cùng đi theo nhà vua vào đại sảnh. Tại đây, nhà vua kể cho ông Benezar nghe việc Saïd đã cứu mình và mời cha con ông ở lại thành phố này. Hai người vui vẻ nhận lời.

Saïd sống như một hoàng tử trong một cung điện rất đẹp do nhà vua dành riêng cho chàng.

Sau những tháng ngày xa con đầy nhớ nhung, lo lắng Benezar cảm thấy không thể sống xa con. Ông đã rời quê nhà đem theo tất cả tài sản của mình để



đến thành Bagdad ở cùng Said.



## MÓN PATÊ ĐẾ VƯƠNG

Không phải chỉ ở Bagdad hay ở thời vua Haroun Al Rashid mới có những pháp sư, những bà tiên hay những ngụ phù thủy độc ác. Tại một thành phố nhỏ của nước Đức, đã xảy ra một chuyện kỳ lạ.

Trong phố tôi ở, có người thợ giày nghèo khổ tên là Olim. Vợ ông là Hannah và họ có một đứa con nhỏ. Đó là một cậu bé lên mười rất dễ thương tên là Jacob.

Cửa hàng của ông Olim bé nhỏ, tối tăm chật hẹp và tồi tàn. Suốt ngày ông ngồi cặm cụi khâu, vá những đôi giày cũ để nhận một khoản tiền công nhỏ nhoi, có mấy xu một đôi.

Vợ ông cũng đóng góp một phần vào việc thu nhập của gia đình. Bà trồng rau và cây ăn quả trong một khu vườn ở ngoại ô. Bà đem ra chợ bán những rau quả mà mình thu hoạch được. Jacob giúp mẹ làm vườn và bán hàng. Khi nào có người mua nhiều hàng, chú bé giúp họ xách giỏ về tận nhà. Mỗi lần như thế nó thường được nhận thưởng: bánh ngọt hay mấy xu tiền lẻ. Chú bé rất hãnh diện mang về cho mẹ mình những thứ đó. Jacob được mọi người thương yêu và chịu chuộng vì nó vừa xinh vừa ngoan.

Vào một buổi sáng, khi bà Raia và Jacob vừa dọn hàng xong thì một bà già dừng lại trước mặt hai mẹ con và ngắm các mặt hàng.

Chưa khi nào bà mẹ và chú bé trông thấy một bà già kinh dị đến như thế! Bà ta mặc một chiếc áo rách bần thui. Bà đi lồm khồm, chân bà bước khập khiễng, tay chống một chiếc gậy.

Hàng ngàn nếp nhăn trên khuôn mặt bà già. Đôi mắt bà hấp háy, dưới mí mắt đỏ ạch. Cái mũi dài, nhọn của bà ta như cái mỏ con vịt, mang một cục bườu thòng xuống đến cằm. Đầu bà ta cứ ngo ngoặt liên hồi như có lò xo trên cái cổ cò da bọc xương và dài bất tận.



Bán rau ở chợ đã mười sáu năm mà bà Hannah chưa bao giờ thấy mặt bà già dễ sợ này. Bà ước sao người khách hàng dị dạng ấy không dừng lại lâu ở hàng mình. Nhưng, bà già đã hỏi với một giọng the thé đến ghê người:

– Có phải bà là Hannah không?

Bà Hannah khẽ đáp:

– Thưa bà, vâng! Bà cần mua gì ạ?

Bà già chỉ trả lời với một giọng cầu nhàu, khó chịu. Với vẻ mặt cáu kính, bà ta đưa hai bàn tay thọc sâu vào thúng quả. Bà còn dùng mấy ngón tay bần thiu của mình, sờ nắn mạnh những quả táo, quả lê quả đào... tươi ngon.

Bà Hannah không dám nói gì! Người đàn bà quái ác ấy đã khiến bà khiếp sợ. Jacob nhìn thấy nỗi bất bình và lo lắng của mẹ. Chú bé không chịu nổi sự vênh váo của bà khách. Jacob đột ngột kéo nhanh giỏ hoa quả về phía mình khi bà già đang sờ mó và ngửi một quả mơ rất đẹp. Nó hỏi cộc lốc:

– Bà đã chọn hàng xong rồi chứ?

Mụ già đưa mắt khinh khỉnh nhìn nó. Bà ta bỏ quả mơ xuống, cầm một quả lê lên, và cầu nhàu:

– Quả xấu quá! Hàng kém quá! Năm mươi năm trước đây, hàng tốt hơn nhiều! Bây giờ, ở đây cái gì cũng bần cả!

Jacob tức giận quá, đáp trả:

– Chính bà đã làm dơ bẩn các hoa quả ấy đấy! Bà làm dập quả cây trong các ngón tay cáu bẩn và dưới cái mũi to tướng của bà. Khách hàng đến sau sẽ chê những thứ này!

Bà già quắc cặp mắt nảy lửa, nhìn chú bé:

– A! Mà mày không thích những cái mũi dài ha? Tốt thôi! Người ta sẽ tặng mày một cái mũi còn dài hơn rất nhiều kia!

Mụ già lại cầm một cái bắp cải lên, mụ ta bóp nắn và ngửi quanh bốn phía rồi lại bỏ xuống. Với vẻ mặt lạnh như tiền, mụ ta dẫn giọng:

– Hàng xoàng lắm! Không tươi, héo cả rồi!

Lời nói của bà khách làm chú bé Jacob càng nổi điên. Nó hét tướng lên:

– Bà còn khó tính hơn cả bác đầu bếp của quan tể tướng, và hơn cả vị đầu bếp của hoàng đế. Bắp cải của chúng tôi mà không tươi à? Còn tươi gấp mấy cái đầu xấu xí cứ ngộ nguậy mãi trên cái cổ gầy gò của bà kia. Rồi cũng có lúc nó rơi ra và lăn vào giỏ rau quả của tôi chứ chẳng chơi. Tôi dám chắc là trên đời này, không còn ai dám mua một cái bắp cải gớm ghiếc như vậy đâu!

Mụ già cười khẩy, độc địa đáp:

– Nhóc! Mày không thích những cái cổ dài! Điều đó ta đã biết. Thế thì hãy an lòng! Rồi mày sẽ được vừa ý. Mày sẽ không có cổ. Đầu mày sẽ cắm chắc nịch vào giữa hai vai. Rồi mày sẽ khỏi phải lo để rơi mất nó!

Sự đôi co giữa hai bên kéo dài, làm bà Hannah hiền lành rất khổ tâm. Bà lên tiếng cắt ngang:

– Thế nào? Bà có mua gì không? Nếu không xin mời bà đi nơi khác! Bà đừng đứng ám trước cửa hàng này mà lên giọng dè bieu, chê bai như thế. Bà nói vậy thì tôi còn mong bán những rau quả này cho ai được chứ!

Bà già nói cộc lốc:

– Lấy sáu bắp cải. Nhưng vì đây phải chống gậy nên không thể mang được. Bảo con bà mang đến nhà ta sẽ trả công cho nó!

Dáng điệu ác nghiệt của bà già làm Jacob vô cùng hoảng sợ. Chú bé trào nước mắt, cay đắng khóc. Bà mẹ nó do dự. Tuy vậy, sợ mất lòng một khách hàng sộp vì thiếu lịch sự, bà mẹ dặn lòng bảo nó, giọng dứt khoát:

– Jacob, con ngoan! Hãy đi theo bà đi! Nào! Nhanh lên đi con!

Jacob vội lau nước mắt, mang giỏ bắp cải trên lưng, sợ sệt bước theo sau đôi chân cà nhắc của mụ già.

Họ đi suốt một giờ. Chú bé mệt vô cùng, mồ hôi chảy đầm đề. Cuối cùng, mụ già cũng dừng lại trước một ngôi nhà bé nhỏ ở cuối thành phố, trong một khu hoang vắng. Jacob cũng dừng lại, tò mò ngẫm. Mụ già rút trong túi áo ra một cái móc hoen gỉ, hình dáng kỳ lạ rồi ấn vào một cái lỗ trên cánh cửa. Cánh cửa rít ken két nặng nề mở ra. Quá bất ngờ, chú bé đành theo bà già bước vào.

Ngôi nhà trông bề ngoài có vẻ bé nhỏ nhưng khi bước vào thì mới biết nó rất to, rộng. Ngôi nhà này gồm nhiều phòng lớn trang trí và bày biện sang trọng lạ thường. Những đồ dùng trong nhà đều bằng gỗ quý khảm vàng. Tường được bọc bằng cẩm thạch hoặc bằng gấm lụa. Sàn nhà chói lọi. Jacob tò mò nhìn xuống và thấy đó là một tấm gương không có vết. Chú bé đoán nhận: người ta chỉ có thể đi trên sàn nhà với những đôi giày đặc biệt.

Sau khi khép cửa, mụ già rút trong túi áo lấy một cái còi bằng vàng và đưa đến gần miệng. Jacob rợn cả người khi nghe một hồi còi dài rít lên chát chúa và

âm đậm! Ngay tức khắc, một đàn chuột lang từ đâu không biết chen chúc xô đẩy nhau, chạy đến vây quanh cụ già.

Jacob sửng sốt khi nhận thấy mấy con vật bé nhỏ ấy đi trên hai chân sau. Chúng mặc quần áo và mang cả dép là vỏ quả bồ đào.

Mụ già vung gậy, hét tướng lên:

– Đôi giày đi trong nhà của ta đâu rồi! Chờ ngày mai há?

Mấy con chuột lang vội đem hai cái gáo dừa bọc da màu đỏ mang vào chân cho cụ già. Mụ ném gậy và đi lại trên sàn nhà. Mụ lướt rất nhanh và rất khéo. Nắm tay Jacob, mụ kéo nó vào trong một gian nhà bếp rất lớn. Mụ bắt thẳng bé ngồi trước một cái bàn và nói như ra lệnh:

– Ngồi đây! Mà hãy nghỉ ngơi trong lúc ta chuẩn bị cho mà một món súp đặc biệt, khác hẳn những món súp mà mà vẫn thường ăn hàng ngày. Hãy ăn uống thỏa thích. Ta tin rằng suốt cuộc đời này, mà sẽ không bao giờ quên...

Mụ già lại hét lên sau khi huýt còi lần nữa:

– Ê! Chúng mà đâu? Tất cả, hãy vào vị trí! Chúng ta sẽ đãi tiệc cậu bé này!

Mấy con chuột lang nữa lại xuất hiện, bọn này mang tạp dề làm bếp, cùng với rất nhiều chú sóc mang theo những cái thìa rất to.

Bầy chuột lang và sóc chạy đi chạy lại cuống cả lên! Chẳng mấy chốc trong bếp đã bùng lên ngọn lửa. Mụ già bỏ mỡ, bơ và trứng vào xoong rồi bắc lên bếp, nấu món súp đã hứa.

Một mùi thơm ngon lành tỏa ra trong gian phòng bay đến mũi Jacob trong lúc cậu bé đang sốt ruột chờ món súp đã được báo trước. Cuối cùng cũng, biết món súp đã chín, cụ già trút vào đĩa sâu bằng bạc. Đặt đĩa súp thơm lừng còn bốc hơi trước mặt Jacob, cụ ào ào:

– Ăn đi! Đừng để sót một chút nào! Chúng ta sẽ giúp mà trở thành một tay bếp ngoại hạng bởi vì mà có vẻ biết thưởng thức những món ăn ngon. Ha! Ha! Ha!

Tiếng cười của cụ già vang lên ghê rợn, nổi cả da gà. Nếu Jacob biết suy nghĩ thì nó đã đứng dậy rời khỏi bàn ăn và chạy ngay về tìm gặp mẹ. Nhưng món súp thơm ngào ngạt quá đổi hấp dẫn, mà trong tâm trí trẻ con thì cái đói và bệnh háu ăn sẽ khiến chúng dễ quên đi và bỏ qua tất cả.



Trong lúc Jacob ăn ngon lành đĩa súp, mẹ già vừa nhìn nó vừa lẩm nhẩm:

-A, phải rồi! Cái cây bé nhỏ mà mà sẽ không bao giờ tìm thấy! Cái cây bé nhỏ tươi mát mà người ta hít... A! A! Mà sẽ không tìm ra cái cây ấy, bởi vì ngay chính ta cũng không tìm ra. Mặc kệ mọi thứ! Bây giờ, nếu như mẹ ruột mà có tìm thấy cái cây đó, thì chuyện ấy cũng sẽ chẳng bao giờ xảy ra đâu. Ha! Ha! Ha!

Jacob đã ăn xong đĩa súp. Nó cảm thấy một nỗi mệt mỏi dễ chịu kéo đến như là một giấc ngủ khó cản lại. Có lẽ là do các con sóc đã đốt trầm hương Arabs trong mấy chiếc bếp con khiến cho làn khói thơm quyện trong không khí làm cậu bé say sưa ngây ngất.

Chợt nhớ phải về nhà, chú bé cố cưỡng lại giấc ngủ đang đến. Nó vươn vai, cố gắng ngồi dậy. Nhưng nó không thể cựa quậy nổi. Nó nhẹ nhàng ngã người lên mấy chiếc gối trên đi-văng rồi ngủ thiếp đi.

Giấc ngủ thật kỳ lạ ám ảnh bởi những mộng mị: Jacob mơ thấy mẹ già mặc cho nó một tấm da sóc và nói với nó giọng ra lệnh:

– Từ nay, mà phải hầu hạ bà suốt đời! Hãy lấy xi đánh bóng đôi giày này cho bà đi!

Nó rời khỏi đi-văng nhanh nhẹn như một con sóc chính cống. Nó lấy đầu và bắt đầu đánh bóng lộn những chiếc gáo dừa mà mẹ già mang trong chân. Trong cửa hàng bé nhỏ của bố nó, nó thường đánh giày cho các khách. Nó làm việc này khá thạo.

Giấc mơ kéo dài...

Hình như một năm đã trôi qua và Jacob chỉ làm mỗi một việc: đánh giày cho mẹ già. Sau thời gian ấy nó còn phải bảo quản cái sàn nhà bằng thủy tinh, lau chùi những vết bẩn tí xíu với cái vỏ quả hạt dẻ bọc dạ rất mềm.

Lại một năm trôi qua với công việc ấy! Sau đó mẹ già bắt Jacob sàng lọc ánh nắng mặt trời, lấy những nguyên tử của nó ra để làm bánh cho mẹ già dùng hàng ngày. Mẹ không thể ăn thứ gì khác vì mẹ không còn răng nữa.

Jacob làm việc này trong một năm. Sau đó nó và lũ sóc còn phải lấy nước cho mẹ già dùng. Công việc này rất tinh tế. Bởi vì không phải là xách nước ở

giếng đào hay hứng nước ở giếng nổi. Chú bé phải dùng vỏ hạt giẻ hứng sương trên những cánh hoa hồng. Đó là thứ nước duy nhất mà cụ già uống.

Năm sau, Jacob xuống làm phụ việc cho nhà bếp. Cậu bé rất khéo tay và nhanh trí nên chẳng bao lâu đã trở thành phụ bếp, rồi phó bếp và cuối cùng là đầu bếp. Những món bánh ngon lành, những món Patê đặc biệt, những món xốt thập cẩm, những món ăn cầu kỳ... Jacob đều nắm được bí quyết. Lăm lức, chính cậu bé phải ngạc nhiên về khả năng phi thường của mình.

Đã bảy năm, Jacob hầu hạ, săn sóc cụ già.

Một hôm cụ bảo:

– Ta sắp đi đây! Bắt một con gà tơ làm thức ăn cho ta. Ta muốn đến lúc ta về thì gà vừa chín tới. Đừng quên rắc rau thơm. Mà biết lấy rau ở đâu rồi chứ? Trong buồng ăn ấy!

Cụ già đi khỏi, Jacob vẫn như sống trong mơ. Nó bắt gà, vặt lông và mổ. Nó để gà trên đĩa và vào phòng để tìm rau thơm.

Nó lục lọi khắp nơi và đột nhiên chú ý đến một cái tủ nhỏ. Nó mở tủ. Tám chiếc giỏ đựng đầy một thứ cây lạ: nhánh và cây đều màu xanh. Hoa đỏ thắm, viền vàng chói lọi. Cây ấy có mùi thơm cay nồng.

Jacob đưa cái cây lên mũi và nhận ra: đó chính là mùi thơm của món súp ngon lành mà cụ già đã cho nó ăn, hôm nó mới đến. Đúng rồi! Chính là mùi thơm ấy, vì nó rất lạ khiến Jacob bỗng hắt hơi rất mạnh rồi bật tỉnh dậy.

Nó mở mắt. Nó đang nằm ngủ trên đi-văng trong ngôi nhà cụ già. Chung quanh nó, những con sóc và chuột lang đi đi lại lại và kêu ầm ĩ. Jacob ngạc nhiên, tự nhủ:

– Chao ôi! Giấc mộng thật lạ lùng! Ta mà kể cho mẹ nghe chắc mẹ thích lắm. Có lẽ ta đã ngủ lâu lắm! Cầu mong cho mẹ đừng quá lo ngại!

Nó đứng dậy, nhưng ngay lúc đó mũi nó va vào cái bàn bên cạnh. Nó kêu lên đau đớn.

Ta thật dại dột vì đã ngủ quá lâu! Trời ơi! Chân tay ta rã rời. Ta đi lại rất khó khăn. Ta không quay đầu được vì các khớp xương cổ quá cứng. Chắc hẳn là mẹ sẽ mất ta mất.

Nó đi một cách khó nhọc đến cửa và mở cửa. Bầy sóc chạy tán loạn quanh nó. Nó nói:

– Hãy đến với ta, những con vật xinh xắn bé nhỏ kia ơi! Ở trong cái nhà này chắc là chúng mày buồn lắm. Đến đây nào! Chà! Chúng nó chạy trốn!

Chúng nó sợ ta thì phải? Mặc kệ chúng! Ta không thể chờ chúng được nữa!

Chú bé khép cửa ra khỏi nhà, rồi bắt đầu rảo bước rất nhanh.

Trời đã sáng. Điều đó làm nó yên lòng về thời gian mà nó ngủ. Đường phố nhộn nhịp khách qua lại. Họ chen lấn xô đẩy nó. Tất cả tiếng ồn ào ấy làm cho nó bực mình vì đã quá lâu nó không ra khỏi nhà.

Giữa tiếng ồn ào, đã nhiều lần nó nghe thấy những người đi bên cạnh nói với nhau:

– Chao ôi! Thằng bé này xấu xí quá! Xem kìa, cái mũi nó trông ghê sợ chưa? Eo ôi! Cả hai bàn tay nữa!

Thằng bé ấy ở đâu ra vậy? Jacob tự hỏi và quay đầu nhìn tứ phía. Ta không thấy nó đâu cả! Ta muốn được nhìn thấy nó quá! Nhưng ta không được phí thời giờ để mẹ ta phải nóng lòng chờ đợi.

Nó bước nhanh hơn. Cuối cùng, nó đã đến chợ. Tim nó đập mạnh khi nhìn thấy mẹ nó rầu rĩ ngồi sau hàng rau quả. Gương mặt mẹ nó xanh xao và buồn bã. Như không chú ý đến những kẻ đi qua trước mặt, bà tựa đầu vào lòng bàn tay. Jacob đặt nhẹ nhàng bàn tay mình lên vai mẹ và nói:

– Mẹ thương yêu ơi! Xin mẹ đừng giận con! Con ở nơi ấy quá lâu không phải là lỗi của con đâu. Con xin giải thích để mẹ rõ.

Bà Hannah giật mình, kinh hãi nói cộc lốc:

– Mày muốn gì? Thằng ranh con xấu xí kia? Hãy để cho tao yên, không thì mày sẽ biết tay tao!

Nước mắt tuôn đầm đề, Jacob kêu to:

– Mẹ ơi! Con chính là Jacob của mẹ đây! Mẹ yêu quý!

Bà Hannah kinh ngạc, phần nộ đáp:

– Jacob của ta ư? Mày mà lại dám xưng là Jacob của ta à? Các bác nghe thấy gì chưa? Cái thằng bé ghê tởm này tự xưng là thằng bé Jacob xinh xắn, đáng

thương của tôi!

Một loại tiếng ồn ào, khinh bỉ lan nhanh trong các bà lẩm điều ấy. Bà bán cá kêu lên:

– Có thể nào như thế được! Thật là trơ trẽn khi có người đến làm tình làm tội chị Hannah đáng thương và nhắc đến thằng bé kháu khỉnh của chị ấy. Cách đây bảy năm, người ta đã bắt cóc nó. Thế chưa đủ đau khổ hay sao mà còn để cho những đứa u mê, những con quỷ ngu dần đến chế nhạo chị ta? Không thể để như thế này được. Thằng vô lại đáng nguyên rủa kia. Nếu mà không xéo đi ngày, thì chúng ta sẽ rút tai và vặt cả cái mũi của mày ngay tức khắc!

Tất cả các bà bán hàng đều đồng loạt kêu lên một cách dễ sợ, khiến Jacob phải vắt chân lên cổ mà chạy. Nó không dám nói gì thêm, để giúp mẹ nó có thể nhận ra: nó chính là đứa con dễ thương trước kia của bà. Trong lúc cố nén để khỏi bật ra tiếng khóc. Nó nói một mình: Ta đến cửa hàng của cha vậy, có lẽ cha sẽ nhận ra ta dễ hơn.

Ông Ôlim đang sửa một chiếc giày cũ. Jacob đứng trước mặt bố thận trọng lên tiếng:

– Xin chào bác cả!

Ông Ôlim nhìn nó một cách lạnh lùng và nói:

– Chào cậu! Cậu cần gì?

– Thưa có... và không ạ. Nó lúng túng, lắp bắp.

Trước đây nó đã hy vọng sẽ được cha nhận ra ngay. Nhưng bây giờ, nó đọc trong cặp mắt bố nó một sự ghê tởm. Nó đau khổ quá chừng! Nó cố gắng gợi chuyện:

– Cháu nhìn thấy bác làm việc chăm chỉ, cháu nghĩ chắc bác cần một người phụ việc. Bác không có một người con trai nào sao?

Ông Ôlim thở dài, lau những giọt nước mắt:

– Đúng ra là tôi có một đứa cháu! Nhưng khốn thay, người ta đã bắt cóc thằng bé dễ thương đó cách đây đã bảy năm!

– Cách đây bảy năm! – Jacob kinh ngạc thì thầm. Phải chăng những điều mà cha ta nói đều là sự thật?

Ông Ôlim có vẻ như mãi mê với những kỷ niệm cũ, buồn rồi nói tiếp:

– Người ta bắt cóc thằng bé trong một ngày phiên chợ, thằng Jacob xinh xắn của tôi ấy. Tôi từng nói với vợ tôi: “Bà đừng dại dột cho con đi theo các bà khách. Có ngày, người ta sẽ bắt cóc nó mất!” Và chuyện đó đã xảy ra. Một mù già mà trước đó người ta chưa hề thấy xuất hiện, đã đến cửa hàng. Mua hàng xong, mù ta yêu cầu vợ tôi phải cho thằng bé nhà tôi mang rau quả về nhà cho mù ta. Thế là thằng bé đi. Tội nghiệp! Nó đâu phải muốn đi! Nó đi vì vâng lời mẹ thôi! Thế rồi nó không trở về nữa!

Mất con, vợ tôi suýt phát điên vì đau khổ. Từ đó, vợ chồng tôi cảm thấy cuộc đời chẳng còn thú vị gì!

Jacob vừa run vừa hỏi tiếp:

– Thưa bác, không người nào biết rõ cái mù bắt cóc trẻ con ấy là ai sao?

– Không ai biết mù ta! Tuy chúng tôi đã mất công tìm kiếm, khắp mọi nơi nhưng cũng không biết gì hơn. Chỉ có một bà chị họ của vợ tôi năm nay chín mươi tuổi có nói: Đấy có lẽ là bà tiên kỳ dị. Bà này mỗi thế kỷ đi ra khỏi nhà hai lần. Đoán theo những đặc điểm trên hình dạng mà vợ tôi tả, bà chị họ cho là mình đã gặp bà ấy cách đây năm mươi năm!

Ông Ôlim thở dài rồi lại quay về với công việc của mình.

– Ôi! Đến cả cha ta cũng không nhận ra được con mình! – Jacob tự nhủ – Ta đã thay đổi quá chẳng? Mù phù thủy ác nghiệt đã cướp bảy năm của cuộc đời ta! Mù đã thề cho ta những cái này đây ư?

Lúc ấy, ông Ôlim nhìn Jacob với một ánh mắt chế giễu:

– Nếu cậu không cần tôi giúp gì thì xin cậu cảm phiền đừng để cái mũi to tướng của cậu che mất ánh sáng trước cửa hàng tôi! Cái mũi kỳ dị quá! Người nặn ra cậu chắc không quan tâm đến sản phẩm của mình! Mang nó đi đâu, cậu cũng rất bất tiện. Nó sẽ va quệt vào khắp mọi nơi.

Jacob đưa tay lên sờ mũi. Chao ơi! Cái mũi to, dài lấp cả đôi bàn tay nó. Thật kinh khủng! Đau khổ quá. nó run lấy bẩy và nói với ông Ôlim:

– Xin lỗi bác! Bác hãy làm ơn cho cháu mượn một cái gương.

Ông Ôlim nhún vai, bực tức trả lời:

– Tôi không có! Tôi không được là một thiếu niên điển trai như cậu. Và tôi không nghĩ đến việc tự ngắm mình để thấy những đường nét tuyệt mỹ của cái thân hình bé nhỏ của tôi. Nếu cậu muốn có gương, xin mời cậu quá bước đến hiệu bác thợ cắt tóc Urban mà hỏi. Hãy để yên cho tôi làm việc!

Ông Olim cúi xuống, vừa lau bầu vừa tiếp tục làm công việc của mình. Trong khi đó, Jacob rảo bước đến hiệu bác thợ cắt tóc. Nó rất biết bác này, vì trước kia nhiều lần nó đã chơi đùa, nhảy nhót trên đầu gối bác. Khi bước vào hiệu, nó nói với bác thợ cắt tóc:

– Bác Urban! Xin bác làm ơn cho mượn cái gương. Cháu muốn ngắm mình một tí!

Ngay lúc ấy, bác thợ cắt tóc, những người giúp việc và mấy ông khách đều quay lại nhìn Jacob vừa bước vào trong cửa hàng. Một chuỗi cười dữ dội vang lên! Bác Urban hai tay ôm bụng cười ngặt và hét to:

– Thưa ông lớn! Ngài muốn tự ngắm mình ư? Hay lắm! Khi người ta có cái thân hình cân đối như vậy thì tự ngắm mình trong gương cũng là một cái thú vui thần tiên. Tôi không phải là người phàm tục hay ghen tị để tước đi của ngài niềm vui ấy! Ngài cứ tự ngắm mình tha hồ và tùy thích để thấy rõ cái thân hình cân xứng, cái cổ vừa trắng vừa uyển chuyển hai bàn tay búp măng, cái mũi xinh đẹp của ngài. Ôi! Biết bao là sự hoàn thiện, hoàn mỹ! Ngài cần tự chiêm ngưỡng, tự thán phục! Tôi thông cảm lắm! Ngài hẳn là một tay chinh phục vô địch. Hỡi ngài trai trẻ xinh đẹp của tôi! Phải chăng, ngài đã khiến bao trái tim thổn thức vì mình?

Vừa nói, bác thợ cắt tóc vừa đưa gương cho Jacob. Cậu bé nghiêng mình và tự ngắm một cách tuyệt vọng hình ảnh của mình trong gương:

– A! Mụ già! Mụ già ghê tởm đã giữ lời hứa với thằng bé dại dột đã chế nhạo cái cổ, cái mũi, đôi bàn tay của mụ! Mụ đã biến nó thành con quái vật đến nỗi cả mẹ cha nó cũng không thể nhận ra thằng bé Jacob dễ thương của họ qua thân hình dị dạng, gớm ghiếc này!

Cái mũi to, dài thòng lòng xuống tận cằm. Cặp mắt lồi lờ đờ, một cái đầu to tướng cắm giữa hai vai rộng, không có cổ. Một thân trên xấu xí gù cả trước ngực và sau lưng với đôi ống chân yếu ớt, lẻo khèo, hai cánh tay dài với những ngón

tay lông lá và đầy máu y như khi. Đó là những gì đã được tấm gương phản chiếu. Jacob nhìn mình trên gương mà thấy rùng rợn!

Ông Urban vừa cười lớn vừa nhắc lại giễu cợt:

– Thế nào? Cậu có thấy mình khá điển trai không? Này, tôi muốn bàn với cậu một việc: Đối diện với hiệu tôi, một bác thợ cắt tóc cạnh tranh với tôi vừa thuê được một tên khổng lồ để câu khách. Nếu cậu bằng lòng ở lại giúp việc cho tôi, tôi sẽ cho cậu cái ăn, cái mặc, chỗ ở. Bởi vì tìm một chú lùn – lùn tịt như cậu! Ô trời! Thân hình của cậu là của một đứa bé lên mười chứ mấy! Ồ phải! Có một người chào hàng như cậu còn khó hơn là có một tên khổng lồ. Cậu có muốn giúp việc cho tôi không? Cậu chỉ cần đứng trước cửa hiệu đưa khăn lau mặt cho khách. Tôi cam đoan rằng cậu sẽ nhận được khối tiền thưởng đấy!

Nghe bác thợ cắt tóc đề nghị làm như một con vật kỳ dị để câu khách, Jacob cảm thấy đặng cay, tủi nhục vì bị xúc phạm. Tuy mù phù thủy độc ác kia giữ lại cái thân hình trẻ con và làm cho nó bị biến dạng nhưng mù cũng không thể ngăn cản tư duy của nó phát triển và trưởng thành. Chàng thiếu niên suy nghĩ và đi đến quyết định. Việc đầu tiên mà mình cần: là phải làm cho mọi người đừng ghét bỏ. Nó từ chối rất nhã nhặn sau khi xin lỗi vì đã trót làm mất thời giờ của bác Urban. Nó liền ra khỏi cửa hiệu cắt tóc.

Lòng nó nặng trĩu. Cái buồn nhất không phải vì nó xấu xí mà là vì cha mẹ không còn thương yêu nó nữa! Nó quay về cửa hàng rau quả của mẹ. Nó muốn cố gắng một lần nữa và nó đã đến gần mẹ nó. Nó kể với bà Hannah và cố giải thích những sự việc đã xảy ra với nó. Nó nhắc lại nhiều kỷ niệm của tuổi ấu thơ, những sự việc, những tình tiết khiến bà Hannah vô cùng cảm động. Bà bắt đầu hoang mang, nghi ngờ. Bà bèn dẫn Jacob đến cửa hàng bác thợ giày. Bà kể lại những gì thằng lùn vừa kể. Ông Ôlim kêu lên:

– Đàn bà thật là cả tin và ngu ngốc. Lúc này, thằng nhóc dễ sợ ấy đã đến hỏi tôi về thời thơ ấu của Jacob. Có thể nhờ vậy mà nó đã biết được những gì nó vừa kể cho bà nghe. Đồ khốn nạn! Hãy đợi đấy! Mà phải biết, khi muốn chế giễu chúng tao, mà sẽ nhận được gì?

Bác thợ giày xông đến Jacob đánh, dấm nó một trận toại bời. May mà đôi chân bé nhỏ đã kịp đưa thằng bé đáng thương, thoát khỏi nơi nguy hiểm nếu không nó còn phải kêu khóc vì đau đớn bầm dập.

Mọi người chạy đến, vừa la ó vừa đuổi theo nó.

Không ai giúp đỡ nó. Người xấu xí, dị dạng khó được bạn bè và người che chở. Kiệt sức vì đau khổ, mệt mỏi, nó gieo mình trên bậc cửa một tòa nhà ở một phố vắng. Nó nằm ở đây cả đêm, than thở khóc mãi cho đến khi giấc ngủ kéo đến.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy nó suy nghĩ về thân phận mà trời đã dành cho nó. Bố mẹ đã xua đuổi nó. Nó làm gì để kiếm sống bây giờ? Lời đề nghị của bác thợ cắt tóc Urban làm tổn thương lòng tự trọng của nó. Nhưng nó cần phải sống! Một niềm hi vọng lờ mờ hiện ra từ nơi sâu thẳm của trái tim rớm máu. Hi vọng về một ngày mai tươi sáng hơn thì tận đáy lòng chúng ta, ai mà không muốn!

Nó nghĩ: bảy năm ở trong nhà mù phù thủy độc ác nó đã học một số cái vô ích như: đánh bóng những đôi giày bằng sọ dừa và lau bóng sàn nhà bằng thủy tinh. Nhưng trái lại, nó cũng học được ít, nhiều điều có ích. Đó là nghệ thuật nấu ăn. Nó đã trở thành một đầu bếp mà tài nghệ khó ai sánh kịp! Nó sung sướng tự nhủ: Ôi thật là may! Hoàng đế của chúng ta là một người thích ăn ngon. Đã nhiều lần, ta nghe mẹ nói về sự khoái khẩu ấy của hoàng đế với quan ngự thiện của ngài. Nếu hoàng đế là một danh tướng như đức Tiên đế thì ta chẳng thể mong chờ, mơ ước gì được. Nhưng với hoàng đế đang trị vì, ta có thể trở nên người hữu dụng, người rất cần thiết nữa là đẳng khác để có những món ăn hợp khẩu vị của ngài. Ôi! Ta đã tìm được lối thoát rồi!

Tràn đầy hi vọng và quyết tâm, nó đến ngay tòa lâu đài mà nhà vua đang nghỉ mát trong dịp lễ ở Bagdad để săn bắn trong khu rừng nhiều muông thú này. Nó cố hết sức, khẩn khoản van xin các lính gác để được phép vào trong sân thưa chuyện với viên tổng quản. Khi nhìn thấy Jacob, viên tổng quản khó mà nhịn được cười, nhưng chức vụ buộc ông phải giữ vẻ nghiêm nghị. Với cử chỉ đầy quyền uy, ông cắt ngang những trò nhạo báng, quanh con người bé nhỏ, dị dạng, rồi hỏi:

– Cậu muốn gì? Làm hề lùn của hoàng thượng chăng? Ta sẽ nhận cậu ngay tức khắc!

Jacob đỏ mặt lên khi nghe nói thế. Nó bèn lễ phép thưa:

– Bẩm quan lớn, cháu đến xin làm bếp. Cháu rất thạo nghề nấu ăn. Nếu bác đầu bếp muốn, xin vui lòng thử tay nghề của cháu? Cháu hi vọng và tin tưởng sẽ làm hài lòng đức vua ạ!



Jacob nói năng một cách từ tốn, nhỏ nhẹ khiến viên tổng quản vốn là người tốt bụng đã xúc động cầm tay nó dẫn ngay đến gặp bác đầu bếp. Vừa đi, viên tổng quản vừa nói:

– Cháu dại quá! Cháu muốn làm bếp, trong khi có có thể lợi dụng cái khổ người bé nhỏ và hình thù dị của cháu để làm thẳng lùn của nhà vua. Ta cam đoan: với hình thù của cháu, người ta trông sẽ vui thích lắm và cháu sẽ làm giàu dễ dàng nếu làm hề cho nhà vua. Còn làm bếp thì khó kiếm tiền mà lại dễ rơi đầu nếu không làm vừa ý nhà vua.



Jacob and the Major-domo.

Nhưng Jacob vẫn giữ nguyên ý định ban đầu. Thế là viên tổng quản vội đưa Jacob ra mắt bác đầu bếp. Vừa trông thấy chú bếp tập sự, bác đầu bếp bật cười chảy cả nước mắt. Bác nói với Jacob:

– Không khéo mà tay tưởng bếp của ta thấp như những chiếc ghế đẩu? Nhóc ạ! Mà hãy đợi cao hơn một chút nữa mới trông được các xoong nồi đang nấu!

Jacob tha thiết van xin:

– Xin bác hãy thử xem cháu có thể làm gì! Hãy đặt cháu làm một món ăn đặc biệt khó! Rồi bác sẽ thấy ngay tài nấu nướng của cháu. Làm điều này bác có mất công, mất của gì lắm đâu? Nếu việc thành, bác sẽ được nhàn hạ mà không chùng còn được nhà vua trọng dụng hơn nữa cơ!

Giọng nói của nó quá chân thành, khiến bác đầu bếp nhìn viên tổng quản rồi nói:

– Thôi được! Chúng ta cũng có nhiều thực phẩm dự trữ. Nếu cháu có làm hỏng vài quả trứng, một ít bột thì kho của hoàng thượng cũng không vì thế mà vơi đi được mà chúng ta lại được chứng kiến một hoạt cảnh rất vui! Nào hãy làm thử đi!

Bác đầu bếp đi trước đưa theo viên tổng quản và Jacob cũng vào nhà bếp. Đây là một ngôi nhà đồ sộ.

Jacob đưa mắt nhìn quanh. Hai cái bếp đang reo phần phật. Cả một đám đông các ông bếp và phụ bếp đang chăm chú theo dõi mấy cái nồi. Một rãnh nước chảy qua ngôi nhà để đưa nước vào bể nước vào bể nuôi cá. Mười buồng chứa đủ các sơn hào hải vị, thịt, rau... mở cửa thành hai dãy. Vừa vào đến nơi, bác đầu bếp liền gọi bác phụ bếp:

– Này! Hoàng thượng vừa truyền dọn điểm tâm món gì vậy?

– Súp Danish and thịt viên đỏ Hamburg.

Quay lại phía Jacob, bác đầu bếp hỏi với một giọng pha ít nhiều chế giễu:

– Thế nào, cháu có biết làm các món ấy không?

– Thưa bác! Cháu làm được ạ.

Bác phụ bếp nhìn chú lùn một cách khinh khỉnh và kêu lên:

–Ồ! Chắc là không! Ít nhất là cháu chịu thua món thịt viên mà công thức chúng tôi vẫn còn giữ bí mật.

– Thế mà cháu làm được đấy!

Jacob nói một cách tự tin làm cho mọi người kinh ngạc.

– Dễ thôi mà! (Đến đây, nó hạ giọng để chỉ bác đầu bếp và bác phụ bếp nghe.) Muốn làm thịt viên phải có bốn thứ: thịt, mỡ vụn, rượu vang đỏ và gừng. Để cho thơm ngon, hấp dẫn, ta sẽ cho thêm một nhúm cỏ khoái dạ băm nhỏ.

Bác đầu bếp và bác phụ bếp giật mình vì kinh ngạc cùng kêu lên:

– Thật đúng công thức! Trời đất quý thần ơi! Nó học ở đâu mà nắm được nhỉ?

– Chắc cháu là tay bếp lành nghề! – Bác đầu bếp nói thêm và gật đầu có vẻ nể nang. – Ta cũng chưa nghĩ đến thứ rau cỏ đó. Nhưng đừng bắt chúng ta chỉ tin vào lời nói suông. Chúng ta đang đợi cháu làm đấy!

Jacob sung sướng gật đầu. Sau khi khoác tạp dề và xin một chiếc ghế đẩu, nó bắt đầu nấu nướng.

Người ta đặt vừa tầm tay những thứ nó yêu cầu. Nhiều ghế đẩu được kê cạnh nhau, cái này cạnh tiếp cái kia để Jacob di chuyển trên khoảng đường dài của bếp lò cho tiện.

Xung quanh im lặng. Mọi người dồn mắt vào cậu bé. Người ta phục những thao tác lành nghề, dáng vẻ nhanh nhẹn của con người bé nhỏ ấy. Khi những món đồ nấu được đặt lên bếp, chú bé ngồi xuống và bắt đầu đếm thong thả một, hai, ba, bốn... đến năm trăm. Vừa đếm đến đúng con số ấy, nó ra hiệu cho bác phụ bếp đưa cho nó một cái đĩa và một cái liễn đựng súp rồi nó cho thức ăn đựng trong hai cái nồi vào bát và đĩa. Nó quay lại nói với bác đầu bếp:

– Thưa bác, xin mời bác nếm thử món cháo và những thịt viên, xong xin bác cho ý kiến.

Trịnh trọng, bác đầu bếp nhúng chiếc thìa bằng vàng vào bát cháo múc một ít, đưa lên môi nếm rồi tắc lưỡi khen:

– Tuyệt! Quả là tuyệt diệu!

Bác lại lấy nữa, xiên một viên thịt với vẻ trịnh trọng như hồi nãy. Sau khi ném, bác thán phục nói:

– Ôi! Thật vượt xa sự mơ tưởng của ta!

Viên tổng quản, bác phụ bếp cũng ném món ăn và đều công nhận chưa bao giờ họ được ăn ngon như thế. Người ta dọn ngay bữa điểm tâm cho hoàng đế trong những chiếc tô, đĩa bằng vàng. Trong lúc đó, Jacob khiêm tốn nhận những lời khen nồng nhiệt của các bác bếp và viên tổng quản.

Một giờ sau, viên thái giám xuất hiện trước cửa nhà bếp, truyền lệnh:

– Hoàng thượng ban lệnh: cho người đã nấu bữa điểm tâm lên hầu người.

Bác đầu bếp nắm tay Jacob nói:

– Đi, đi cháu! Đến mà nhận lời ban thưởng xứng đáng với cháu. Bác không bao giờ có ý định cướp công cháu.

Hạnh phúc đến quá bất ngờ khiến Jacob run lên. Nó quỳ trước mặt hoàng đế. Nó không còn cảm thấy tủi nhục, trước những tiếng cười âm ỉ mà thân hình của nó đã gầy ra trong đám quan chức hầu cận nhà vua. Và chẳng trợn cười ấy lặng đi rất nhanh, vì nhà vua cau mày nhìn bọn triều thần và phán:

– Nhà ngươi là một bậc vĩ nhân và trẫm muốn mọi người đều phải biết như thế! Từ nay ngươi sẽ là đầu bếp của trẫm. Trẫm phong cho nhà ngươi chức phó trưởng bếp. Trẫm chỉ dùng những món ăn do chính ngươi nấu nướng. Những người phục vụ trẫm đều mang tên mà trẫm đặt cho nên từ nay ngươi sẽ được gọi là Nosey.

Vua hướng về phía bác đầu bếp và nói tiếp:

– Còn phần khanh, khanh đến bảo quan coi ngân khố cho khanh một trăm ducats. Như thế cũng chưa phải là quá đáng để thưởng khanh về cái giây phút thần tiên mà trẫm được hưởng trong lúc ăn sáng. Kể từ khi ta trị vì, bao nhiêu năm nay ta chưa có được hạnh phúc nào to lớn như lúc này!

Bác đầu bếp và Jacob Nosey sung sướng tột độ quay về nhà bếp. Họ khiêm nhiên trở thành hai người bạn tốt nhất trên đời.

Ngày tháng trôi qua, cậu bếp mới của nhà vua sung sướng và chăm chỉ trong công việc của mình. Nosey làm vừa lòng đức vua. Trước kia, ngài dễ cáu gắt, bây giờ mỗi ngày ngài càng bớt nóng nảy và có vẻ hiền hơn, cởi mở hơn sau mỗi bữa

ăn do Nosey nấu. Nhiều khi Nosey trổ tài vượt bậc thì nhà vua đòi nó và viên đầu bếp đến bàn ăn và mời họ:

– Ăn món này đi! Ta nghĩ đây là phần thưởng cao nhất mà ta có thể ban cho các người! – Nhà vua vừa nói vừa chọn món ngon nhất gấp cho họ.

Cả triều đình, cả kinh đô đều kính nể anh bếp được nhà vua sủng ái. Không ai nhận ra “ngài Nosey” chính là thằng bé dị hình, khốn khổ đã từng khóc trong khi soi gương ở cửa hàng cắt tóc của bác Urban. Khi nó đi chợ chọn mua rau, quả, thịt... cho bếp nhà vua thì người ta đua nhau cung kính vái chào và còn cười duyên với nó. Những ngày ấy, Nosey cho những tên nô lệ đi theo nó khuân hết các mặt hàng mà mẹ nó bày bán. Nó đi rất nhanh qua trước mặt bà Hannah và không hề ngoảnh lại vì ngại mình xúc động quá. Một vài lần, nó cố thử làm cho mẹ nhận ra mình mà vẫn không được.

Hai năm trôi qua. Một sự ngẫu nhiên xảy ra đã làm thay đổi nếp sống của Nosey.

Một buổi sáng, Nosey đi chợ và để ý đến một người bán hàng. Đáng lẽ rao âm ỉ món hàng của mình, thì người đó chỉ bày ra mà không nói gì cả. Hàng hóa là ba con ngỗng to béo, ngon lành được nhốt chung một lồng. Thứ mà Nosey đang cần tìm phải là ngỗng, để làm món ăn ngày hôm sau. Nó trả tiền theo giá người bán đòi mà không cần mặc cả. Mang lồng ngỗng lên vai, nó trở về cung vua. Trong khi rảo bước, nó nghe một con ngỗng rên rỉ và thở dài giống y như người vậy. Ngạc nhiên, nó dừng lại đặt cái lồng ngỗng xuống đất và nói to, tự bảo mình:

– Ta tương con ngỗng to béo này khỏe mạnh! Nhưng ta đã lầm, nó đang bị bệnh! Có lẽ ta phải làm thịt nó ngay!

Nghe thế, con ngỗng tức tối bảo:

– Nếu anh làm thịt tôi, thì hãy tin là anh không phải chờ đợi lâu để theo tôi về âm phủ đâu!



Nosey ngạc nhiên kêu lên:

– Một con ngỗng biết nói! Chuyện này là thật sao? Xin hãy yên lòng, người đẹp của ta ạ! Ta sẽ không xử sự với một con chim quý như với các gia cầm thông thường kia đâu! Ta nghĩ chắc là có phù chú, bùa yểm gì đây! Ta cũng không quên



cách đây mấy năm ta đã từng là một con sóc! Ta đánh cược là người không phải từ một quả trứng ngỗng nở ra như các bạn ngỗng của người!

Con ngỗng nhìn Nosey một cách buồn bã và nói:

– Anh không làm đâu! Tôi không ngờ rằng Mimi, con gái của chân nhân Wetterbock<sup>2</sup> thần thông lại phải thành thức ăn trong dạ dày nhà vua!

Xúc động vì nỗi buồn của ngỗng, Nosey nói:

– Hãy yên lòng Mimi tiểu thư ơi! Tôi sẽ không giết thịt cô đâu mà, sẽ cố giữ cho cô không bị người khác mổ. Tôi sẽ để cô ở trong một cái lồng trong phòng tôi. Tôi sẽ nói với mọi người là tôi đang vỗ béo cô để dâng lên hoàng thượng dùng bữa. Nhưng thật ra, tôi chỉ chờ dịp để được giải phóng cô thôi.

Con ngỗng nhìn ân nhân của mình một cách cảm phục. Nosey lại mang lồng ngỗng trên vai và trở về cung vua. Vừa vào đến phòng mình, Nosey liền bắt tay vào việc xây dựng nhà ở cho cô khách trọ.

Mỗi ngày, sau khi xong việc Nosey leo rất nhanh lên phòng mình để cho ngỗng Mimi ăn quà, bánh và trò chuyện với cô bạn. Nhờ thế, nó biết rõ cô gái là con của Wetterbock, chân nhân cư trú trên một hòn đảo ở gần bờ biển Ấn Độ. Cô đã bị một bà phù thủy thù địch với cha mình, biến thành ngỗng và mang cô đi biệt tích.

– Bà ta thề là em phải chết! – Mimi rùng mình kết thúc câu chuyện – Nhờ anh mà mẹ già ác nghiệt kia đã không thể trả thù được!

Nosey hỏi Mimi vài chi tiết về mẹ phù thủy độc ác. Qua hình dáng Mimi tả, Nosey nhận ra ngay đó là mẹ già đã mua bắp cải của cửa hàng mẹ nó ngày trước. Nosey kể lại cho cô bạn mới nghe câu chuyện của nó. Những câu chuyện trao đổi của đôi bạn trẻ thường chấm dứt không thay đổi bằng lời an ủi của cô bạn ngỗng Mimi:

– Tất cả những nỗi đau khổ của chúng ta rồi sẽ chấm dứt! Anh đã hứa đưa em về với cha mẹ sau khi dành dụm được một số tiền lệ phí để đến hòn đảo quê hương em. Cha em sẽ trả lại cho em hình dáng ban đầu. Điều đó chẳng khó khăn gì đối với ông cả. Còn về phần anh, em có một vài kinh nghiệm về phù phép. Theo chuyện anh kể về lời lẽ, phù phép của bà tiên già, thì chính hương thơm của cái cây mà anh đã ăn và người đã làm anh biến dạng. Em có thể tin chắc là chỉ cần

tìm được đúng loại cây ấy và hít nó thì anh sẽ trở lại là người thanh niên tuấn tú ngay!

– Xin thánh Allah chứng giám những lời cô nói! Nosey chứa chan hy vọng, khẩn cầu như thế.

Trong khi chờ đợi sự thay đổi tốt đẹp mà cả hai đều mơ ước, những câu chuyện giữa Nosey và cô khách trọ cũng là niềm khích lệ, an ủi đối với hai người đau khổ trẻ tuổi.

Họ kết bạn với nhau được hai tháng thì một ông vua láng giềng của Ba Tư đến viếng thăm đức vua. Ông ta ở tại cung điện Mùa hè của hoàng đế và săn bắn với ngài.

Trước khi vị khách đến ít hôm, Nosey được mời lên và nghe vua truyền rằng:

– Vua Rianda sẽ ở lại triều đình ta một tháng. Người rất sành ăn và đầu bếp của ngài nổi tiếng vô địch trên hành tinh này. Vậy trăm mong nhà ngươi sẽ hơn hẳn họ để giữ uy thế cho trăm và đánh tan sự khoác lác của vua Rianda. Đừng tiếc tiền của trăm! Trăm thích nhà ngươi lãng phí vàng, ngọc của trăm còn hơn là phải đổ mặt, xấu hổ với vua Rianda. Nếu nhà ngươi làm trăm hài lòng, sẽ được hậu thưởng. Nếu không... Nhưng ta chắc: mình sẽ được hài lòng. Nhân danh hoàng đế Ba Tư, ta ra lệnh: ngươi phải dành thắng lợi!

Nosey hứa sẽ cố hết sức để làm nhà vua vui lòng. Nó bắt tay ngay vào việc lên thực đơn. Cái nào cũng đầy vị ngon, thức quý cả. Trong mười lăm hôm, các món ăn dọn ở bàn ngự thiện đều là đề tài chuyện văn của thần dân. Chỉ nói về các món ăn kỳ tài mà Nosey dọn ra cho hai vị vua dùng, những người ít háu ăn nhất cũng phải thèm rỏ dãi!

Hoàng đế Ba Tư rạng rỡ. Vua Rianda dùng bữa mỗi ngày năm lần và bao giờ cũng luôn có một thích thú mới. Nosey thường được gọi lên sau bữa ăn để nhận những lời khen của hai vị thực khách sành ăn.

Sau ngày thứ mười lăm, trong lúc khen ngợi người phó trưởng bếp như anh ta đáng được khen. Bỗng vua Rianda nói:

– Nosey! Nhà ngươi đã cho ta ăn những món tuyệt diệu, thực đơn nhà ngươi phong phú, đa dạng một cách lạ lùng. Nhưng có một điều làm cho ta ngạc nhiên.

Đó là nhà người chưa dọn món “Pastry Souzeraïne”, món ăn tuyệt nhất trong thiên hạ cho chúng ta thưởng thức.

Nosey chưa bao giờ nghe nói đến món bánh ngọt mang cái tên kỳ lạ ấy. Tuy vậy, nó không hề nhú lông mày. Nó cúi đầu cung kính khéo léo trả lời:

– Muôn tâu thánh thượng, kẻ hạ thần chưa dọn món ấy là vì: món “Pastry Souzeraïne” được coi như là món ăn vĩnh biệt của người làm bếp mà hạ thần thì mong ước còn được vinh dự phục vụ thánh thượng lâu dài.

Hoàng đế chủ nhà xua tay nói:

– Nhà người trả lời hay lắm Nosey ạ! Nhưng vì đức vua bạn ta đã vinh dự cho nhà người khi người đòi món “Pastry Souzeraïne”. Cho nên trăm muốn trong thực đơn ngày mai sẽ có ngay món ăn ấy!

– Lệnh hoàng thượng sẽ được thi hành!

Nosey trả lời và cúi chào sát đất. Nó cố giữ bình tĩnh và làm ra vẻ hoan hỉ đón nhận lời phán truyền.

Nhưng khi vừa lui khỏi phòng tiệc thì lòng Nosey nặng trĩu. Món “Pastry Souzeraïne” ấy là gì? Tất cả những suy nghĩ, những cố gắng với bao công sức mệt nhọc trong suốt mười lăm ngày qua, cũng chẳng được ích gì? Vậy mà lúc nào, nó cũng phải nghiêng mình trên những bếp lò để theo dõi rất nhiệt tâm những xoong, chảo thức ăn, y như các thứ đó dùng để luyện đá thành vàng không bằng!

Nosey leo nhanh lên phòng riêng kể lại cho cô bạn ngỗng nghe nỗi khổ tâm của mình. Cô bạn ngỗng Mimi chăm chú nghe rồi nói:

– Đừng buồn! Anh Nosey thân mến ơi! Tuy em không biết cách làm món “Pastry Souzeraïne” nhưng có lẽ em cũng biết chút ít về công thức để làm món ấy. Đây là những gì anh cần dùng để nấu món bánh ngọt ấy.

Nosey rạng rỡ khi nghe Mimi kể các thứ cần thiết khi phải làm món bánh ngọt đó. Nosey vội vàng vào bếp thực hành. Thí nghiệm đầu tay của nó được bác đầu bếp và viên tổng quản khen là tuyệt diệu. Nosey còn đưa về cho cô bạn ngỗng một ít bánh ngọt mà mình vừa làm. Sau khi nếm một miếng bánh ngọt, ngỗng Mimi nói:

– Cách làm có thể chưa chắc đã hoàn toàn đúng! Nhưng khi những người lành nghề tuyên bố nó xứng đáng là món ăn của vua chúa, thì anh có thể tin tưởng khi làm.

Sáng hôm sau, Nosey trân trọng dâng lên hai vua đĩa bánh ngọt trang trí đầy những hoa lá làm bằng rau quả để ăn kèm. Vua Ba Tư tọng ngay một miếng bánh ngọt đầy mồm và nói một cách hoan hỉ:

– Quả thật tôi đã có một anh vua bếp! Thật là tuyệt! Ý vẫn thành công với món bánh ngọt này cũng như với các món khác!

Vua Rianda ngửi món bánh ngọt mà anh bếp đã dọn trên đĩa của ngài. Ngài nhắm một tí rồi lắc đầu và nói:

– Ngon đấy! Nhưng vẫn chưa phải là món “Pastry Souzeraine”!

Hoàng đế Ba Tư suýt mắc nghẹn vì giận dữ. Mặt ngài xám ngắt, rồi đỏ bừng. Ngài quắc mắt nhìn Nosey, rồi phẫn nộ thét lên:

– Mà nghe thấy chưa? Thằng trâng tráo khốn nạn, thằng chúa vụng, thằng bếp đáng ở với chó kia! Ông bạn đế vương của ta phán: đây không phải là món bánh ngọt mà ta truyền lệnh cho mày dọn! Mày thực hiện lệnh của ta thế à? Ta sẽ cho băm cái thân hình khả ố, dị dạng của mày để làm chả viên cho mà xem!

Nosey run rẩy và xám ngắt, phủ phục dưới chân hai vị vua và cố sức trấn tĩnh. Giấu một nụ cười đắc thắng trước cơn giận khủng khiếp của hoàng đế Ba Tư, vua Rianda vô cùng thích thú thấy hoàng đế Ba Tư và tên bếp bị bắt bí đến bẽ mặt. Vua Rianda, liền nói khích thêm:

– Xin ngài đừng quở trách chú bé khốn khổ này! Chú ấy đã cố làm hết sức mình. Nhưng còn lâu chú ta mới có thể theo kịp viên đầu bếp của tôi! Chú ta cũng chưa nắm hết bí quyết trong nghệ thuật nấu ăn. Đặc biệt về món bánh ngọt tuyệt diệu này. Hương vị của món ăn tuyệt vời là do một loại thảo mộc chỉ mọc riêng ở đất nước chúng tôi mà thôi!

Hoàng đế đang cơn thịnh nộ run lên hỏi ngay:

– Thế loại thảo mộc ấy tên là gì?

– Cỏ hắt hơi! Vua Rianda đáp.

Nhà vua liền truyền cho anh bếp dờ sống, dờ chết:

– Nosey! Nếu ngày mai, cũng vào giờ này, người không đem dâng món “Pastry Souzeraine” chế biến đúng công thức có cỏ hắt hơi làm gia vị dọn cho chúng ta thì đầu người sẽ lăn xuống dưới cái bậc thang này! Ta phán rồi đấy!



Nosey trở về buồng riêng, người như đã chết. Thấy bạn lại thất vọng, ngỗng Mimi hỏi thăm nguyên do rồi an ủi:

– Được rồi chưa phải đã “cùng đường chuột chạy đâu”! Cha em có dạy cho chị em chúng em cách nhận biết các loại thảo mộc. Em biết loại cỏ hắt hơi đó. Vua Rianda nói loại cỏ ấy chỉ mọc trên lãnh thổ của ông ta thì đó là do không biết

hoặc cố tình lừa dối để lòn bịp anh và hoàng đế. Cỏ hắt hơi, thường hay mọc ở những nơi ẩm ướt có thể là dưới gốc những cây lậ...

Cặp mắt sáng ngời tia hi vọng, Nosey reo lên:

– Trong vườn thượng uyển, gần hồ có một cụm cây lậ

Mimi nói:

– Nếu vậy, chúng ta sẽ đi ngay đến đó! Nhất định em sẽ tìm ra cỏ hắt hơi!

Nosey ôm con ngỗng trên tay và rời khỏi phòng mình. Bọn lính gác ngỡ nó chạy trốn cơn giận dữ của nhà vua nên cố cản nó lại. Nosey nói:

– Xin các bác cho tôi đi! Tôi chỉ đến vườn hoa để tìm những thứ cần thiết để làm món: Pastry Souzeraïne. Vườn hoa có tường cao che kín. Tôi không thể chạy trốn được đâu. Các bác đừng lo!

Viên võ quan trực gác bảo:

– Thế thì hãy đi đi! Nếu người không về trước khi mặt trời lặn thì tôi sẽ thả chó đuổi bắt đấy!

Nosey cảm ơn rồi vắt chân lên cổ, chạy nhanh đến cái hồ trong vườn thượng uyển nơi có chùm cây lậ.

Ngỗng Mimi lấy mỏ đào bới, rút rìa cây, cỏ tìm kiếm rất lâu. Vì lo lắng, tim Nosey đập mạnh trong lồng ngực.

Nếu con ngỗng không tìm được cỏ hắt hơi thì Nosey chỉ còn cách là nhảy xuống hồ để tìm sự yên tĩnh và quên hết những khổ đau kỳ quái chồng chất bấy nay! Ngỗng Mimi cũng lo ngại, bối rối thì thầm:

– Trời sắp tối rồi mà em vẫn chưa tìm thấy gì!

Nhưng khi ngỗng Mimi ngoảnh đầu nhìn bốn phía tìm kiếm, nó phát hiện trên bờ bên kia có một cây lậ. Cây cổ thụ đứng một mình, đồ sộ tỏa cành lá sum sê, bóng trải dưới đất đen dày như đêm tối.

– Ta đến đó nhanh lên!

Ngỗng Mimi vội gọi Nosey, trong khi nó đang cố bay nhanh về hướng cây lậ với tốc độ mà đôi cánh nó cho phép. Nó thầm nói chỉ đủ để cho nó nghe:

– Đây là hy vọng cuối cùng của chúng ta!

Nosey chạy đứt hơi đuổi theo ngỗng Mimi. Khi Nosey đến gần cây lặt, nó thấy cô bạn ngỗng đang vỗ cánh hoan hỉ. Ngỗng Mimi hét lên sung sướng:

– Em đã tìm thấy cỏ hắt hơi rồi! Ở đây có một bụi rất xanh tốt! Anh được sống rồi!

Ngỗng Mimi lấy mỏ trao cho Nosey đang tràn trề hạnh phúc, một cây nhỏ nó vừa bới dưới lòng đất. Thấy Nosey ngạc nhiên và xúc động ngấm thân cây mảnh dẻ có lá màu xanh, hoa đỏ tươi viền màu vàng chói lọi, ngỗng Mimi lo lắng dụi dàng hỏi:

– Anh làm sao thế? Tại sao anh tái mặt vậy?

Nosey xúc động quá, run lên nói lắp bắp:

– Ôi! Hình như... Ừ, có lẽ tôi không nhầm đâu. Cũng cái mùi thơm này, mùi thơm của bát súp trừ danh của mụ phù thủy! Đúng là cái mùi này tôi đã ngửi ở nhà mụ già ác nghiệt kia và trở thành dị dạng như thế này! Vâng! Đến bây giờ tôi có thể tin chắc như vậy!

– Đừng ngửi cái hoa này lâu như thế! – Mimi đồng dục bảo – Sau này, khi thông thả đã! Trời sắp tối rồi! Chỉ còn vừa đủ thời gian để chúng ta nhổ một bụi và phải trở về phòng ngay để khỏi bị người ta thả chó ra xé xác mà thôi. Nhanh lên đi anh!

Nosey nghe theo lời cô bạn ngỗng. Mấy phút sau, một tay ôm ngỗng, một tay ôm chặt bó cỏ quý, nó trở về phòng riêng.

Khi tin chắc là không có ai dòm ngó. Nosey bèn đưa cái mũi dài của mình vào ngậm trong bó cỏ và hít mạnh cái mùi thơm nồng nàn. Nó khấn thầm:

– Thánh Allah ơi! Xin ngài hãy cứu con! Hãy cho con bỏ lốt xấu xí này!

Cái mũi dài ngoẵng của chú bếp tan đi như tuyết dưới ánh mặt trời. Quá bất ngờ, ngỗng Mimi đập cánh rối rít vui mừng. Gương mặt Nosey lại trở nên thanh nhã. Thân hình lớn lên và thẳng thớm ra, cổ trồi lên uyển chuyển và trắng mịn. Trong chốc lát, Nosey dị dạng không còn nữa: Jacob – Chàng thanh niên đẹp trai đã thay thế! Jacob ôm chặt ngỗng vào trong đôi tay, và hét lớn:

– Mimi thân yêu ơi! Nhờ em mà tôi có hạnh phúc này! Tôi không bao giờ quên ơn em! Chúng ta hãy đi ngay về xứ sở của cha em để làm phép trả lại hình người cho em!



Jacob cầm cái túi đựng tất cả số tiền nó dành dụm được với rất nhiều đồng vàng do nhà vua ban thưởng một cách hào phóng khi trước. Nó gói quần áo vào một gói nhỏ và ôm ngồng lên. Nó liền rời khỏi cung điện khi trời còn chưa tối hẳn.

Lính gác cho người thanh niên lạ mặt đẹp trai đi qua mà không hề biết đó là phó bếp của hoàng gia. Ngay tối hôm đó, Jacob lên đường để đến hải cảng gần nhất. Sáng hôm sau, Jacob đã đến nơi sau một đêm đi bộ ròng rã. May thay, có một chiếc tàu mới trương buồm để đi Ấn Độ. Jacob trả tiền rất hậu, nên dễ dàng được nhận chở đến hòn đảo chân nhân Wetterbock cư trú.

Cuộc hành trình thuận buồm xuôi gió. Wetterbock suýt chết ngất vì quá vui mừng khi được gặp lại cô con gái yêu đã mất tích lâu ngày. Ông nhanh chóng làm phép trả lại nguyên hình cho con. Một cô thiếu nữ xinh đẹp, duyên dáng nhất trên đời hiện ra trước mặt. Jacob vô cùng vui mừng vì lâu nay chàng vẫn tin chắc là như thế. Bởi vì trong kiếp gia cầm, Mimi vẫn giữ dáng đi đứng ung dung, thanh nhã.

Wetterbock tặng Jacob rất nhiều phẩm vật. Jacob rời đảo về nước trên một chiếc tàu mang đầy của cải. Mimi theo tiễn bạn một đoạn trên mặt biển. Cô đưa bàn tay cho Jacob hôn và nói:

– Tạm biệt và ước nhanh chóng gặp lại chàng! Em hy vọng là cuộc sống sẽ cho chúng ta đoàn tụ để không bao giờ phải xa nhau. Số phận đã gắn bó chúng ta quá khăng khít, nên trong tương lai chúng ta không thể sống như những người xa lạ. Nhưng chúng ta hãy còn quá trẻ, hãy để thời gian quyết định! Lo gì!

Jacob trở về thành phố quê hương. Lần này, chàng không phải mất công sức khó nhọc gì để làm cho bố mẹ nhận ra. Câu chuyện về những nỗi cơ cực của Jacob đã làm bố mẹ nó khóc ròng. Hai ông bà hối hận vì đã hắt hủi đứa con bé bỏng, tội nghiệp. Bây giờ ngắm chàng thanh niên tuấn tú vốn là thằng Jacob xưa kia, vợ chồng ông Olim khôn xiết vui mừng và hãnh diện.

Ông Olim thôi không vá, chữa giày cũ nữa. Bà Hannah cũng hết bán rau quả ở chợ. Nhờ sự hào phóng của Wetterbock, Jacob tận được một cửa hàng rộng rãi, mua nhiều vải lụa, đồ trang sức quý giá. Nhờ biết buôn bán nên chẳng bao lâu Jacob giàu có. Chàng sắm được một chiếc tàu và giao dịch buôn bán với Ấn Độ.

Người ta kể rằng, Jacob trở thành một thương gia lớn, kết hôn với Mimi, cô con gái của chân nhân Wetterbock thần thông và đôi vợ chồng trẻ sống rất hạnh phúc bên nhau.

Còn về phần hai ông vua thì món “Pastry Souzeraine” là nguyên nhân của sự bất hòa dai dẳng giữa hai bên. Vua Rianda bảo hoàng đế Ba Tư đã cho chú bếp trốn mất để cứu tính mạng của chú ta. Hoàng đế Ba Tư lấy làm bất bình về những lời trách móc đó, và thế là một cuộc chiến tranh tốn kém và kéo dài đã nổ ra.

Tất cả đều bắt đầu từ câu chuyện một thằng nhóc, con bà bán rau quả đã dám nhạo báng cái mũi dài của một vị khách hàng. Nguyên nhân nhỏ, hậu quả khôn lường!

## CHÚ LÙN MOUCK

Ngày xưa ngày xưa, ở Nicée, thành phố quê hương tôi có một người dị dạng, cao chưa đầy năm gang tay. Mọi người thường gọi là chú lùn Mouck.

Có lẽ khó mà tìm thấy một người trông kỳ dị và ăn mặc buồn cười hơn chú lùn ấy. Chú có một cái đầu to tướng đặt trên một thân hình loắt choắt trông rất kì cục. Nhìn khuôn mặt thô kệch, hum húp kia, người ta khó mà đoán ra chú bao nhiêu tuổi. Chú đang ở lứa tuổi hai mươi hay đã sáu mươi rồi vậy? Đã thế chú còn quấn trên cái đầu ấy một chiếc khăn đỏ sộ che khuất những sợi tóc nửa nâu, nửa trắng như cước.

Còn về y phục thì suốt bốn mùa chú vẫn mặc độc một kiểu quần áo ấy. Chú mang một cái thắt lưng to bản. Nó to bằng ba thắt lưng thường, bó chặt thân hình chú đến tận nách. Hai chân chú bơi trong hai ống quần rộng gấp bốn lần. Chú khoác một chiếc áo bé xíu. Gọi là áo khoác chứ thật ra nó chỉ nằm gọn lỏn trên vai chú chứ không khoác cũng chẳng che được gì hết. Hai bàn chân của chú lọt thỏm trong hai chiếc giày rất to, to đến mức năm bàn chân tí hon của chú ướm vào cũng chưa vừa. Chú giắt một con dao to tướng trong thắt lưng và kéo lê nó theo như một cây trường kiếm.

Đố các bạn: chú lùn dị dạng ấy, trong bộ y phục kì dị nói trên liệu có tránh khỏi những cặp mắt tò mò, soi mói của tụi trẻ ranh chúng tôi ở thành phố Nicée này không?

Dạo ấy, chú lùn Mouck luôn là người mà chúng tôi chờ đợi, là niềm vui của chúng tôi. Hàng giờ, chúng tôi cứ rình xem lúc nào chú lùn đi dạo mát trên sân thượng của ngôi nhà chú, một ngôi nhà tối tăm và buồn tẻ. Mặc dù người ta xếp chú lùn vào loại giàu có bậc nhất nhưng con người ấy sống rất cô đơn. Chú lùn không hề có khách đến thăm viếng, cũng chẳng có người hầu hạ và chú xa lánh tất cả mọi người.

Tuy nhiên, cũng có ngày mà chú lùn Mouck phải ra ngoài. Cái ngày được coi như ngày hội mà bọn trẻ ranh chúng tôi thường báo trước từ lâu với nhau đã tới. Đó là ngày chú lùn Mouck ra phố để mua sắm.

Theo thường lệ, mỗi tháng chú đi ra khỏi nhà một lần. Thích thú biết bao! Chúng tôi la ó, chạy nhảy quanh chú lùn Mouck như một lũ điên. Chúng tôi tung mũ lên cao, và hét đến đình tai, nhức óc:

– Chú lùn Mouck! Chú lùn Mouck!

Mouck nghiêm trang chào chúng tôi. Chú bình tĩnh, đàng hoàng bước đi giữa những tiếng la ó và những chuỗi cười nhạo báng.

Chúng tôi tập hợp thành một đám lau nhau, ồn ào và hỗn láo theo sau để trêu chọc chú lùn, Mouck, Phải thú nhận rằng, tôi là đứa tếu nhất trong đám trẻ tinh nghịch thành Nicée này.

Hôm ấy, chú lùn Mouck ra khỏi nhà. Đáng lẽ bọn tôi chỉ trêu đùa như những lần trước, nghĩa là xô đẩy hoặc kéo giật chiếc áo khoác của chú. Lần ấy, tôi lại có sáng kiến đạp bàn chân mình lên gót giày của chú lùn. Chúng tôi cười khoái trá khi thấy chú Mouck bị mất đà ngã chúi xuống đất. Tôi còn là người cười to hơn ai hết!

Nhưng tôi cụt hứng, vội ngưng ngay khi thấy chú Mouck vội đứng dậy đi thẳng một mạch đến gặp cha tôi và ở lại đó rất lâu. Cuộc thăm viếng ấy kéo dài. Tôi thu mình trong góc tường được chắn bằng cánh cửa ở gần nhà lo lắng, theo dõi. Khi chú lùn ra khỏi cửa, tôi thấy cha tôi cúi đầu chào đưa tiễn chú rất lịch sự.

Sợ bị trừng phạt, tôi không dám về nhà. Nhưng vì đói quá, cuối cùng tôi đành phải mò về. Tôi đến trước mặt cha, run sợ, khúm núm trong thật đáng thương.

Cha tôi hét to:

– A! Mà đã về đây à? Thằng oắt con vô lễ kia! Mà đã chơi khăm chú lùn Mouck. Tao sẽ kể cho mà nghe chuyện của chú ấy để mà phải biết kính nể người lớn và trước hết tao sẽ cho mà một trận đòn để giúp mà nhớ kỹ điều này: Từ nay, không bao giờ được trêu chọc những người tật nguyền, bởi vì họ đã phải gánh chịu bao bất hạnh trên đời!

Bữa ấy, quả tôi đã bị no đòn. Mình mảy ê ẩm, tôi vừa khóc thút thít vừa lắng nghe câu chuyện về chú lùn Mouck.

Tuy nghèo khổ, cha của Mouck cũng được yêu mến, tin cậy ở thành phố Nicée. Mười sáu tuổi, Mouck mồ côi cha. Chú không có một nghề gì và cũng

không có một nguồn thu nhập nào cả.

Lúc còn sống, cha Mouck ít thương yêu và cũng chẳng chú ý đến việc học hành của chú. Sau khi ổng cụ mất, những người bà con thân thuộc không muốn vương bận về chú lùn khốn khổ nên khuyên chú đi nơi khác để tìm cách lập nghiệp. Chú trả lời:

– Tôi cũng có ý định như thế! Nhưng chắc là chẳng ai để ý đến tôi vì những bộ quần áo trẻ con này. Xin các bác cho tôi bộ y phục và con dao găm của cha tôi!

Người anh họ của Mouck vừa cười, vừa nói:

– Mà y sẽ lút người trong bộ quần áo ấy mất thôi vì lúc còn sống, cha mà y là một người to lớn và khỏe lắm!

Mouck bảo:

– Tôi đã có cách!

Người ta đã giao những quần áo mà chú Mouck yêu cầu. Chú xén bớt chiều dài làm nên bộ y phục ngộ nghĩnh mà chúng ta vẫn thấy chú mặc thường ngày. Rồi chú cầm cây gậy cố bước những bước thật dài để lên đường đi xây dựng cơ nghiệp.

Chú đi trong hai ngày. Chú chỉ lót dạ bằng quả hái ở dọc đường và chỉ dừng chân lúc quá mệt. Có khi những ý nghĩ chán nản len vào đầu óc chú. Chú bé nhỏ, yếu ớt và nghèo khổ thế thì làm sao mà xây dựng cơ nghiệp và cơ nghiệp là cái gì cơ chứ? Chú Mouck dù đã mười sáu tuổi vẫn còn khờ khạo và ngây thơ như một đứa trẻ nhỏ vì chú có được dạy dỗ học hành gì đâu!

Chú cứ đi mãi như thế, cho đến một hôm, chú nhìn thấy trước mắt mình cái cổng của một thành phố lớn. Chú đi vào. Người đi lại rất đông. Bị xô bên này, đẩy bên kia, lát sau, chú Mouck đành phải lánh vào một đường phố vắng.

Chú đói và mệt lả người. Trên các ngưỡng cửa, không có một nụ cười, không một lời hỏi han nào có thể an ủi chú. Chú gieo mình trên một trụ đá và thở dốc.

Bỗng, một tiếng đẩy cửa mạnh làm chú quay đầu lại nhìn. Một bà già hiện ra bên cánh cửa gỗ nẹp sắt, hé mở. Bà già gọi giọng the thé:

– Mèo con! Mèo con! Lại đây! Lại đây các con! Nào Minéc và Gơrixônô, nào Chân Trắng, Phunơ, Mítxti! Lại đây! Nhanh lên nào! Hời lũ mèo thân yêu của ta! Cháo đã chín rồi đấy!

Nghe giọng nói uốn éo khá lạ lùng ấy. Mouck thấy lũ mèo hình như kéo ra từ khắp nơi. Có những con đen, con nâu, con xám chạy, nhảy, lách vào.

Chú Mouck đói là nói một mình:

– Cháo đã chín rồi! Ta thì đang rất đói! Bà ấy tốt đối với lũ mèo như vậy chắc cũng sẽ cho ta ăn chút cháo để đỡ đói lòng!

Trong lúc vài con chó đến nhập bọn với lũ khách mèo, Mouck rụt rè bước vào nhà, theo chân một con chó xù có đôi tai dài đen nhánh. Dáng điệu tự tin của chú chó khiến Mouck nghĩ nó phải là một con vật thân thuộc trong nhà.



Little Mouk and Ahavzi.



Chú Mouck bước vào gian phòng rộng lát gạch men. Ở đây có những cái chậu đầy cháo đã để sẵn trên sàn nhà. Tiếng tộp cháo nổi lên đây đó.

Khi nhìn thấy Mouck, bà già cúi kính hỏi:

– Thằng bé kia! Mà đến đây làm gì hả?

Chú bé đói khát, đáng thương nói:

– Xin bà tha lỗi cho cháu! Cháu nghe bà gọi lũ mèo, lũ chó vào, cháu nghĩ rằng chắc bà cũng sẽ vui lòng cho cháu xin một bát cháo. Cháu mò côi và từ xa đến. Đã hai hôm rồi, cháu chỉ được ăn vài quả cây.

Bà già đáp lại một cách cay độc, chua chát:

– Ta đâu giàu có gì để lo cho tất cả thiên hạ? Ta cho bày mèo ở trọ là vì ta yêu lũ mèo! Nhưng ta không cho bọn ăn mà đi ngang qua đây ăn và ngủ nhờ đâu!

Mouck van nài:

– Ôi thưa bà! Cháu cam đoan với bà rằng: cháu không dám phạm đến khẩu phần của lũ mèo, cháu cũng không dám ăn lạm phần bà dành cho lũ chó.

Mouck nói rất nhỏ nhẹ, dễ thương đến nỗi bà già phải động lòng và thay đổi ý:

– Ủ, mà bé nhỏ thế kia thì chỉ cần chút ít thức ăn cũng đủ sống! Và lại ta đã nghĩ lại rồi: Ta không còn trẻ nữa, sắp tới ta cũng cần có một người giúp đỡ ta để săn sóc những con vật này. Ta sẽ trả công cho mà, nếu mà bằng lòng. Về khoản tiền công chúng ta sẽ bàn sau. Mà phải chăm sóc sáu con mèo của ta hàng ngày, còn những con mèo hàng xóm thì chỉ đến trong giờ ăn. Mà phải chải lông, xịt nước hoa, thay nơ, ruybăng ở cổ chúng, coi cho chúng chơi, canh chúng ngủ và nấu cháo bột cho chúng. Mà có chịu làm những việc ấy không?

Mouck không do dự trả lời ngay:

– Những công việc ấy đối với cháu không phải là quá khó!

Vì đói quá nên dẫu phải hầu hạ quý Xatăng, chú cũng phải nhận lời để có miếng ăn!

– Cháu có phải săn sóc bày chó không ạ?

Mouck hỏi thêm và chỉ một con chó nhỏ có đôi tai dài đen đang ngồi trên hai chân sau và nheo mắt thân thiện nhìn chú bé.

Bà già đáp:

– Có chứ! Nhưng ít hơn, bởi vì lũ mèo mới được ta yêu quý, chúng như những con cưng của ta.

Mouck vào giúp việc cho bà Ahavzi, bà già có cái mũi quặp và con mắt nhìn của một mục phù thủy. Suốt ngày, chú bé bận rộn lo ăn uống chăm sóc hết con Minét đến con Gorixônô rồi con Phunơ và con Chân trắng. Bao giờ chú cũng cố giành chút cháo cho con chó con. Thỉnh thoảng, chú dừng lại để vuốt ve bạn chú, con chó nhỏ có đôi tai đen thường quấn quýt bên chân chú, đi theo chú khắp mọi nơi.

Một tháng trôi qua khá bình thản với Mouck. Nhưng bà Ahavzi không hề đã động đến khoản tiền công đã hứa với Mouck. Thức ăn của chú là món cháo giống như món cháo của lũ mèo. Đó là sự trả công duy nhất của mục già với chú Mouck tội nghiệp.

Hơn thế nữa, lũ mèo ngày càng trở nên không chịu nổi! Chúng nó lấy vuốt cào rách những thảm treo tường, những nệm đi-văng. Chú bé hết la mắng lại dỗ dành nhưng vẫn vô hiệu. Chúng vẫn phá hoại rất dữ. Nhiều lần vì chúng mà chú bị chủ mắng chửi. Bà Ahavzi hét lên:

– Chính mày, thằng súc sinh ác nghiệt kia! Mày làm rách lụa bọc cái trường kỷ này! Chính mày đã làm vỡ cái lọ kia! Chính mày đã kéo đứt đường ren này! Thế mà mày lại còn dám cả gan đổ tội cho lũ mèo nữa ư? Này, nói dối này! Này, vu khống cho những con vật vô tội kia này!

Vừa nói, mục già vừa quất roi mây vun vút lên người chú bé. Chú bé Mouck hiểu rằng roi vọt có thể là tiền công duy nhất mà bà Ahavzi trả cho chú. Chú liền nghĩ ngay đến chuyện từ bỏ việc chăn mèo. Một hôm, nhân lúc bà Ahavzi đi vắng, chú Mouck quyết định:

– Ta phải rời cái nhà buồn tẻ này thôi! Người ta chẳng nói gì đến việc trả tiền công, thì ta phải tự liệu lấy. Bà Ahavzi chắc có cửa chèm cất giấu đâu đây, có thể trong căn buồng này. Hàng ngày, ta vẫn thấy bà ta thường đóng cửa ở một mình trong đó và chưa khi nào bà cho ta bước vào. Ừ, nhưng làm thế nào để có chìa khóa buồng nhỉ?

Chú Mouck vắt óc suy nghĩ. Vừa lúc ấy, con chó nhỏ có đôi tai đen mon men đến gần và cắn ống quần chú, kéo chú vào trong buồng của bà già. Chú nâng tấm vách che lên và nhìn thấy trước mặt mình một cánh cửa hé mở. Đây là cửa vào căn buồng chứa những bảo vật.

Chú Mouck vội vã bước vào. Nhưng rồi chú lại cảm thấy thất vọng thật sự! Chú mong tìm thấy những đồng vàng hay những cái lọ to tướng đựng đầy ngọc quý, thì ở đây chỉ có những quần áo cũ và một vài vật kỳ lạ được chế tạo tinh xảo.

Trong số những vật lạ đó có một cái bình rộng vành, long lanh các màu cầu vồng. Mouck đưa tay cầm bình lên để ngắm gần hơn. Nhưng khi những ngón tay của chú vừa chạm đến cái bình thì chú lại vô ý để nó rơi vỡ tan. Chú bé hốt hoảng, thầm nghĩ: Bà Ahavzi sẽ không bao giờ tha thứ sự sơ suất này. Bây giờ việc cần thiết là phải rời khỏi nơi đây và đi cho thật nhanh! Có phải thế không chó con? Chú bé nói thêm trong khi vỗ vỗ lên đầu nó.

Để trả lời, con chó sủa một tiếng rồi chồm lên một đôi giày to tướng nằm trong góc buồng. Nó tha đôi giày đến bên chân chú bé. Một tiếng sủa thứ hai, báo cho biết nó vừa tìm được một vật mới. Ngay sau đó, con chó đến trước mặt bạn nó với một chiếc gậy rất đẹp nằm ngang trong mõm. Chú Mouck kêu lên.

– Ô! Một ý kiến rất hay! Chiếc gậy này sẽ giúp ta trong chuyến đi. Còn đôi giày này so với giày của ta thì tốt hơn nhiều! Cảm ơn chó con tốt bụng! Tiền công của tao được đền bù nhờ những vật mà mày tìm ra đó!

Chú vui vẻ xỏ chân vào giày, bịt khăn và khoác áo để lên đường. Mouck đưa tay vuốt ve lần cuối cùng con chó nhỏ đang ngồi trước cửa nhà. Chú chó con có đôi mắt đen láy, tròng mẩn nhìn chú đang khuất dần. Chú nhanh chóng rời xa ngôi nhà, khua vang chiếc gậy bịt sắt trên mặt đường.

Chỉ không đầy mấy giây, chú đã đi hết con đường khá dài mà ở đầu kia là ngôi nhà của bà Ahavzi. Vừa leo lên dốc, vượt qua vùng ngoại ô trong một phút, chú đã thấy mình ở trên mỏm đồi chắn trước thành phố.

– Ái chà! Nhanh thật!

Chú reo to, rồi mệt quá, chú ngồi phịch bên lề đường. Hình như đôi giày của ta tự nó đi chứ không phải do đôi chân ta đi. Thật kỳ lạ! Phải chăng đây là đôi hài thần? Chú bé thầm nghĩ: “Để chắc chắn, ta hãy đi nữa xem sao!” Chú Mouck lại tiếp tục cuộc hành trình và nhận thấy đúng là khi đã được khởi động thì đôi giày

của chú tự đi với một tốc độ phi thường. Chú bé vô cùng sung sướng. Lần đầu trong đời, chú được làm chủ một vật sẽ giúp chú rất nhiều trên đường đi tìm hạnh phúc.

Chiều đến, để dừng lại, chú đã kêu lên nhiều lần: “Dừng lại! Dừng lại! Dừng lại ngay!” y như là người thồ hàng, phải kêu lên để ghìm con ngựa hăng tiết. Cuối cùng chú cũng dừng lại được. Chú uống nước ở một con suối nhỏ uốn khúc ở cạnh đường đi. Sau đó, chú nằm dài trên đám rêu dưới chân cây bách hương mà ngủ.

Chú mơ chẳng? Chú thấy quỷ hiện chẳng? Không rõ. Nhưng bất ngờ, trong giấc ngủ chú nhìn thấy con chó nhỏ với đôi tai đen đã từng khuyên bảo chú một cách kỳ lạ trong nhà bà Ahavzi. Con chó nói với chú:

– Cậu bé Mouck thân thương! Đôi giày không những giúp cho cậu đi nhanh mà còn giúp cậu đến nơi nào cậu muốn. Cậu chỉ cần quay ba lần trên gót chân mình thì sẽ được đưa đến nơi mà cậu ao ước. Còn chiếc gậy xinh đẹp này giống như một chiếc đũa thần sẽ giúp cậu tìm thấy những kho tàng, của báu chôn vùi dưới đất. Nơi nào chôn vàng, gậy sẽ gõ ba tiếng lên mặt đất, nơi chôn bạc, gậy chỉ gõ hai tiếng.

Chú bé Mouck tỉnh dậy khi ông mặt trời đã chiếu những tia nắng chói chang.

– Ta hãy thử làm theo điều mà chú chó nhỏ đã mách.

Mouck nghĩ thế rồi mang giày. Chú thử xoay ba vòng trên gót chân phải. Nhưng việc ấy không phải là dễ gì! Đôi giày quá to so với bàn chân bé nhỏ của chú lùn, vì thế chú đã bị ngã nhiều lần trong lúc tập. Tuy vậy, chú không hề nản chí. Cuối cùng, chú đã biết cách quay đôi chân một cách ổn thỏa.

– Tôi muốn đến một thành phố lớn gần nhất! – Chú ước như thế trong lúc xoay người trên gót chân.

Chú cảm thấy mình như được bay qua không gian với một tốc độ chóng mặt. Chú ngẩn ngơ khi thấy mình bất ngờ dừng giữa một nơi ồn ào, trước một tòa lâu đài tráng lệ. Chú Mouck nghĩ: Chắc hẳn có một ông vua ở trong đó! Muốn xây dựng cơ nghiệp thì ta chỉ cần cầu xin nhà vua. Nhưng cầu xin cái gì đây? Ta không hề biết bất cứ một nghề gì cả! Từ ngày xa quê hương, ta chỉ biết có mỗi việc đi mà thôi... Đi! Ồ, đấy cũng là một nghề chứ sao! Một ông vua cần những

người chạy tin, truyền lệnh. Đôi giày này sẽ làm cho ta trở thành người chạy tin, truyền lệnh nhanh nhất của nhà vua.

Chú Mouck nhảy lên khoái chí và thế là nhờ phép màu nhiệm của đôi giày, chú chạm trán một võ quan oai vệ của nhà vua. Viên võ quan hét tướng lên, nguyên rủa:

– Thằng nhãi con khốn nạn! Mày chỉ bằng con bọ chó mà dám lao vào một viên võ quan cấm vệ quân!

Chú bé vội lên tiếng:

– Thưa ngài, xin ngài thứ lỗi cho cháu. Cháu muốn hỏi ngài một điều: Cháu muốn xin được gặp ngài tổng quản của đức vua để xin việc.

– Mày xin việc làm? A! A! A! Nhìn xem, thằng oắt con kia! Việc làm của mày ư? Mày có thể hy vọng được nhận làm diễn viên trong nhà hát múa rối, hài kịch hay làm hề lùn để mua vui các hoàng tử và công chúa nhỏ tuổi. Ừ, mày đã muốn gặp tổng quản hoàng gia thì mày hãy vào cái cửa này, hơi khuất trong tòa nhà bên trái kia. Nhưng mày phải đứng chờ lâu đấy, bởi vì ông tổng quản không dễ tính như tao và ông ấy cũng không thích người ta đùa đâu!

– Xin cảm ơn ngài võ quan!

Chú Mouck ngắt lời viên võ quan một cách lễ phép và cúi chào rất nghiêm chỉnh. Chú tiến vào nhà mà viên võ quan đã chỉ, tìm gặp viên tổng quản.

Nghe lời khẩn cầu của đứa bé, viên tổng quản cười chảy cả nước mắt và nói:

– Mày gặp may đấy! Hôm nay ta đang vui, nếu không ta sẽ đá văng mày ra khỏi lâu đài này! Mày mà đời làm người truyền tin cho hoàng thượng à? Thằng lùn! Chân mày ngắn ngủn thế kia thì chạy làm sao được chứ?

Chú Mouck khẩn khoản van nài:

– Tôi van ngài! Xin ngài hãy thử việc tôi trước khi từ chối! Tôi nghĩ mình có thể độ sức với người truyền tin giỏi nhất của hoàng thượng.

Viên tổng quản cười lớn:

– Mày thật là cao ngạo! Tuy nhiên, thỉnh thoảng con người cũng cần phải giải trí một chút cho vui. Chúng ta sẽ tổ chức một cuộc thi! Nào, bác đầu bếp đâu! Đây là một ông khổng lồ nhỏ tuổi cần phải săn sóc đặc biệt trong khi chờ

đợi giờ xuất phát của cuộc chạy đua. Ta sẽ tâu ngay với hoàng thượng để xin ý chỉ.

Chú Mouck vui vẻ đi theo bác đầu bếp to béo. Chú Mouck được đánh chén một bữa no nê. Chú quên ngay chuyện hôm qua mình đã phải nhịn đói và đi bộ một quãng đường dài.

Viên tổng quản liền bái kiến nhà vua. Ông ta thuật lại lời khẩn cầu của chú lùn và tâu trình cuộc chạy đua này có thể là một trò vui lớn cho đức vua và hoàng tộc. Nhà vua nghe vậy rất vui. Vốn là người rất khoái được giải trí nên nhà vua phán:

– Một ý nghĩ tuyệt diệu! Hãy dựng những khán đài trên đồng cỏ, ở phía cuối vườn ngự uyển cho cả triều đình cùng xem. Hãy phái sứ giả đi truyền tin cho dân chúng trong thành phố biết để cùng tham dự cuộc vui sắp tới. Trong khi chờ đợi, đừng để con người nhỏ bé kia thiếu thốn thứ gì nhé!

Viên tổng quản tâu:

– Xin hoàng thượng yên lòng! Thần cũng đã lo liệu chu đáo.

Trong lúc sứ giả loan báo tin vui qua các phố phường và ngoại ô, thì nhà vua cũng vừa tới. Chú Mouck muốn chạy thi với người ấy ư? Mặc dù viên tổng quản đã có lời khuyên ngăn Mouck, nhưng chú vẫn hùng hồn tuyên bố:

– Một đấu thủ xoàng không xứng với tôi!

Nhìn hai đấu thủ đứng cạnh nhau, nhà vua, các triều thần và cả dân chúng đều cười rộ lên, tiếng cười kéo dài mãi vẫn không dứt. Người truyền tin của triều đình to cao với những bắp chân chắc nịch làm cho chú lùn với cái đầu to tướng càng dị hình, dị tướng hơn! Y phục và đôi giày của chú thật không thích hợp tý nào với cái nghề mà chú ta ao ước. Đức vua cười chảy cả nước mắt, khi nhìn thấy một người dị dạng có đôi chân bé tí, lọt thỏm trong đôi giày khổng lồ. Nhà vua thương hại bảo:

– Hãy đem đôi giày khác cho thẳng diên tộ nghiệp này!

Chú Mouck lo lắng, kêu van:

– Muôn tâu hoàng thượng! Xin cho phép cứ để như vậy vì hạ thần đã quen dùng đôi giày này rồi! Thiếu nó hạ thần không thể đi hay chạy được!

Nhà vua nhún vai phán:

– Thôi tùy người! Hãy theo ý muốn điên khùng của nhà người, con người tự phụ kia! Cho lệnh xuất phát đi!

Công chúa Amarza, con gái đầu của đức vua, vẫy chiếc khăn quàng. Hai đôi thủ cùng phóng lên như những mũi tên được bắn ra.

Người vô địch môn chạy lúc đầu chạy nhanh hơn, dẫn đầu, nhưng chú Mouck đã nhanh chóng đuổi kịp rồi vượt lên. Đôi giày của chú bước thoăn thoắt với một tốc độ cực nhanh. Chú Mouck đã về tới đích trong lúc người kia chỉ mới chạy được nửa đường.

Mọi người đã hồi hộp chờ đợi, theo dõi cuộc chạy thi. Chiến thắng của chú Mouck bây giờ làm cho họ vui mừng khôn xiết. Chú lùn Mouck được hoan hô nhiệt liệt!

Trong lúc chú bé tươi cười chững chạc quỳ trước mặt nhà vua thì ngài truyền lệnh:

– Nay chú lùn! Trẫm phong nhà người là “đệ nhất truyền tin” của vương quốc. Nhà người sẽ là cận thần của trẫm, được ăn tại bàn các võ quan trong cung điện này và hằng năm sẽ được nhận hai trăm đồng tiền vàng.

Chú Mouck say sưa, hoan hỉ với niềm tin mới! Ngày hôm ấy là ngày đẹp nhất trong đời chú. Chú cố tìm những lời chân thành nhất để cảm tạ nhà vua.

Từ đó, chú lùn Mouck sống một chuỗi ngày thần tiên. Chú được hưởng đầy đủ ân sủng và được nhà vua tin tưởng hoàn toàn. Nhờ đức tính liêm khiết, cần cù và thận trọng và cũng nhờ đôi giày có phép lạ, chú hoàn thành tốt nhiều công việc bí mật và quan trọng.

Nhà vua càng tin yêu chú Mouck bao nhiêu thì những người khác càng ghen ghét với chú bấy nhiêu! Không phải chỉ có những người truyền tin của triều đình ghen ghét với chú, mà tất cả các võ quan trong hoàng cung đều ganh ghét: “cái thằng oắt con đã chiếm được độc quyền sủng ái của nhà vua”, họ bảo vậy. “Giá trị duy nhất của nó là chỉ biết chạy nhanh mà thôi!”. Họ xầm xì, đơm đặt với nhau, họ làm đủ mọi cách để đức vua bớt tin yêu chú Mouck. Nhưng họ đã thất bại! Vốn bản chất tốt, chú Mouck không tìm cách trả thù. Chú muốn gây thiện cảm mọi người bằng cách giúp đỡ họ và cố làm cho họ yêu mến mình. Chú suy nghĩ và tìm mọi cách để làm mọi người vừa lòng và được mọi người yêu mến hơn.



Chú để ý thấy vàng làm chủ được người ta và làm cho người ta sung sướng!  
Chú tự nghĩ:

– Ta sẽ đem vàng cho những kẻ hay ganh ghét ấy. Chắc là chúng sẽ thương yêu ta!

Chú nghĩ đến chiếc gậy thần. Chú từng nghe lúc đất nước bị xâm lược, đức tiên đế có dấu trong lâu đài một số vàng lớn. Nhà vua băng hà đột ngột nên không kịp báo hoặc để lại di chúc gì cho thái tử, bây giờ chính là nhà vua đang trị vì, biết nơi cất giấu kho báu. Chú Mouck liền quyết định đi tìm kho của quý ấy khắp mọi nơi trong cung.

Người ta thường gặp chú cầm gậy trong tay, lui tới trong các hành lang, các gian phòng trong cung điện. Ngay trên các bồn hoa, các lối cỏ trong cung, chú cũng sục tìm không bỏ sót bất cứ chỗ nào.

Cuối cùng, chú cũng đã tìm thấy.

Trong vườn ngự uyển có một chỗ hầu như hoang phế. Ở đấy có một cây tầm xuân to lớn với những cánh hoa màu hồng đang nở. Chú đưa gậy đến gốc cây hoa đó thì đột nhiên gậy thần gõ ba tiếng xuống đất.

Mouck tự nhủ: “Vàng đây rồi!”

Chú đánh dấu chỗ ấy. Tối đến, chờ cho mọi người trong lâu đài đều đã ngủ say, chú trở lại gốc cây tầm xuân, mang theo một cái cuốc và một cái xẻng.

Chú bé quá nên công việc đối với chú quả thật rất nặng nhọc! Tuy vậy, sau hai giờ cố gắng đào bới, chú cảm thấy lưỡi cuốc va phải một mặt bằng cứng bằng kim loại, ở sâu hơn ba tấc. Chú moi rộng lỗ và tìm thấy một cái rương bằng sắt. Chú mở nắp. Trong rương có một cái bình đựng đầy vàng.

Cái bình quá nặng nên chú Mouck bưng không nổi! Chú liền lấy những đồng vàng nhét đầy các túi, trong thắt lưng, trong áo khoác rồi trở về lâu đài. Nếu không có đôi giày thần, chú sẽ chẳng bao giờ đủ sức bước đi với một khối nặng như thế. Nhưng đôi giày của chú rất khỏe nên đã đưa chú trở về gian buồng an toàn.

Chú giấu vàng trong gối đệm của đi-văng. Sáng hôm sau, chú phân phát vàng cho các quan lại trong lâu đài.

Chú Mouck thật là khờ dại! Chú không biết rằng trên đời có những người quen vong ân, bội nghĩa hơn cả ghen tị và đố kỵ. Và chú đã sai lầm vì không phải nhờ vàng mà ta tìm được những người bạn tốt!

Những viên quan thấy chú ban phát vàng càng ghen ghét chú tột độ. Người này hỏi người kia:

– Nó lấy vàng ở đâu ra thế nhỉ?

– Có thể nó là một tay làm bạc giả cự phách hoặc nó đã ăn trộm của đức vua! – Viên quan coi ngân khố chêm vào.

Người vừa nói câu đó vẫn thường không ngần ngại lấy cặp vàng trong kho của nhà vua.

Quan bồi rượu trong hoàng cung đưa ra kết luận:

– Bây giờ chính là lúc chúng ta phải trình với nhà vua.

Vài ngày sau, trong lúc rót rượu cho nhà vua, quan bồi rượu có những cử chỉ lạ lùng, nét buồn đến nỗi nhà vua phải chú ý và hỏi lý do. Ông ta vờ ứa nước mắt thưa:

– Muôn tâu hoàng thượng, thần rất buồn vì Mouck được hoàng thượng sủng ái còn lũ thần thì hầu như chẳng có nghĩa lý gì ở đây! Không những quan hầu như chúng thần mà cả các hoàng thân cũng thế! Thật vậy, trong các hoàng thân không có ai được ban nhiều vàng như thằng Mouck trâng tráo đó.

Nhà vua phán:

– Ta không hiểu nhà ngươi nói gì? Ta chỉ cho Mouck hai trăm đồng tiền vàng, các khanh cũng nhận phần gần bằng thế!

Quan hầu rượu tâu:

– Muôn tâu hoàng thượng! Xin hoàng thượng hãy hỏi viên tổng quản, quan coi ngân khố, bác đầu bếp... người ta sẽ thấy số vàng mà Mouck tiêu đã vượt quá xa tiền lương của nó!

Rất ngạc nhiên, nhà vua cho điều tra ngay và đã xác định chú Mouck tiêu pha quá nhiều so với lương bổng của chú! Nhà vua nghĩ rằng quan coi ngân khố Archaz có lý khi tố cáo Mouck đã ăn cắp vàng trong kho. Nhà vua ra lệnh phải bắt giữ chú Mouck và nếu có thể thì bắt được quả tang.

Tối hôm ấy, chú Mouck trở lại kho vàng vì chú đã tiêu hết chỗ vàng đã đào được lần trước. Chú vừa nhét những đồng tiền vàng trong áo khoác và chuẩn bị lấp cái lỗ thì bọn lính gác bắt chú.

Người ta giải chú đến gặp đức vua. Nhà vua bực tức vì bị đánh thức khi đang ngon giấc. Ngài hăm dọa chú Mouck một cách dữ dội. Ngài lên án chú đã ăn cắp vàng của hoàng gia rồi chôn dưới đất để lấy dùng dần.



Chú Mouck cố sức tự bào chữa:

– Muôn tâu hoàng thượng, thần thề là chẳng chôn gì hết. Thần chỉ đào lên mà thôi!

Chú Mouck chỉ cái rương và cái bình mà người ta vừa đem đặt dưới chân nhà vua và nói thêm:

– Thần đã tìm thấy cái bình vàng trong cái rương này!

Quan coi ngân khố Archaz nhăn nhó nói:

– Gớm chưa! Muôn tâu bệ hạ! Thần tin chắc nếu người ta đem số vàng đựng trong cái bình này ra kiểm tra, thì thế nào cũng tìm được phần lớn số vàng mà công khố đã bị mất.

Chú Mouck giận dữ kêu lên:

– Tôi không phải là một thằng ăn cắp! Tôi không hề lấy gì trong công khố cả!

Nhà vua truyền lệnh:

– Hãy dẫn nó đi và xiềng nó lại! Nó đã được ta ưu đãi bao lâu mà dám ăn cắp của ta, vì thế tội trạng của nó càng nặng!

Trong lúc chú Mouck rầu rĩ nằm trong ngục và than trách về sự phản phúc của mọi người thì quan coi ngân khố Archaz mang cái bình đầy vàng trút ra vốc từng vốc trên tay. Số vàng này cộng với số vàng lão đã lấy trộm trong công khố sẽ bảo đảm cho lão sống sung túc suốt đời. Lão càng đắc ý vì nhờ việc tố cáo, bắt giam Mouck, lão có thể phá tan mối hiểm nghi về sự quản lý gian dối của lão.

Lão Archaz tìm thấy dưới đáy bình, mảnh giấy tự tay đức tiên đế viết và ký, truyền lệnh cho ai tìm thấy kho vàng phải đem trả ngay cho nhà vua đang trị vì. Lão Archaz tham lam vội thiêu hủy mảnh giấy đó để phi tang.

Trong lúc ấy, chú Mouck vừa run sợ, vừa khóc than rầu rĩ:

– Làm thế nào bây giờ? Nếu ta thú nhận là nhờ có gậy thần mà ta tìm được kho vàng thì nhà vua sẽ tịch thu chiếc gậy thần mà chắc cũng không tha tội cho ta! Ôi! Đôi giày yêu quý của ta, ước gì mày có thể đưa ta đi xa khỏi nhà ngục này! Nhưng ta bị xích chặt quá đến nỗi không quay được ba vòng theo phép thuật, ta chỉ còn chờ chết! Trời ơi! Trời ơi!

Suốt đêm, chú Mouck trần trọc suy nghĩ về số phận của mình. Cuối cùng, chú tự nhủ: dù sống mà thiếu chiếc gậy thần và đôi giày ngàn dặm cũng còn hơn là chết. Chú nhờ viên canh ngục xin nhà vua cho phép được gặp riêng. Chú kể hết mọi chuyện và thú thật nhờ đâu mà mình đã phát hiện ra kho vàng trong vườn ngự uyển.

Nhà vua không tin lời chú Mouck nên đòi thử phép lạ của chiếc gậy thần. Vua cho bí mật chôn một đồng vàng dưới đất và bảo chú Mouck hãy đi tìm. Trong phút chốc, chú Mouck đã tìm ra ngay đồng vàng.

– Hãy đưa quan coi ngân khố Archaz đi hành hình ngay! – Nhà vua truyền lệnh. – Còn về phần ngươi, trẫm sẽ tha tội chết như đã hứa.

Chú Mouck phủ phục dưới chân vua để cảm tạ. Nhưng nhà vua phán tiếp với một nụ cười độc ác:

– Chớ vội mừng! Mà sẽ bị giam suốt đời trong ngục, nếu không cho ta biết nhờ phép thuật gì mà mà chạy nhanh như thế! Cho tới lúc này, ta cứ tưởng mà là một người tài giỏi. Nhưng đã có phép lạ trong chiếc gậy, thì ta chắc trong việc đi nhanh của mà cũng có phép màu. Hãy chọn lấy thú nhận hay là tù chung thân!

Chú Mouck hết lời van xin nhưng vô ích! Cuối cùng, chú đành phải thú nhận chú đi nhanh được là nhờ có đôi giày thần. Tuy nhiên, về bí mật phải xoay ba vòng trên gót chân thì chú nhất quyết giữ kín không nói.

Ngay tức khắc, nhà vua muốn thử nghiệm về đôi giày. Nhà vua liền sai mang giày và đi vài bước trong vườn.

Thế là chú Mouck được trả thù! Đôi giày lôi nhà vua chạy thất điên bát đảo đến nỗi mệt đừ, và cuối cùng nhà vua đã ngã xuống bất tỉnh.

Khi vừa tỉnh lại, nhà vua đã hét tướng lên:

– Cút đi thằng nhóc kia! Ta không muốn gặp lại mà nữa! Nếu ngày mai, người ta còn thấy mà lảng vảng trên vương quốc của ta, ta sẽ giao mà cho đao phủ. Còn chiếc gậy và đôi giày này từ nay sẽ là của ta. Hãy xéo nhanh cho khuất mắt ta!

Hoảng sợ, chú Mouck lấy hết sức lực, vắt chân lên cổ mà chạy! May thay, vương quốc này cũng không rộng lắm, cho nên sang hôm sau khi mặt trời vừa mọc thì chú vượt biên giới từ lâu.

Chú mệt và đói lả. Chú khát nước đến cháy cả cổ. Khi nhìn thấy dưới rặng lá xanh có một con suối nhỏ, chú sung sướng thở phào nhẹ nhõm. Chú uống nước suối cho bớt khát, rồi chú đi men theo dòng suối. Chú đến giữa một khu rừng đã dẫn gỗ, có một thảm cỏ xanh mượt. Đây đó có mấy cây vả to đẹp trĩu quả. Chú

Mouck tự nhủ: “Ta nằm đây đánh một giấc đã. Lúc thức giấc, ta sẽ nghĩ xem nên làm gì đây! Loài người độc ác quá! Ta muốn xa lánh mãi mãi. Có lẽ tốt hơn hết là cứ để mặc để cho ta chết đói!”. Chú nhắm mắt, thở dài rồi thiếp đi.

Một lúc sau chú Mouck tỉnh giấc, bụng đói meo. Những quả vả chín mọng đu đưa trên đầu chú. Chú hái một bọc to và ăn ngon lành. Chú nói một mình:

– Chà ngon tuyệt! Không! Chớ nên để cho mình chết đói! Cách chết ấy không hợp với ta chút nào nhất là khi ta có những quả vả tuyệt ngon để ăn. Ăn xong, bây giờ thì ta lại khát nước. A! May quá, con suối cũng gần đây thôi!

Chú bước nhanh đến dòng suối, cúi mình soi bóng xuống dòng nước trong veo và bỗng kinh hãi lùi lại. Hình ảnh của chú hiện lên trên mặt nước không giống như trước! Cái mũi bây giờ to bự một cách quái gở, còn đôi tai thì đã dài ra ít nhất hơn nửa thước.

Chú vừa khóc vừa kêu gào:

– Trước kia, bé nhỏ và còm cõi, ta chưa đủ xấu xí hay sao? Nay còn trở thành kinh tởm như thế này nữa! Bây giờ ta đã có một đôi tai dài. Trời ơi! Đây đúng là tai của một con lừa thật sự!





Chú nằm bệt trên đất, thất vọng. Chú kêu la, chú lấy tay dấm vào đầu. Chú than thở, rên xiết hàng giờ, rồi dần dần trở lại bình tĩnh. Chú tự rút ra triết lý:

– Suy cho cùng, ta bị như thế này cũng là đáng kiếp thôi. Ta đã đối xử với bọn đồ kỵ và nhà vua y như một con lừa, không hơn không kém!

Để xua tan nỗi buồn, chú đi thơ thẩn trong rừng. Cái đói lại đến! Chú lại ăn quả vả. Quả ở đây đủ giống, đủ loại, nhiều vô kể, chỉ mất công chọn thôi! Ăn no, chú cảm thấy khỏe ra và vui vẻ trở lại. Chú nghĩ rằng có lẽ cuộc đời đã dành cho

chú những ngày tươi đẹp! Không nên sớm cho là đã thất bại nhanh chóng như thế trên con đường đi tìm hạnh phúc. Chú chấp nhận những nét xấu xí mới xuất hiện trên mặt mình. Chú nghĩ:

– Kệ kiếp này, mặt ấy! Biết bao người có mũi to chứ! Còn về đôi tai thì ta có thể cuộn lại quanh đầu và giấu nó trong chiếc khăn bịt đầu.

Chú đưa tay lên định làm thử nhưng chú vô cùng ngạc nhiên và sung sướng khi nhận thấy đôi tai đã trở lại bình thường. Chú chạy vội ra suối để soi mặt. Chú càng bất ngờ khi thấy cái mũi của chú cũng đã trở lại như cũ. Chú nghĩ:

– Có lẽ là do những quả vả ta vừa ăn! Những quả mới này thuộc một giống khác. Ái chà! Không phải ta đã nắm trong tay một bí quyết làm giàu rồi sao? Được lắm! Và vì ta đã hiểu biết loài người cho nên từ nay ta sẽ khôn ngoan hơn!

Chú Mouck hái ít cành cây mềm dẻo đan hai cái rổ để cho dễ mang. Chú lót lá cây vào rồi chất đầy hai rổ vả mà chú đã ăn. Chú bôi mặt nhem nhuốc, để không ai có thể nhận ra mình. Thế rồi, chú đội hai rổ vả trên đầu và lên đường. Chú trở lại con đường để quay lại vương quốc mà chú vừa trốn khỏi.

Đến hoàng cung, chú Mouck đứng chờ trước cổng với một cái rổ đựng đầy vả, thứ vả mà chú đã ăn lần đầu. Chưa đến mùa nên trái cây còn hiếm. Chú Mouck nghĩ rằng bác đầu bếp sẽ không từ chối mua những quả vả chín mọng và rất đẹp này để dọn lên bàn ăn của nhà vua.

Chú tính toán không sai! Khi bác đầu bếp rời hoàng cung để mua sắm, bác dừng lại ngay trước rôt vả của chú Mouck. Bác reo to:

– Vả ngon quá! Ta sẽ mua cả rổ cho mày. Mày muốn lấy bao nhiêu?

Chú bé Mouck chỉ đòi giá phải chăng. Sau khi nhận được tiền, chú tìm chỗ ẩn náu. Chú không đi xa lâu dài để có thể biết hết những sự việc sắp xảy ra. Chú không phải thất vọng vì chờ đợi lâu.

Khi bác đầu bếp vừa dọn những quả vả của Mouck lên bàn ngự thiện thì mọi người đều reo lên một tiếng: “Ồ!” tán thưởng. Những viên quan háu ăn đều tỉnh người ra. Nhà vua là người vượt xa tất cả...

Nhà vua muốn chính mình chia vả cho các thực khách để được phần còn lại nhiều hơn. Ngài chia các hoàng tử và công chúa mỗi người hai quả. Các bà mệnh

phụ và các quan thượng thư mỗi người một quả. Nhà vua ăn một cách ngon lành số quả còn lại.

Sau vài phút, công chúa Amarza hét lên sợ hãi khi nhìn đức vua:

– Muôn tâu phụ vương, người làm sao vậy? Người có mệt không ạ?

Tất cả những người dự tiệc đang bận rộn với món tráng miệng ngon lành đều ngẩng lên nhìn. Một giây phút kinh hoàng khó tả: cái mũi và hai tai của nhà vua to quá! Và họ nhìn nhau sửng sốt, kinh ngạc. Những ai đã ăn quả vả đều có cái mũi và đôi tai dài hơn bình thường. Hễ ăn nhiều quả vả chừng nào thì mức dị dạng lại tăng lên chừng ấy!

Làm sao tả được cơn thịnh nộ của nhà vua vì ngài là người bị biến dạng nhiều nhất! Những tiếng la hét bực tức của mọi người đến tai chú Mouck. Chú khoái chí biết chừng nào!

Những ngày sau, một dòng người đông vô kể không ngớt ra vào cung điện. Đó là những thầy thuốc từ các nơi trong vương quốc và cả từ nước ngoài đến. Triều đình đã mất hàng tấn các loại thuốc nước, thuốc bột, thuốc viên, nhưng vô hiệu! Người ta thử dùng phẫu thuật, nhưng cũng không ăn thua. Hễ cứ cắt đi, mũi và tai lại mọc như cũ.

Chú Mouck nghĩ rằng đã đến lúc mình cần phải xuất hiện.

Với số tiền đã thu được về khoản bán quả vả, chú mua một chiếc áo dài đen và một bộ râu giả rồi cải trang làm thầy thuốc. Chú còn cẩn thận thay đổi cả giọng nói. Không ai có thể nhận ra chú dưới lớp đó. Chú tự xưng là một danh y đi ngang qua vương quốc và cho người báo với đức vua như thế. Chú mang một cái túi đựng loại vả đã giúp chú trở lại khuôn mặt bình thường.

Chú nói với các võ quan vào tâu với đức vua rằng sẽ bảo đảm chữa được cái bệnh lạ làm cho nhà vua buồn phiền và cũng sẽ chữa lành cho cả các hoàng thân, quốc thích trong triều đình nữa.

Khi nghe thuật lại lời cam kết ấy, nhà vua phán:

– Ôi thôi! Biết bao danh y đã phải đốt sách, thì tay này quả thật tự phụ khi nghĩ rằng mình sẽ thành công nơi mà những người khác thất bại!

Nhưng không còn cách gì hơn, nhà vua đành chấp nhận để người ta đưa ông thầy thuốc nhỏ bé đến hoàng cung để yết kiến mình. Chú Mouck dễ dàng nhận

thấy các bệnh nhân không mấy tin ở tại trị bệnh của mình. Nhà vua hỏi giọng bức bối:

– Nhà người mang cái gì trong túi này vậy?

Ông thầy thuốc giả trình trọng đáp:

– Tâu hoàng thượng! Đó là thuốc giải độc mà hoàng thượng cần.

Đức vua lại hỏi:

– Nhà người tính tiền công như thế nào?

– Một đồng vàng cho một cái tai trở lại nguyên hình. Hai đồng vàng với một cái mũi được trả lại kích thước cũ.

Chú Mouck vừa trả lời vừa đưa một quả vả cho một bà mệnh phụ. Kết quả trông thấy ngay tức khắc tai và mũi của bà ta ngấn dần lại thấy rõ. Mọi người đổ xô đến nhận những quả vả. Ai cũng sợ chậm chân sẽ hết phần.

Mouck cố gắng để khỏi bật cười rồi tuyên bố:

– Quý vị hãy yên lòng! Tôi có đủ thuốc cho tất cả mọi người. Nhưng phải trả tiền trước khi nhận thuốc!

Mọi người tranh nhau đưa vàng để lấy những quả vả. Mouck vừa đưa vả cho từng người vừa cao giọng:

– Đây! Lấy đi! Tốt lắm!

Nhà vua cố kiềm chế để không lao mình đến bên ông thầy thuốc tài tình như những người khác và lo lắng nhìn rõ vả cứ vơi dần. Không thể chờ lâu, cuối cùng, rời khỏi ngai vàng, nhà vua ra hiệu cho Mouck theo vào trong căn buồng để châu báu vàng bạc vàng. Chú Mouck đã bỏ vào trong túi những đồng tiền vàng vừa thu được thay cho những quả vả vội đi theo nhà vua. Nhà vua quay về phía Mouck truyền lệnh:

– Hãy lựa chọn trong kho của báu này thứ gì mà ông thích! Ông thầy thuốc lừng danh ơi! Ta sẵn sàng cho ông cái gì quý nhất của ta, miễn ông cứu ta khỏi tật nguyên.

Mouck với dáng điệu trang nghiêm, đi một vòng trong gian buồng rộng. Bất ngờ, đôi mắt chú sáng lên! Chú vừa nhìn thấy chiếc gậy và đôi giày của mình.

Chú nhảy một cái, xỏ chân vào đôi giày rất nhanh. Trong lúc nhà vua còn đang bất ngờ, sững sốt, Mouck kêu to:

– Đây là cái bảo vật duy nhất mà ta muốn người trả lại cho ta! Hồi tên vua vô liêm sỉ! Hãy giữ mãi cái mũi to lớn và đôi tai lừa của nhà người. Điều đó sẽ nhắc cho người nhớ đến hành động tàn ác và bất công mà mình đã từng làm với thằng bé Mouck vô tội này.

Mouck nói xong, giật bộ râu giả ném dưới chân nhà vua, rồi quay ba vòng trên gót phải đôi giày thần và ra lệnh:

– Hãy đưa ta trở về quê hương: thành phố Nicée yêu quý của ta!

Từ dạo đó, chú Mouck sống ở Nicée rất giàu có nhưng cô độc. Kinh nghiệm đã cho chú thấy rằng nếu đã dị dạng mà còn ngờ nghệch thiếu thận trọng thì đi lại, giao thiệp với thiên hạ chẳng có gì là hay!

Bố tôi nói thêm khi kết thúc câu chuyện:

Chơi với trẻ con cũng như thế! Nhưng cha nghĩ rằng: từ nay, khi đã biết những bất hạnh mà chú Mouck phải gánh chịu, con và các bạn sẽ không trêu chọc, chế nhạo chú lùn Mouck nữa. Con hãy hứa với cha điều ấy. Nếu không...

Tôi vội vã hứa với cha sẽ nghe lời dạy của người. Và từ đó chú lùn Mouck được tất cả chúng tôi kính trọng. Tụi trẻ chúng tôi không dám chọc phá chú Mouck nữa mà còn cúi đầu chào cung kính mỗi khi chú lùn đi qua.



## VUA CÒ

Chasid là vua Bagdad. Nhà vua cai trị thần dân rất nhân hậu. Ngài quý trọng quan tể tướng Manzour, một bề tôi trung thành, mẫn cán và tể tướng cũng rất xứng đáng với sự ưu đãi đó.

Một buổi trưa, trong giờ nghỉ, nhà vua nhấm nháp cốc cà phê thơm và hút thuốc với cái điếu bằng gỗ cắm lai. Manzour lúc nào cũng có một câu chuyện hoặc một vài việc để kể. Nhà vua vừa mê mê râu cằm, vừa nghe ông ta kể một cách thích thú.

Một hôm, trong khi Manzour nghiêng mình xá nhà vua, thì nhà vua nhận thấy nét mặt quan tể tướng không vui. Nhà vua liền hỏi:

– Hôm nay khanh có chuyện gì không vui chẳng?

Quan tể tướng cúi gập người, cung kính đáp:

– Muôn tâu hoàng thượng! Hoàng thượng bao giờ cũng đọc được lòng thần như đọc trong một quyển sách đã mở. Vâng! Thần rất buồn! Mặc dầu hoàng thượng rất hào phóng đối với hạ thần, nhưng thần cũng không thể thỏa hết được mọi sở thích. Thần vừa gặp một lão hàng rong có những vật rất kỳ diệu mà thần không đủ tiền mua!

Nhà vua mỉm cười phán:

– Chỉ có thể thôi ư? Hãy gọi lão ta lại đây! Đã lâu rồi, trẫm chưa ban gì cho khanh. Và lại, được ngắm những món hàng lạ lùng cũng là một cách tiêu khiển thú vị đấy chứ!

Quan tể tướng vui mừng, tạ ơn nhà vua và liền thi hành ngay mệnh lệnh. Một võ quan được phái đi tìm lão bán hàng đã dẫn lão đến trước mặt nhà vua. Nhà vua hướng về người bán hàng đang quỳ, phán:

– Hãy cho chúng ta xem những món hàng đang đựng trong cái hòm lớn kia!

Chẳng có gì thú vị khi nhìn con người béo lùn, vàng như nghệ, quần áo rách rưới và hôi hám ấy. Nhưng khi lão ta mở nắp hòm, thì chao ôi, những thứ chứa trong đó khiến các bậc vua chúa cũng phải kinh ngạc! Đó là những đồ trang sức chạm trổ tinh vi, nạm những viên ngọc thạch trong suốt và sáng ngời. Rồi những



chiếc cốc bằng vàng mười, những vũ khí khảm vàng, ngọc bích và những vật quý hiếm khác... Tất cả đều tinh xảo và quý giá.

Nhà vua kêu lên kinh ngạc:

– Ái chà! Quả là điều kỳ lạ!

Manzour cũng bị bất ngờ, xúc động thốt lên:

– Tâu hoàng thượng! Có phải thật là tuyệt đẹp không ạ?

Sau khi đã xem kỹ từng mặt hàng, nhà vua khen:

– Ủ! Quả là những báu vật của thần tiên!

Nghe những lời ấy, lão bán hàng giấu mặt cười một mình. Lão liền lấy một hộp tư trang nhỏ, nằm trong một ngăn hòm. Lão già vừa cúi sát đất xá nhà vua vừa nói:

– Muôn tâu hoàng thượng! Đây là một vật trông rất bình thường, nhưng ở La Mecca người bán đã cam đoan rằng tất cả châu báu trên trái đất này cũng không thể đổi lấy nó. Cả tin, hạ thần đã mua cái hộp này với giá rất đắt mà không hề mở xem. Thần đã bị lừa, bởi vì như các ngài có thể thấy, trong lúc tin là sẽ được thấy một viên ngọc quý thì thần chỉ thấy có mỗi thứ này đây!

Nhà vua và quan tể tướng tò mò, cúi xuống. Chiếc hộp đựng một thứ bột đen rất mịn, trên đó có một tờ giấy gấp tư với những dòng chữ kỳ lạ. Nhà vua lật qua lật lại tờ giấy và nói với tể tướng Manzour:

– Thật là kỳ dị! Ta không thể đọc được những chữ này, còn khanh?

– Tâu hoàng thượng! Thú thật là hạ thần không rành về mặt ngôn ngữ! Xin bệ hạ hãy triệu nhà thông thái Selim le Savant đến. Ông ta biết nhiều thứ tiếng trên trái đất. Có lẽ ông ta sẽ đọc được!

Nhà vua cũng đồng tình nói:

– Đúng! Nhất định ông ấy sẽ đọc được.

Trong khi một số võ quan đi tìm Selim, nhà vua quay về lão thương gia vui vẻ phán:

– Này lão thương nhân kia! Ta sưu tầm những bản sách viết, vì thế ta chú ý đến cái hộp tư trang và tờ giấy nằm trong hộp. Lão đòi bao nhiêu?

Lão bán hàng quỳ xuống, đầu bìa:

– Muôn tâu hoàng thượng! Nếu hoàng thượng đoái thương kẻ hạ thần mà mua giùm cho một vài món hàng như những vật trang sức hay những khí giới... thì kẻ hạ thần xin dâng cái hộp tư trang này, mà không tính tiền. Thật tình, kẻ hạ thần cũng không biết dùng nó để làm gì!

Nhà vua liền truyền lệnh:

– Manzour! Khanh hãy chọn những thứ mình thích tùy ý! Khanh hãy thay ta tặng phu nhân chiếc vòng nạm kim cương và chiếc lược vàng chạm trổ này!

Manzour vô cùng vui mừng, vội tạ ơn nhà vua và chọn thêm một đôi súng ngắn rèn đúc rất tinh xảo.

Lão bán hàng đập nắp hòm, sung sướng nhận vàng. Lão cúi gập người chào nhà vua và tế tướng rồi vội rời cung điện với nụ cười đắc thắng trên môi.

Nhà vua nhìn theo nói:

– Đó là một người đang rất sung sướng! Điều ấy cũng dễ hiểu thôi: những món hàng mà hắn ta mang theo rất khó bán! Những thứ đó đâu dễ có người mua!

Quan tế tướng cũng vui vẻ tâu:

– Muôn tâu hoàng thượng! Ai đã được hầu bên cạnh hoàng thượng đều được thấm nhuần ơn mưa móc. Ô kìa! Nhà thông thái Selim đã đến!

Một ông già nét mặt khắc khổ đã nghiêng mình trước nhà vua. Nhà vua truyền lệnh:

– Selim! Khanh hãy cầm tờ giấy này và đọc đi! Nếu khanh đọc được, khanh sẽ được thưởng phẩm phục mới. Còn không thì phải nhận năm chục hèo trên lòng bàn chân để biết rằng mình đã sai trái một khi ngu dốt mà lại để cho người ta gọi mình là Selim thông thái!

Selim lo sợ, cầm tờ giấy xem kỹ nhiều lần. Một lát sau ông nói:

– Đây là chữ Latin. Những dòng chữ này viết như sau...

Nhà vua liền ra hiệu cho các võ quan và triều thần ra ngoài, chỉ giữ mình quan tế tướng ở lại. Cả hai cùng chăm chú xem Selim đọc.

– Hạnh phúc sẽ đến với người tìm thấy và đọc được tờ giấy này. Người ấy hãy cảm tạ thánh Allah đã ban phúc cho y hậu hi hơn tất cả thiên hạ. Y phải biết

rằng: với một nhúm bột đen đựng trong chiếc hộp này có thể làm cho y ngang hàng với những đạo sĩ cao tay ấn nhất. Thật vậy, chỉ cần hít một tí bột ấy và đọc câu thần chú “Mutabor” thì sẽ được biến ngay thành bất kỳ con vật gì tùy ý và hiểu được ngôn ngữ của loài vật. Y sẽ trở lại nguyên hình khi nhắc lại những tiếng màu nhiệm ấy đồng thời cúi đầu ba lần hướng về phía mặt trời mọc. Hãy nhớ rằng: suốt trong thời gian thay hình đổi dạng, y không được cười. Bởi vì, nếu y cười thì sẽ quên mất câu thần chú và phải giữ cái dáng thú vật ấy suốt đời.

Nhà vua vô cùng vui mừng khi nghe đọc như vậy. Nhà vua trẻ tuổi vốn rất khoái mạo hiểm và phiêu lưu nên vội phán truyền:

– Selim! Khanh không được tiết lộ điều bí mật này! Hãy đến gặp tổng quản của trăm để lão cho đầy vàng vào các túi áo, quần của khanh. Tạm biệt Selim!

Đoạn, quay sang Manzour, nhà vua trẻ háo hức nói tiếp:

– Chúng ta phải làm ngay, để xem hiệu quả của thứ bột này!

Manzour đáp một cách miễn cưỡng:

– Xin tuân lệnh! Những kẻ hạ thần trộm nghĩ, nếu hoàng thượng đội lốt thú chỉ trong chốc lát, thì cũng e thánh thể sẽ giảm bớt vẻ cao quý đi phần nào chẳng? Mong hoàng thượng nghĩ lại!

Nhà vua nhún vai đáp:

– Có ai biết đâu! Và chẳng, trăm không hỏi ý kiến của khanh, mà trăm ra lệnh. Hãy đi theo trăm! Chúng ta sẽ làm một cuộc du ngoạn ngắn, chỉ trong vườn thượng uyển mà thôi! Ở đó, chắc chúng ta sẽ gặp một vài con vật chơi với chúng ta.

Đuổi hết những kẻ tùy tùng, một giờ sau nhà vua và quan tể tướng đi sâu vào mấy con đường vắng vẻ giữa những bồn cỏ và những lùm cây rậm rạp. Nhà vua đưa mắt tìm kiếm trong các cành lá sum suê và bản khoăn:

– Không có bóng dáng một con chim? Lẽ nào chúng ta phải tìm đến tàu ngựa và chuồng chó mới có thể gặp một vài con vật nào đó chẳng?

Nhà vua nhìn bốn phía. Cuối cùng, ngài trông thấy trong hồ, bên những hoa súng đang nở rộ có ba con cò đang khua mỏ, có vẻ như đang chuyện trò với nhau. Con cò thứ tư, trịnh trọng đi giữa mấy bụi cỏ để tìm ếch nhái. Manzour reo lên:

– Tâu hoàng thượng! Theo dáng điệu của mấy con cò này thần trộm nghĩ:  
câu chuyện giữa chúng phải thú vị lắm đấy!



Ed. Berger  
Paris

"Mutabor."

Nhà vua hoan hỉ phán:

– Manzour! Khanh là một bầy tôi trung thành và một người bạn đáng tin cậy. Chúng ta hãy biến thành cò nhé, ý khanh hay đấy! Nào chúng ta hãy nhắc lại cho thật nhớ bằng cách nào chúng ta trở lại nguyên hình. Xem nào! Chỉ cần cúi đầu ba lần hướng về phía mặt trời mọc và đọc ba lần câu thần chú “Mutabor”. Quả thật rất đơn giản không có gì dễ hơn thế!

Là người cao tuổi và từng trải, quan tể tướng hiểu đời và lo sợ bất trắc xảy ra nên ông không thích thú gì với việc này. Manzour cố tìm lời nhẹ nhàng, ngăn cản:

– Đấy là một trò trẻ con! Tâu hoàng thượng, ta không nên làm!

Nhà vua tò mò muốn thử công hiệu của thứ bột kỳ lạ nên không chịu nghe theo tể tướng mà nhất quyết làm theo ý mình. Ngài rút trong túi áo ra cái hộp đựng đầy bột đen, lấy một nhúm và đưa cho quan tể tướng một nhúm. Cả hai cùng một lúc hít bột và nhắc câu thần chú.

Tức thì đôi chân dài màu đỏ, đôi cánh đầy lông vũ thay thế cho đôi chân và tay của họ. Khuôn mặt dài có râu vươn ra và trở thành cái đầu có cái mỏ rất dài. Nhà vua thấy vậy rất khoái, liền nói với quan tể tướng đang lấy mỏ chải bộ lông cho mượt:

– Manzour, ta khen ngợi khanh đó! Khanh có biết là khanh rất đẹp và cái mỏ này rất hợp với khanh, hơn hẳn bộ ria của khanh không?

Manzour nghiêng mình, khoái chí:

– Tâu hoàng thượng! Thần nghĩ rằng dù làm hoàng đế hay cò, hoàng thượng vẫn có cái dáng vẻ oai vệ, gương mặt tuấn tú khác người. Kẻ hạ thần tự hỏi: không biết những con chim kia có mắc lừa, nhận lầm chúng ta là đồng loại mà trò chuyện một cách tự nhiên không?

Nhà vua vội vàng, đi vài bước về phía những con cò và nói:

– Chúng ta hãy lại gần xem! Trăm nóng lòng muốn biết tiếng nói của loài cò!

Chỉ hai ba bước, với đôi chân dài lêu nghêu, nhà vua và quan tể tướng đã đến bên hồ. Họ nghe được cuộc trò chuyện của các con cò. Một con cò nói:

– Ái chà! Bà Longues-Jambes thân mến! Hôm nay nước ngọt quá. Ếch mới ngon làm sao! Nay, mời bà hãy nếm xem, có mùi thơm của bùn nên ăn rất ngon miệng!

Bà Longues-Jambes là một con cò tơ có bộ lông trắng muốt. Cò ta đang cọ mạnh cái mỏ vào thân cây cối và trả lời:

– Thưa bà Joli-Bec, em không có ý định ăn tiệc hôm nay. Em có nhiều việc phải làm. Em đến bên hồ này chỉ là để tắm rửa và trang điểm. Ngày mai, cha em có tổ chức một đại tiệc, em phải nhảy múa và ca hát trước mặt quan khách. Em vừa học một điệu nhảy rất đẹp. Để em nhảy cho bà chị xem!

Cò tơ nhảy mấy bước ngắn vừa trườn lên, ngụp xuống vừa đập đôi cánh. Sau đó, nó lại phồng cổ và đi ẹo qua ẹo lại trông rất ngộ nghĩnh khiến nhà vua và Manzour cùng bật cười.

Tiếng động bất ngờ làm bầy cò giật mình vội vàng cất cánh bay thẳng. Vua Chasid cười chảy cả nước mắt:

– Ha! Ha! Ha! Ta chưa bao giờ được thấy một cảnh lý thú như thế này. Thật đáng tiếc là chúng ta đã cười quá to, không thì chắc chắn chúng ta đã được dự một buổi tập văn nghệ kỳ lạ.

Messour bối rối thưa:

– Tâu hoàng thượng! Hoàng thượng còn nhớ câu thần chú để chúng ta trở lại làm người không ạ? Đã năm phút rồi, thần cố nhớ mà vẫn không sao nói nổi câu đó. Thế nhưng thần vẫn nhớ rõ trong tờ giấy ấy ghi: trong suốt thời gian thay đổi hình dạng, không được cười, nếu cười thì câu thần chú sẽ biến mất và sẽ giữ dáng thú vật suốt đời. Và đây mới chính là một sự thật khủng khiếp! Thần đã quên mất câu thần chú ấy rồi!

Nhà vua run rẩy kêu lên:

– Thôi chết! Trẫm cũng quên mất câu đó rồi! Nào! Ta hãy cố nhớ xem. Phải nghiêng mình ba lần về phía mặt trời mọc và nhắc...

Manzour áp úng một cách thất vọng:

– Nhắc... nhắc... Mu... Mu... Mu...

Quan tể tướng đáng thương vắt óc một cách bất lực. Trong khi đó, nhà vua cũng cố lục lọi trong trí nhớ ngoan cố của mình. Câu thần chú đã bay mất khỏi



đầu óc của hai người!

Vua tôi nghiêng mình hàng giờ về phía mặt trời mọc. Họ cố nhớ và cố nhắc những câu đại loại, nhưng mãi vẫn không thể nào nhắc đúng câu thần chú được.

Họ điên lên vì thất vọng. Nỗi mệt mỏi, lo sợ đã làm cho họ choáng váng. Họ ngã lăn trên mặt đất. Nhà vua nói:

– Thế là hết! Có lẽ, chúng ta sẽ làm cò suốt đời! Ôi! Thần dân của ta! Cung điện của ta! Ta đã trốn tất cả những gì tốt đẹp và đáng yêu của đất nước để chạy theo một sự hiếu kỳ, điên dại. Thật là ngu ngốc! Ta bị trừng phạt như thế này là đáng lắm. Ta thật không xứng với ngôi trời, ta chỉ đáng làm một con cò, một con cò mà thôi!

Manzour cũng quệt mồ rên rỉ. Nhà vua đang cố tự trấn tĩnh thấy thế bỗng quát to:

– Im đi! Chúng ta hãy chịu nỗi bất hạnh này mà chớ nên than vãn. Chúng ta hãy còn sung sướng chán trong số phận hẩm hiu này. Đôi cánh sẽ cho ta lướt tự do trong khoảng không gian vô tận. Bay lượn trên không, ta vẫn còn cái cảm giác đang chỉ huy, đang truyền lệnh.

Khanh hãy nghĩ xem chúng ta còn có thể là con gì tệ hơn nữa nếu ta cao hứng ước khác đi. Giá khanh ước hóa ra cá thì sẽ bị tù túng trong hồ! Nếu là chuột thì khanh sẽ làm mồi cho đủ mọi thứ cạm bẫy! Hãy lại đây! Ông bạn già đáng thương của ta, hãy cùng ta đến đậu trên nóc nhà kia. Trời tối rồi, sáng mai ta sẽ bay trên thủ đô yêu quý để xem thần dân ta chịu đựng cảnh không vua này như thế nào!

Tể tướng Manzour đành thở dài bay theo vua cò. Đêm tối trôi qua buồn tẻ đối với hai con chim mới.

Sáng hôm sau, vua tôi Cò bay lượn trên thành phố Bagdad, thỉnh thoảng lại kêu lên những tiếng thảm thiết. Những người qua đường lo lắng chỉ đôi chim và nói:

– Điều không lành rồi!

Chiều đến, vua tôi Cò nhìn thấy cảnh náo động và nỗi đau khổ của dân chúng thành Bagdad thì đoán biết tin nhà vua mất tích đã nhanh chóng được lan truyền.

Đã nhiều lần, nhà vua muốn bay vào hoàng cung để mong làm cho quan lại và kẻ hầu hạ nhận ra mình. Nhưng ai chịu nghe một con chim kia chứ? Chỉ còn một cách là phải nhẫn nại và cố tìm mọi cách nhớ lại câu thần chú.



Vua Cò cố gắng sống tự nhiên với cái lột mới của mình để làm gương cho quan tể tướng. Đêm đến, vua đậu trên cành cây và ngủ, ban ngày thì nuốt một vài quả cây có thể trôi qua được chiếc mỏ dài. Vua Cò không buồn ăn thằn lằn và ếch. Vua tôi Cò sống khốn khổ như thế gần một tuần lễ.

Một buổi sáng quang cảnh Bagdad có vẻ như thay đổi. Phố xá nhộn nhịp hẳn lên. Cờ và tràng hoa đặng khắp nơi. Một đoàn binh lính có trống và kèn đi trước diễu hành qua các đường phố!

Ở giữa đoàn có một đội quân ăn mặc sang trọng bảo vệ một thanh niên. Người thanh niên ấy cười một con ngựa rất đẹp đi trong tiếng reo hò của đám đông.

Thấy thế, vua Cò giận dữ kêu lên:

– Trời đất quỷ thần ơi! Đó là thằng con của kẻ thù ta! Nó đúng là Mizra, con của lão phù thủy Kaschnur rồi. Lão muốn hại vua nước láng giềng một cách độc ác nhưng ta đã từ chối không tiếp tay cho lão. Lão đã thề sẽ trả thù ta. Manzour, chắc khanh còn nhớ lão nói gì chứ?

– Than ôi! Manzour chán nản nói. – Tâu hoàng thượng lão ta thề sẽ làm cho ngài sẽ không còn ở ngôi vua.

Đậu trên ống máng tòa lâu đài, nhà vua nhìn Mizra một cách khinh bỉ và nói:

– Ta đã hiểu cả rồi! Cái lão bán bột đen cho ta chính là tay chân của Kaschnur. Thế là chúng ta tự chui vào bẫy. Thật là ngu dại hết chỗ nói!

Manzour thở dài, hỏi:

– Tâu hoàng thượng! Bây giờ chúng ta phải làm gì?

Vua Cò quyết định:

– Chúng ta hãy đi La Mecca! Có thể bên ngôi mộ của Đấng Tiên tri, chúng ta sẽ tìm thấy sự an ủi. Hãy lại đây! Anh bạn trung thành cùng chung hoạn nạn, vị trí của chúng ta không còn ở Bagdad nữa!

Sau khi đã xác định đúng hướng, cả hai cất cánh. Họ bay lạng lẽ. Vì chưa quen quạt cánh trên không, nên họ mệt lử. Khoảng hai hay ba giờ sau, Manzour thở hổn hển kêu van:

– Chúa thượng ơi! Nghỉ đi là vừa... Thần không còn đủ sức lơ lửng trên không nữa. Đức ngài bay nhanh quá! Bây giờ trời đã tối rồi! Chúng ta phải tìm một nơi để trú ẩn.

Vua Cò nhìn xuống. Phía dưới họ, trong một thung lũng xanh um có một lâu đài cổ gần sụp đổ. Vua Cò quyết định:

– Chúng ta hãy tới trú giữa cái cửa tò vò còn vững chắc kia! Ta hãy nghỉ dưỡng sức trước khi bay qua sa mạc.

Hai con chim hạ cánh trong một gian phòng chỉ còn những cây trụ là nguyên vẹn. Những cánh cửa bị cạy bản lề, nằm trơ trên mặt đất khiến cho gian phòng đó thông dễ dàng với các phòng khác.

Vua và Manzour mò mẫm đi trong bóng tối. Một vài gian phòng được bảo quản khá tốt còn giữ lại vài đồ đạc bày biện trong nhà và những tấm thảm treo trên tường. Bỗng, Manzour ngăn nhà vua lại và thì thầm:

– Tâu chúa thượng! Ngài có nghe thấy gì không? Xin ngài cố lắng nghe! Hình như có tiếng khóc đau đáu? Một quan tể tướng mà đi tin có ma, quý thì thật là ngu ngốc dù là tể tướng Cò đi nữa, nhưng quả thật cái lâu đài này có ma đấy!

Nhà vua nghiêng tai nghe ngóng. Quả như Manzour nói, vua Cò nghe rõ ràng có tiếng thở dài và những lời than vãn khiến ngài muốn lao ngay đến nơi đấy. Quan tể tướng can ngăn:

– Xin bệ hạ hãy nghe thần! Đừng liều lĩnh! Cái tiếng ấy có lẽ nguy hại cho sự an toàn của chúng ta. Đừng đến đấy, ngược lại chúng ta hãy bay đi!

Tể tướng Manzour lấy mỏ cặp cánh nhà vua kéo lại nhưng dưới lốt chim, nhà vua vẫn giữ một trái tim dũng cảm. Vùng khỏi mỏ quan tể tướng và hướng theo tiếng kêu than, vua Cò vội chạy đến ngọn tháp đổ nát có nhiều hành lang và đầy những đồng gạch vụn.



Một cánh cửa hé mở phía trước. Nhà vua đẩy cửa bước vào: tiếng nước nổ nghe rất rõ. Manzour đã theo kịp. Hai người mở to mắt, cố nhìn xuyên qua bóng tối. Tiếng khóc rõ ràng là tiếng của người, tuy nhiên trong tháp chỉ có một con cú to lớn đang đứng trên nền đất. Vua Cò nói:

– Ai khóc đây!

Cú ngoảnh về phía hai chú cò. Reo lên một tiếng hoan hỉ và nói say sưa:

– Trời! Đúng là cò rồi! Ta đã được cứu thoát!

Nhà vua và tể tướng Cò cùng sửng sốt: Cú nói được tiếng người và lại còn nói thông thạo tiếng Arabs nữa chứ! Vua Cò hỏi:

– Ái chà! Cú ơi, mà nói được tiếng người! Phải chăng mà là nạn nhân của yêu thuật cũng như chúng ta đang phải đội lốt cò đây?

Cú lấy đầu cánh lau nước mắt. Nó thở dài rồi nghiêng mình rất cung kính chào nhà vua và trả lời:

– Tôi không biết cò là ai, nhưng giọng nói của cò chứng tỏ cò là bạn của những người đau khổ. Người ta đã tiên đoán cho tôi từ lâu là: hạnh phúc lớn sẽ do những con cò mang đến. Tôi kính chào sự có mặt của các ngài với bao nhiêu hy vọng.

Nhà vua đáp:

– Than ôi! Chúng tôi cũng đang ở trong tình trạng khó mà giúp bạn được. Khi bạn biết rõ chuyện của chúng tôi, bạn sẽ thấy chúng tôi quá bất hạnh nên không thể làm gì hơn được ngoài việc tỏ lòng thương xót bạn mà thôi!

Rồi nhà vua kể vắn tắt cho Cú nghe chuyện không may của mình và tể tướng Manzour.

Nghe kể xong Cú nói:

– Tôi thấy số phận của chúng ta có ít nhiều giống nhau. Ngài là vua, còn tôi là công chúa Lusa, con gái duy nhất của vua Indes. Lão Kaschnur, người đã lừa dối ngài một cách ghê tởm, đã xin vua cha cưới tôi cho Mizra, con trai lão. Cha tôi đã đuổi lão phù thủy ấy ra khỏi cửa. Lão bèn trả thù. Lão đã trà trộn vào đám nô lệ của tôi, mặc y phục của một người trong bọn chúng. Một hôm, tôi bảo thị tì mang cho tôi một cốc nước hoa quả. Lão liền bỏ một nhúm bột phép vào cốc nước đó. Từ đấy, tôi phải mang hình dáng mà ngài đang thấy đây! Khi tôi mất tích, vua cha sai người tìm kiếm khắp mọi nơi, nhưng không thấy vì lão đã mang tôi đi rất xa và bỏ tôi trong cái tháp đổ nát này. Lão còn trắng trợn nói với tôi: “Hãy ở đây! Khi nào, có người chịu dạm hỏi mà làm vợ thì mà mới trở lại kiếp người! Tao rất yên lòng vì còn lâu mà mới gặp được điều may mắn đó! Chắc là mà có sống đến già cũng cô đơn, ai ai cũng xa lánh kể cả loài chim. Điều ấy, sẽ

làm cho ta hả lòng hả dạ vì đã trả được mối thù do cha mà đã kiêu ngạo, dám từ chối lời thỉnh cầu của ta!”. Cú khóc và nói thêm:

– Tàu đức vua! Từ thuở ấy, qua nhiều ngày tháng, tôi sống trong khu tháp đồ nát, chỉ có ánh trăng bạc là niềm an ủi, khuấy khóa cho nỗi bất hạnh của tôi. Số phận của tôi còn tệ hại hơn của nhà vua nhiều! Sự xuất hiện của ngài dù sao cũng đem niềm vui, hy vọng cho mọi người. Còn thấy tôi người ta đều hãi hùng và ghê tởm vì cho rằng tôi đem niềm bất hạnh cho họ!

Nhà vua nghĩ ngợi một lát rồi nói:

– Thật là điều trùng hợp kỳ lạ! Không phải ngẫu nhiên mà chúng ta gặp gỡ nhau, tôi nghĩ rằng cuộc đời của hai chúng ta có một mối liên quan nào đó!

Cú thở dài nói:

– Tôi cũng nghĩ như thế. Chính lão phù thủy Kaschnur ấy bắt chúng ta phải chịu một số kiếp giống nhau. Nhưng các ngài còn sung sướng hơn tôi nhiều, các ngài có thể đi khắp thế giới. Thế! Các ngài định bay đi đâu vậy?

Vua Chasid đáp:

– Đi hành hương ở La Mecca và xin Đấng Tiên tri phù hộ, giúp đỡ chúng ta thoát khỏi tai ách.

Cú lắc đầu, đôi mắt tròn của nó ánh lên một tia láu lỉnh:

– Tôi nghĩ rằng để tìm cách giải thoát các ngài không cần phải đi xa như thế đâu! Tôi có cách cứu các ngài và cũng để tự cứu mình.

Nhà vua và tế tướng vội vàng hỏi:

– Cách gì vậy?

– Hàng tháng, Kaschnur và bạn bè thường tụ tập trong một gian phòng của tòa lâu đài này. Chúng chề chén và say sưa kể cho nhau nghe những trò hiểm ác đã giở ra với mọi người để làm vui cho bữa tiệc. Có thể một thực khách nào đó sẽ nhắc cái câu thần chú mà các ngài đã quên mất.

Nhà vua vô cùng mừng rỡ, reo lên:

– Ôi! Công chúa thật kỳ diệu! Thật là nàng đã cứu chúng tôi! Nàng hãy mau mau chỉ gian phòng đó cho chúng tôi và cho biết ngay ngày giờ mà Kaschnur và bè lũ tụ tập nhậu nhẹt! Tôi van công chúa hãy làm ơn đi mà!

Vua Cò chấp đôi cánh van nài Cú, nhưng Cú trả lời với một giọng nghiêm trang:

– Nếu tôi đưa ra một điều kiện, không biết đức vua có vui lòng chấp nhận không?

Nhà vua nhanh nhẩu trả lời:

– Tất cả mọi đề nghị của công chúa đều được chấp nhận trước, chấp nhận ngay từ bây giờ. Xin công chúa nói xem, điều kiện gì nào?

Công chúa Cú có vẻ e thẹn, rụt rè mãi mới đáp:

– Cũng như các ngài, tôi muốn trở lại làm người. Tôi đã nói chỉ có cách duy nhất giúp tôi thoát khỏi kiếp cú này là có người xin cưới tôi làm vợ. Vậy, nếu các ngài muốn tôi dẫn đến gian phòng tiệc kia, thì một trong hai ngài phải hứa sẽ làm chồng tôi!

Vua Cò liền kéo tế tướng ra một bên, nói khẽ:

– Ông bạn trung thành của ta ơi! Thời cơ đã đến, đây là dịp để khanh tỏ rõ lòng tận tụy của mình. Khanh hãy hứa hôn với công chúa đi!

Tế tướng Manzour sợ hãi kêu lên:

– Muôn tâu hoàng thượng! Ngài định làm cho tôi bị vợ móc mắt hay sao? Ngài nên nhớ rằng tôi đã có vợ, hơn nữa tôi là một lão già gắt gỏng và xấu xí. Còn ngài đang tuổi thanh xuân, diện mạo đẹp đẽ, thân thể cân đối và hơn tất cả là ngài chưa có vợ. Trời hình như đã xếp đặt sẵn cho ngài kết duyên với một nàng công chúa trẻ trung, xinh đẹp!

Nhà vua lơ đãng lấy mỏ vuốt mướt đôi cánh và đáp một cách uể oải:

– Ai nói với khanh là nàng còn trẻ và xinh đẹp? Chẳng có gì là bảo đảm cảm! Quả là: “Mua mè trong bị”!

Tế tướng Manzour trả lời bằng một giọng quả quyết nhưng vẫn rất cung kính:

– Hoàng thượng anh minh! Điều mà thần có thể thưa với ngài là dẫu thần có phải suốt đời làm cò, thần cũng cam chịu! Thần không thể đính hôn với công chúa được. Thần biết tính cả ghen của vợ thần.



Cuộc tranh luận kéo dài thêm vài phút nữa. Manzour vẫn giữ vững ý kiến. Cuối cùng, nhà vua đành phải chấp nhận sẽ cưới công chúa Cú làm vợ. Vua tôi Cò trở lại bên Cú và nói ý mà họ đã thỏa thuận.

Công chúa Cú vui mừng tuyên bố:

– Chúng ta không cần phải chờ đợi lâu để thay hình đổi dạng đâu! Hôm nay đúng là ngày Kaschnur và bè bạn của lão ta tụ họp. Có lẽ giờ này bọn chúng đã nhập tiệc rồi. Các ngài hãy theo tôi ngay!

Hai con cò bước những bước dài vội vã, còn cú thì vỗ cánh bay gấp nhưng vẫn chậm vì vướng phải những chỗ ngoặt. Sau khi vượt qua nhiều hành lang, cú Lusa chỉ một cánh cửa đã hư hỏng, qua các khe hở, có thể nhìn thấy tất cả bên trong. Nép mình trong góc cửa, cố nín thở, nhà vua và tể tướng dán mắt nhìn và dòng tai nghe cho rõ.

Trong gian phòng, đèn, nến sáng choang, có một cái bàn đầy những cao lương mỹ vị. Xung quanh cái bàn tròn có tám người ngồi. Nhà vua dễ dàng nhận ra lão bán bột đen. Lão đang kể cho các bạn nghe chuyện thay hình đổi dạng của vua Chasid và quan tể tướng Manzour.



Nhà vua rùng mình nghĩ thầm: May quá! Chúng ta đến vừa kịp! Nếu ta từ chối không hứa hôn với công chúa Cú hoặc để chậm thêm một phút nữa mới thuận thì câu chuyện của lão gian thương kia sẽ kết thúc mất rồi. Lạy thánh Allah ơn trên!

Nhà vua chăm chú nghe không sót một tiếng. Những chuỗi cười giòn của thực khách vang lên khi nghe câu chuyện của lão lái buôn. Một người bạn thân của Kaschnur bảo:

– Thật là tuyệt! Thật là lý thú! Thế cái tiếng thần chú mà ông đã bảo cho chúng nó là gì vậy?

Nhà vua và quan tể tướng lo lắng, mồ hôi toát ra ướt đẫm cả lưng. Kaschnur bảo:

– Chao ôi! Một tiếng Latin rất khó, không dễ gì chúng nhớ lại được: “Mutabor”. Thế là...

Hai con cò không thềm nghe thêm nữa! Chúng bay ra khỏi lâu đài nhanh đến nỗi công chúa Cú phải cố gắng lắm để khỏi mất hút.

Vua Cò cảm động vì sung sướng:

– Thưa công chúa! Trước khi trở lại làm vua, tôi xin xác nhận đã hứa sẽ cưới công chúa làm hoàng hậu. Suốt đời, tôi sẽ không quên ơn công chúa đã cho tôi niềm vui hôm nay!

Hướng về phía mặt trời mọc, nhà vua cúi đầu ba lần và nhắc lại ba lần câu thần chú đã tìm thấy: “Mutabor”

Manzour cũng làm theo nhà vua. Ngay lập tức hai con cò trắng, mỏ dài đã không còn. Nhà vua và quan tể tướng đã trở lại thành người. Vô cùng mừng rỡ, vua ôm chầm lấy nhau sung sướng.

Sau phút thổ lộ tình cảm nồng nhiệt và chân thành của vua tôi, nhà vua liền quay về phía Cú. Ôi! Thật là hạnh phúc! Đôi mắt của nhà vua thấy nơi mà con chim ăn đêm vừa đứng là một nàng công chúa xinh đẹp không gì sánh được. Xiêm y lộng lẫy càng khiến nàng rực rỡ bội phần. Nhưng đối với nhà vua thì ánh sáng của đôi mắt, nụ cười dịu hiền trên môi nàng mới là những trang sức vô giá.

Công chúa Lusa dịu dàng đưa tay cho nhà vua:

– Muôn tâu đức vua, ngài có hối hận là đã trót hứa hôn với thiếp chăng?

Nhà vua vừa hôn nồng nhiệt lên đôi tay của công chúa vừa nói:

– Chao ôi! Biến cố may mắn nhất, tuyệt diệu nhất xảy ra trong đời ta lại chính là việc ta biến thành cò và quên mất câu thần chú!

Không chậm trễ, nhà vua, công chúa và quan tể tướng lên đường trở về ngay Bagdad. Nhà vua đã tìm thấy cái túi đựng tiền, cái hộp bột đen trong túi áo. Nhờ

thế, đến làng gần nhất, nhà vua mua ngựa và trang bị cho mình một đoàn tùy tùng rầm rộ, uy nghi tiến vào thủ đô.

Trước đây, khi Mizra cướp ngôi, hãn loan tin nhà vua đã chết. Nay thấy ông vua nhân đức mà họ yêu mến đã trở về, dân chúng Bagdad sung sướng vô cùng. Họ đón tiếp nhà vua hết sức long trọng.

Một trong những công việc đầu tiên của vua Chasid là bắt lão Kaschnur và thằng con của lão ta. Lão phù thủy bị treo cổ trên một ngọn tháp trong tòa lâu đài đổ nát. Còn về phần thằng con lão, triều đình cho chọn một trong hai hình phạt: hoặc là chết hoặc là nhận một nhúm bột đen.

Hãn nhận hình phạt thứ hai. Từ đó, hãn biến thành cò trong vườn ngự uyển, ngày ngày buộc phải chứng kiến cảnh hạnh phúc của những người đã từng bị cha con hãn hãm hại.



Một lần, trong lúc vui chuyện nhà vua vừa cười vừa nói với quan tể tướng:

– Khanh có nhớ cuộc đời cò của chúng ta không? Bây giờ trẫm có thể nói với khanh là lúc khanh vờn cái cổ dài ngoẵng của khanh ra và khom lưng tận

đất để nhớ câu thần chú mà mãi chỉ lặp bặp: Mu... ma... mu, trông khanh thật buồn cười.

Thế rồi vua Chasid nhại lại điệu bộ thất vọng của quan tể tướng Cò làm cho hoàng hậu và các hoàng tử, công chúa cười ngặt nghẽo. Quan tể tướng lão thành mím cười, nghiêng mình ghé vào tai vua nói nhỏ:

– Bệ hạ đừng đẩy thần đến đường cùng! Nếu không thì thần sẽ kể cho hoàng hậu nghe cuộc tranh luận giữa vua tôi chúng ta để xem ai là người phải lấy nàng công chúa Cú. Chỉ thiếu chút nữa là công chúa sẽ không trở thành hoàng hậu như bây giờ đâu!

Nhà vua e ngại, vội đồng tình ngay:

– Thôi được! Thôi được! Chúng ta hãy nói những chuyện khác đi.

Thế là từ đó vua Chasid sống hạnh phúc bên hoàng hậu Luxa mà số phận đã đưa đẩy khi nhà vua biến thành cò. Thịnh thoảng nhớ lại chuyện xưa, cả hai cùng bật cười vui vẻ.



## ĐOÀN LỮ HÀNH VÀ TƯỚNG CƯỚP

Bãi cát mênh mông nóng bỏng dưới ánh mặt trời thiêu đốt và chìm giữa đám mây bụi mịn màng của sa mạc.

Một đoàn lữ hành dài đang đi tới. Tiếng chuông leng keng của bày lạc đà xen lẫn tiếng nhạc của mấy con ngựa âm vang. Gươm đao loang loáng dưới ánh nắng. Một đoàn hộ tống oai phong, hộ vệ ba mươi thớt lạc đà chở đầy vải vóc quý giá. Bốn người đàn ông đứng tuổi, ăn mặc sang trọng, ngồi trên bốn con ngựa rất đẹp, nhìn thoáng qua cũng đủ thấy đó là những thương gia giàu có.

Một đoàn lạc đà, ngựa tải đi trước và theo sau đoàn thương gia đó. Một người dẫn đường thúc ngựa đi nước kiệu phía trước để mở đường.

Đột nhiên, người dẫn đường thấy một người cưỡi ngựa tiến đến trước mặt mình. Người dẫn đường không hề biết anh ta từ đâu xuất hiện và cũng ngạc nhiên không kém về dáng vẻ của anh ta.

Người và ngựa của anh ta đều lộng lẫy, oai vệ. Con ngựa giống Arabs lông trắng như tuyết, yên ngựa làm bằng da hổ, bộ cương thẳng bằng dạ tía cũng lộng lẫy và lạ lùng không kém y phục của người kỵ mã.

Áo quần của chàng trai lấp lánh dưới ánh mặt trời, vàng óng ả trên các đường thêu ở khăn đội đầu, ở áo, ở cái quần ống rộng và trên cán gươm chạm trổ rất đẹp.

Người và ngựa của chàng trai đầy vẻ kiêu hãnh. Con ngựa hất mạnh đầu lên, vung cái bờm dài và mượt của mình, trong khi người kỵ mã ngẩng cao đầu hướng về phía chân trời. Khuôn mặt gầy, râu rậm, mũi quắp, mắt sáng và đăm chiêu, dường như anh ta muốn thu hết khoảng không trước mặt.

Người dẫn đường thủ thế hỏi:

– Ông có ý định gì thế?

Với một nụ cười có vẻ khinh miệt, chàng kỵ mã đáp:

– Anh cứ yên tâm! Một đoàn ngựa đồ sộ như thế này không việc gì phải e ngại với một người đơn thương độc mã như tôi. Chúng ta gặp nhau đột ngột thế

này là bởi anh không nhìn ra phía trước. Này anh! Anh có thể cho tôi biết đoàn tải hàng này là của ai không?

– Cửa bốn thương gia giàu có mà ông thấy đang đi ở giữa kia. Họ khởi hành từ La Mecca để đi về xứ sở họ.

Chàng kỵ mã liền thúc ngựa, phi nước kiệu lên phía trước. Trong chốc lát, chàng đã đến bên các thương gia.

Lúc này, đoàn lữ hành đã dừng lại để nghỉ trưa. Mấy con lạc đà quỳ xuống, các phu tải vội dựng nhanh mấy cái lều.

Các thương gia chào hỏi chàng kỵ mã và mời chàng vào trong chiếc lều rộng dành riêng cho họ. Khi khách đã ngồi xuống, các chủ nhân ra lệnh cho mấy nô lệ da đen bưng rượu giải khát và đồ nhắm đến.

Người lạ mặt nâng cốc thích thú nhấp một ngụm vang ướp hương thơm ngát rồi nhã nhặn giới thiệu:

– Thưa quý vị, trước hết tôi phải nói để các vị rõ: tôi là Selim Baruch, ở Bagdad. Tôi đi từ đó đến La Mecca, nhưng không may gặp bọn cướp giữa đường. Tôi không chống cự nổi, cũng không thể thoát thân, mặc dù con ngựa của tôi rất hay. Chúng bắt tôi đi theo chúng vượt sa mạc mấy ngày liền. Cuối cùng, cách đây hai đêm, lợi dụng sơ hở của bọn canh phòng tôi đã trốn thoát. Tôi đã đi, đi mãi mà không biết mình đi về hướng nào. Nhưng nhờ có Đấng Tiên tri phù hộ, tôi đã may mắn đi đúng vào đường của đoàn các ngài.

Thương nhân cao tuổi nhất nói:

– Chúng tôi rất sung sướng được giúp đỡ ngài, ngài Selim Baruch ạ! Nếu ngài vui lòng thì xin ngài hãy đi cùng đoàn chúng tôi. Nhưng trước hết, xin mời ngài cứ ăn uống tự nhiên cho mau lại sức, vì trông ngài mệt nhọc quá!

Selim Baruch tươi cười cảm tạ các thương gia. Ăn uống xong, chàng làm theo các chủ nhân, châm lửa vào cái điếu dài và hút.

Chàng cảm thấy vô cùng dễ chịu. Nỗi mệt nhọc dần tan trong niềm sảng khoái và chàng rất muốn nhắm mắt đánh một giấc trưa thú vị. Tuy nhiên, muốn làm vui lòng những người tốt bụng, chàng phải cố xua đuổi giấc ngủ của mình đi và nói:



– Thừa các vị, quan tể tướng ở Bagdad là bác tôi. Tất nhiên bác tôi sẽ đền đáp lòng hiếu khách hào hiệp của quý vị đối với tôi. Nếu có lúc nào đó, quý vị đi qua Bagdad xin quá bộ ghé qua tư dinh của tể tướng. Trong khi chờ đợi, xin các vị cho phép tôi đề nghị một điều.

Achmet, người cao tuổi nhất đáp:

– Ngài Selim Baruch ạ! Ngài cần gì xin mời ngài cứ nói. Được làm vui lòng ngài là niềm vui của chúng tôi!

– Thế thì xin quý vị hãy cho phép tôi kể một câu chuyện. Tôi nghiệm ra rằng: những cuộc hành trình dài dằng dặc thế này thường buồn tẻ vì thiếu đàn địch và nhảy múa, thiếu những chuyện kể có thể giải trí ta trong những buổi nghỉ trưa. Vậy quý vị có vui lòng nghe tôi kể chuyện không?

Các thương gia vội vã xếp gối để tựa lưng cho thẳng, chuẩn bị nghe chuyện. Qua thái độ ấy, Selim biết rằng họ hào hứng đón nhận lời đề nghị của mình.

Achmet ra hiệu cho bốn nô lệ nhồi thuốc vào ống điếu và Selim Baruch bắt đầu kể. Mọi người như bị cuốn hút vào câu chuyện. Thương gia cao tuổi nhất cười vang về câu chuyện Vua Cò<sup>3</sup> mà Selim Baruch đã kể và nói:

– Quả thật câu chuyện của ngài đem lại niềm vui cho chúng tôi nhiều lắm. Cho nên tôi đề nghị, ở mỗi trạm nghỉ chân, mỗi người chúng ta sẽ kể một câu chuyện mà người đó biết. Các ông nghĩ thế nào, ông Lezah, ông Muley và cả ông nữa, ông Ali, Abdul?

– Chúng tôi đồng ý! Cả ba đồng thanh đáp. Dừng thì giờ nghỉ ngơi theo cách đó đúng là hay nhất đấy!

Vào lúc đó, người dẫn đường hồi hả chạy lại thưa:

– Thừa quý ngài! Người ta đã báo cho biết là có những kỵ mã khả nghi. Chúng rất đông và hình như có khí giới cho nên tôi lo ngại lắm. Khi các ngài dừng nghỉ tại đây, tôi đã báo cho các ngài là chúng ta đang ở một nơi có nhiều đoàn lữ hành đã bị tấn công mà các ngài không tin.

Các thương gia lo sợ nhìn nhau, cố nghĩ cách thoát thân. Riêng Selim Baruch vẫn rất bình tĩnh nói:

– Xin các ngài cứ yên tâm! Chúng ta đông đảo như thế này thì dăm ba tên cướp ranh phải kiêng dè chúng ta chứ!

Người dẫn đường vội vã đáp:

– Đâu có phải một tốp dăm ba tên mà đây chính là đoàn đạo tặc của vua sa mạc Oócbaxăng đấy!

– Tay Orbasan kia là ai vậy? Selim Baruch hỏi Achmet với một nụ cười kín đáo thoáng hiện trên môi.

Người lái buôn già đáp:

– Một con người kỳ lạ! Thật ra tay ấy không cướp giạt của người ta. Tay ấy chỉ đòi các đoàn lữ hành nộp tiền mãi lộ mà thôi! Ai vui lòng nộp nhanh thì chắc chắn sẽ được an toàn để tiếp tục cuộc hành trình. Còn bản thân Orbasan thì quả là bí ẩn. Có mấy người nói đó là một người Pháp đã đoạn tuyệt với xã hội và bỏ đi làm tướng cướp như người ta đi ẩn tu. Riêng phần tôi, tôi vô cùng biết ơn ông ta.

Ba thương gia cùng kêu lên:

– Biết ơn một tướng cướp ư, ông Achmet?

Selim Baruch giật mình, nhưng vẫn cố kìm giọng nói:

– Tôi cũng lấy làm lạ về lòng biết ơn ấy!

Achmet vuốt chòm râu bạc, nói:

– Đó là cả một câu chuyện dài, tôi sẽ kể cho các vị nghe ở trạm nghỉ sau. Bây giờ ta phải dừng trại và lên đường ngay! Mặt trời sắp lặn, đi đường bây giờ rất tốt. Trăng còn sáng lâu để chúng ta có thể đi một chặng dài.

Người dẫn đường lo ngại, rụt rè đưa ý kiến:

– Nhưng thưa ngài. Ngài cũng thấy bọn kỵ mã đó chứ? Các bạn phu tải của tôi cũng như tôi đều sợ rằng bọn này có lẽ thuộc đoàn của Orbasan đấy!

Muley hỏi:

– Làm sao bây giờ? Có lẽ chúng ta nên dừng lại để quyết chờ chúng đến chẳng?

Selim Baruch lần thắt lưng lấy ra một vuông vải xanh điểm mấy ngôi sao đỏ và bình tĩnh nói:

– Hãy lấy cái này buộc vào một cán giáo, giương cao và đi lên đầu đoàn chúng ta.

Giọng nói của Selim Baruch đầy uy lực nên được tuân theo tức khắc. Người dẫn đường nhận cây cờ mới tạo nên đó, đi lên trước và cả đoàn rùng rùng kéo theo anh ta.

Trong khoảnh khắc, người ta đã nhận thấy ý kiến của Baruch mang lại hiệu quả ngay. Nhìn thấy lá cờ xanh, bọn kỵ mã khả nghi, quay ngựa phóng đi và mất hút trong khoảng xa. Bốn thương gia kinh ngạc. Achmet ngắm Selim Baruch rồi hỏi:

– Hỡi vị khách lạ, ngài là ai vậy? Ngài có quyền lực gì ghê gớm mà chỉ với một hành động đơn giản, ngài đã xua đuổi kẻ thù đi ngay và giải thoát cho chúng tôi?

– Chao, có gì lạ lắm đâu! – Selim Baruch mỉm cười đáp. – Tôi thấy bọn kẻ cướp bắt tôi đã làm như vậy thì tôi cũng làm theo chứ cũng chả hiểu cái cờ hiệu kia có ý nghĩa gì!

Nào các vị! Chúng ta hãy lên đường đi thôi!

Đoàn lữ hành lại tiếp tục đi. Ai cũng thấy nhẹ cả người vì được bình an vô sự sau khi đã tưởng phải liều đánh nhau với một kẻ địch đông đúc, dũng mãnh đến thế. Họ vui vẻ vượt qua chặng đường này và khi dừng lại một lần nữa để ngủ thì tính ra chỉ còn hai ngày nữa là vượt qua sa mạc.

Hôm sau, tờ mờ sáng, họ lại lên đường. Mãi đến khi khí trời trở nên quá nóng bức thì họ mới dừng lại để nghỉ trưa.

Bốn thương gia cùng với Selim Baruch ngả lưng trên các gối tựa dưới bóng mát của chiếc lều vải. Lần này, đến lượt Ali Sizah kể chuyện. Kể xong Ali Sizah kết thúc:

– Thưa các ngài đó là câu chuyện độc nhất mà tôi biết: Chú lùn Mouck<sup>4</sup>.

Đoàn lữ hành lại lên đường và cuối cùng đã vượt qua sa mạc.

Các thương nhân khao khát cảnh cây lá xanh tươi từ bấy lâu nay, bây giờ gặp lại thì reo mừng chào đón. Bước chân ngựa, chân lạc đà đều nhanh hẳn lên và khi dừng lại buổi tối thì đoàn liền cắm lều trại ngay bên cạnh giếng Birket-el-Had, cách Cairo chưa đầy ba giờ đường.

Selim Baruch nói với Achmet, thương gia cao tuổi nhất:

– Tối nay là tối cuối cùng chúng ta ngồi cùng chiếu với nhau! Đến mai, chúng ta sẽ phân tán ra mỗi nẻo trong thành phố cũng như trong cuộc đời!

Achmet vừa vuốt chòm râu dài vừa nói:

– Tôi mong rằng những giây phút sống bên nhau trong hành trình này sẽ mãi mãi tươi mát trong lòng chúng ta! Tại sao chúng ta lại không nối tiếp cuộc giao lưu rất tốt đẹp ở buổi đầu này cơ chứ hỡi bạn Selim Baruch?

Mấy thương gia khác đồng thanh hưởng ứng nhiệt tình:

– Vâng, sao lại không chứ? Chúng tôi chịu ơn ngài nhiều lắm! Không có ngài, không có sáng kiến của ngài trương lá cờ lạ lùng ấy lên thì của cải của chúng tôi đã trở thành mồi ngon cho đoàn cướp Orbasan rồi!

Selim Baruch mỉm cười và thay lời đáp, chàng hỏi Achmet:

– Ngài đã tỏ ý không tán đồng tiếng đồn về sự hung bạo của Orbasan? Tôi mạo muội xin hỏi ngài vì sao vậy?

– Tôi sắp nói đây! – Achmet bảo và ngồi xuống chiếc gối. – Mời các bạn hãy ngồi đi, bởi vì câu chuyện này dài đấy! Và vì xảy ra với những người thân yêu nhất của tôi, tức là con trai và con gái của tôi cho nên các bạn hiểu rằng đối với Orbasan, lòng tôi có cảm nghĩ khác hẳn bất cứ một thương gia nào ở Cairo. Tôi xin kể chuyện đó ngay:



## GIẢI CỨU NÀNG FATMÉ

Như các ngài đều biết lão có hai người con. Mustapha là con trai lão và Fatmé, em gái nó. Anh em chúng nó thương yêu nhau vô cùng.

Cách đây hai năm, nhân ngày sinh thứ mười sáu của Fatmé, Mustapha có tổ chức một buổi tiệc để mừng em Fatmé thân yêu của nó.

Nó mời tất cả bạn bè của em gái nó và bày biện ở trong vườn những món ăn và bánh ngọt hấp dẫn. Lão làm chủ tọa buổi họp với niềm vui khó tả. Thật là thú vị khi ngắm những khuôn mặt rạng rỡ của bọn trẻ. Gần cuối tiệc, Mustapha thưa:

– Cha ơi! Khi trời chiều thì ánh nắng dịu đi. Nếu cha cho phép, con sẽ đưa Fatmé và các bạn của em dạo chơi trên biển bằng chiếc du thuyền của chúng ta.

Các cô gái reo lên:

– Hay quá! Hay quá!

Thấy dáng điệu vui mừng dễ thương của chúng, lão phải nhận lời. Lão dặn đi dặn lại Mustapha phải cẩn thận. Thế rồi bọn chúng đi xa dần.

Vài giờ sau, con trai lão trở về một mình, ướt như chuột, mặt tái xanh và mệt lả. Nó phủ phục dưới chân lão, khóc nức nở không nói nên lời.

Nhờ những thanh niên đi theo nó nên lão mới biết chuyện gì vừa xảy ra.

Các cô gái rất thích chuyến du ngoạn nên năn nỉ Mustapha đi xa hơn, đến tận các mỏm đá cách bờ biển vài dặm. Ở đó tha hồ mà được ngắm cảnh tuyệt đẹp của hoàng hôn trên mặt biển. Mustapha miễn cưỡng chiều bọn họ vì nó đã nghe nói có một chiếc tàu cướp biển thường lui tới trong vùng. Nỗi lo lắng của nó càng tăng khi thấy con thuyền của mình đã đi khá xa bờ biển.

Cuối cùng, để được yên tâm, nó ngừng chèo và tuyên bố dứt khoát với cô em gái là phải trở về bến.

Không còn kịp nữa! Nó vừa nói dứt lời thì một chiếc xuồng chở đầy người mặt mày dữ tợn mang khí giới xuất hiện. Xuồng vòng quanh mũi đất. Chẳng mấy chốc xuồng đã ngăn cách khách du ngoạn với đất liền và chặn đường về của bọn họ.

Thấy vậy, các cô gái sợ hãi và tuyệt vọng kêu la ầm ĩ. Khó mà bảo nổi các cô giữ được bình tĩnh. Mustapha nói cho các cô rõ là nếu có những hành động rối loạn, các cô sẽ làm đắm thuyền. Nhưng không ai chịu nghe lời nó. Khi chiếc xuồng của bọn cướp cập vào chiếc thuyền do con trai lão lái, Fatmé và các bạn của nó đều nhảy mạnh qua một bên để tránh. Chiếc thuyền mất thăng bằng, chìm tức khắc.

Nhiều thanh niên ở trên bờ đã thấy rõ hành động của chiếc xuồng cướp biển. Họ vội bơi thuyền đến nơi xảy ra tai nạn để kịp cứu vớt những cô gái đại độ.

Nhưng hỡi ôi! Vẫn thiếu mất hai cô gái trong bọn họ: Đó là Fatmé xinh đẹp và dịu dàng của lão cùng Zoraïde, cô bạn gái thân thiết của nó. Mustapha đã có những cố gắng tuyệt vọng để cứu họ nhưng bọn cướp biển dữ tợn vẫn bắt được hai cô gái. Tính mạng của Fatmé và Zoraïde đang bị đe dọa!

Nhận được tin này và thấy trước mắt lão Mustapha đang quỳ gối im lặng, mặt lão tái nhợt, lão quá tức giận, giơ quả đấm nện đầu nó và kêu lên:

– Đồ khốn nạn! Vì mày mà em gái mày mất tích! Vì mày mà ta mất hết niềm vui và sự an ủi trong những ngày xế bóng. Hãy cút đi! Ta đuổi và nguyên rủa mày! Mày sẽ không có hạnh phúc, không được nghỉ ngơi nếu mày chưa đem Fatmé về cho ta! Ta nguyên rủa mày!

Mustapha hét lên một tiếng thê thảm, nhưng lão nào có nghe gì! Lão lấy chân đạp vào cái trán bơ phờ của nó. Đau khổ quá nên lão ở lì trong phòng và luôn bị ám ảnh bởi những ý nghĩ đen tối về số phận ghê rợn của Fatmé.

Tuy vậy, Mustapha dần dần cũng trở lại bình tĩnh. Lời nguyên rủa bất công của lão làm cho nó có thêm nghị lực và nó tự nhủ hình phạt ấy quá nặng đối với tội lỗi của nó. Nó tự hứa sẽ tìm được Fatmé và cả nàng Zoraïde thân yêu của nó.

Thật vậy, Mustapha có một cảm tình nồng cháy với cô bạn của em gái mình. Đã mấy lần nó muốn bày tỏ nỗi lòng với lão về dự định xin kết hôn với cô gái ấy. Nhưng nó vừa nói được vài tiếng, lão đã ngăn lại và bảo nó:

– Bố mẹ của Zoraïde đều rất nghèo! Dòng dõi của bọn họ không môn đăng hộ đối với nhà ta. Bố cấm con không được yêu nó và cũng đừng bao giờ nghĩ đến chuyện kết hôn với nó!

Các bạn ơi! Phải chăng ở mọi lứa tuổi người ta đều phải học cách sống. Lão cứ nghĩ là Mustapha sẽ nghe lời lão, từ bỏ ý định cưới Zoraïde. Thế mà giờ đây ý nghĩ đầu tiên của nó là sẽ cứu Zoraïde cùng lúc với em gái nó!

Nó vội vã thu xếp hành lý và dò hỏi hải trình của chiếc tàu biển. Nó được biết chiếc tàu này chuyên buôn bán nô lệ. Phiên chợ lớn về việc buôn bán này sẽ mở ở Bassora trong vài ngày nữa. Nó quyết định đi ngay đến thành phố đó. Không có tàu đi Bassora, nó bèn đi đường bộ.

Hành lý nhẹ nhàng, nai nịt cẩn thận, nó lên đường. Trên lưng một con tuấn mã, mang theo vũ khí tốt cùng một số tiền lớn, nó phi ngựa nước đại để đến kịp phiên chợ.

Đi được bốn ngày đường, nghĩa là một nửa lộ trình thì bất ngờ nó bị bốn người cưỡi ngựa xông đến đánh.





Trong chốc lát, nó biết là mình đang đối mặt với toán cướp. Nó tự nhủ tính mạng sẽ không bị uy hiếp nếu biết cách bỏ tiền ra đúng lúc! Nó liền nói:

– Hãy cầm lấy tất cả số vàng của tôi, những các ông hãy làm phúc cho tôi xin lại con ngựa, tôi đang rất bận và...

Bọn họ trả lời cục cằn:

– Mày sẽ trình với thủ lĩnh. Chúng ta chỉ được lệnh dẫn mày đến chủ tướng mà thôi!

Mustapha kinh ngạc hỏi:

– Thủ lĩnh các ông nắm được lộ trình của tôi ư?

– Orbasan biết tất cả! – Bọn họ đáp lại với vẻ đầy kính phục thủ lĩnh của họ.

Cái tên ấy lóe lên như một luồng ánh sáng trong tâm tư Mustapha. Ở Acara, người ta nói rất nhiều về đầu lĩnh của một toán cướp thường bắt hành khách nộp tiền những vẫn bảo đảm tính mạng cho họ. Một tia hy vọng lóe lên trong tâm trí thẳng con tôi. Nó không kháng cự nữa mà lẳng lặng đi theo những người kia. Sau hơn một giờ phi ngựa, họ đến doanh trại của những người sống ngoài vòng pháp luật đó. Doanh trại đóng trong một thung lũng hẹp. Đường vào đầy đầy cỏ dày và có những cây rậm rạp phủ bóng xuống một con suối nước trong vắt. Có khoảng hai chục chiếc lều trang trí rất sang trọng xếp theo hình bán nguyệt. Tiếng đàn và tiếng hát vang lên trong nhiều lều.

Một đoàn lạc đà và ngựa bị xích chân đang gặm cỏ.

Mustapha được dẫn đến một cái lều lộng lẫy, chắc chắn là chỗ ở của tên cầm đầu. Một lão già bé nhỏ, nước da rám nắng và lảng bóng với nét mặt độc ác và nham hiểm khiến Mustapha cảm thấy khó chịu. Nó tự nhủ:

– Nếu đó là Orbasan thì đời ta thế là hết! Người này là hiện hình của sự tàn bạo!

Nhưng ngay tức khắc nó đã được yên lòng.

Một người dẫn nó đến cất tiếng hỏi:

– Thủ lĩnh đang ở đâu?

Lão già bé nhỏ và ghê tởm, ưỡn người trên mấy chiếc gối, trả lời:

– Thủ lĩnh không có ở đây! Ta thay.

– Nhưng chúng tôi sẽ nghe theo lệnh ai bây giờ? Chúng tôi phải làm gì đối với tên này? Giết nó hay để nó nộp tiền chuộc mạng?

Lão già bé nhỏ, tiến đến gần Mustapha và bắt đầu nhìn ngắm nó với một niềm vui độc ác. Lão ta đứng nhún chân, nhổ nước bọt vào mặt nó. Lão sắp sửa hành hạ nó hơn nữa thì bức màn che cửa vào lều được vén lên, nhường chỗ cho một chàng trai trẻ, đẹp bước vào.

Con trai lão thường nhắc cho lão nghe nhiều lần về sự xuất hiện của con người ấy. Người ấy mặc y phục lộng lẫy rất oai vệ mà thoạt trông thấy ai cũng phải kính nể. Thấy người ấy nó liên tưởng đến chuyện “Nghìn lẻ một đêm” vì những đường nét của con người xa lạ này mang vẻ oai nghiêm kỳ diệu. Người ấy cau mày hỏi Hassan:

– Có chuyện gì xảy ra thế? Tại sao người dám cư xử như vậy đối với một tù nhân?

Hassan ấp úng nói:

– Tôi nghĩ rằng... tôi tưởng...

Một tên cướp giải thích:

– Ông ta nói là ông ta thay thế thủ lĩnh.

– Đồ vô liêm sỉ! Orbasan kêu lên (vì đó chính là ông ta) và xông đến lão già bé nhỏ. Hãy đi cho khuất mắt ta, nếu không thì mày sẽ chịu số phận định dành cho tên tù nhân này! Tỉnh trưởng Zuleika. – Ông ta nói thêm trong khi nhìn rất nghiêm khắc con trai lão (còn Hassan thì đã sợ hãi chạy ra khỏi lều) – Mày biết tại sao mày ở đây chứ? Lương tâm mày chắc đã mách cho mày biết rằng mày rất xứng đáng với hình phạt đang đợi mày.

Ngạc nhiên và lo lắng, Mustapha trả lời:

– Thưa ngài... Orbasan! Tôi không phải là tỉnh trưởng Zuleika, tôi không hiểu tại sao có sự nhầm lẫn tai hại như thế được? Tôi là con trai ông Achmet, thương gia ở Átraca. Tôi đang đi tìm em gái và vị hôn thê của tôi vừa bị một tàu cướp biển bắt đi.

Orbasan cục cằn nói:

– Hãy chấm dứt những lời dối trá! Ta sẽ cho mày gặp một người đã biết mày rất rõ. Hãy đến đây Zuleïma!

Ngay tức khắc, một bà già bước vào lều. Bà ta nhìn Mustapha với con mắt căm hận. Orbasan hỏi:

– Bà có nhận ra người này không. Nó chối không nhận mình là tỉnh trưởng.

Bà già nói giọng chua chát:

– Nó nói dối đấy, thưa Đại vương! Tôi xin thề trên mộ Đấng Tiên trí là chính nó đấy! Xin đại vương hãy giết nó đi, như thế mới thỏa vong linh của thằng con tôi đã bị chết oan uổng!

Orbasan quay sang Mustapha nói một cách khinh bỉ:

– Tên tình trường khốn nạn! Mà thấy chưa? Có khó gì mà không vạch được mặt mày! Ta sẽ không làm bắn lưỡi dao găm của ta vì máu mày đâu, nhưng ngày mai, lúc bình minh, ta sẽ buộc mày vào đuôi ngựa của ta và mày sẽ chết như thế!

Một tiếng cười man rợ rít lên. Đó là tiếng cười của Hassan. Hắn ta lấy làm thú vị về số phận buồn thảm của con người đã làm cho mình bị trách mắng. Mustapha cảm thấy tính mạng của nó thế là đi đứt, không một lời van xin, chống cãi nào có thể khiến mọi người thấy rõ họ lầm lẫn. Nó đau đớn thì thầm:

– Ôi cha ơi! Lời nguyện rủa của cha đã đè nặng lên đầu con và sắp thành sự thật! Em Fatmé thân thương, nàng Zoraïde yêu dấu, ta vĩnh viễn mất hai em rồi!

Khi những người lính canh đã đưa nó đến đây mạnh nó ra phía cửa lều thì Mustapha chạm trán với một tù nhân mới đến có ba tên cướp áp giải. Nó kêu lên kinh ngạc:

– Ôi!

Nó ngỡ nhìn thấy chính nó trong gương soi bởi lẽ người này giống nó một cách đặc biệt! Orbasan và những người có mặt đều sững lại vì kinh ngạc. Cuối cùng, Orbasan hỏi:

– Trong hai người ai là tình trường Zuleïka?

– Chính ta đây! Người mới đến nói một cách ngạo mạn. Ta không sợ mày đâu, đồ kẻ cướp! Nếu mày đụng đến ta thì hãy coi chừng cái đầu của mày và bọn lâu la dưới trướng mày sẽ bị lên giá treo cổ cho mà xem!

– Số phận của mày đã được quyết định. Mày đã hứa là để cho bọn chúng ta nghỉ ngơi thoải mái trên lãnh thổ của mày mà không giữ lời! Mày đã bắt cầm tù một người trong bọn chúng ta. Mày đã tra khảo và đã treo cổ anh ta. Mày phải chết! Không một lời đe dọa nào có thể ngăn cản ta hành động theo lẽ công bằng của ta. Mày đến đây thật là đúng lúc!

Ông ta ra hiệu dẫn tù nhân đi, rồi rút dao găm cắt đứt những sợi dây trói Mustapha. Ông ta nói:

– Hỡi người khách lạ! Hãy tha thứ cho ta vì đã nhầm anh với tên tình trường khổ nạn kia! Nhưng thật khó mà phân biệt vì hai người giống nhau quá chừng! Mời anh hãy ngồi lên trên các gối dựa này. Trời sắp tối rồi. Chúng ta hãy dùng bữa tối. Bây giờ, anh hãy kể cho ta rõ tại sao chiều nay anh lại đi trên con đường ấy? Trong lúc người của ta đang mai phục chờ tên tình trường kia.

Mustapha kính cẩn cầu xin:

– Thưa ngài! Đội ơn ngài có lòng chiếu cố, nhưng xin ngài đừng giữ tôi ở bên ngài lâu hơn nữa! Nếu tôi không đến Bassora kịp thời để ngăn cản việc bán em gái tôi và Zoraïde làm nô lệ, nếu tôi mất cả hai người này, tôi có sống cũng bằng thừa!

Orbasan nói:

– Hãy yên lòng! Sáng mai lúc mặt trời mọc ta sẽ dẫn anh tới một con đường tắt tới Bassora chỉ trong một ngày rưỡi. Hãy ăn uống và nghỉ ngơi cho lại sức! Con ngựa của anh cũng cần nghỉ ngơi như anh.

Mustapha nghe theo lời Orbasan. Một lừ và đói lả; sau một bữa ăn thịnh soạn, nó nằm trong lều nghỉ ngơi yên tĩnh, đánh một giấc ngon lành.

Có tiếng thì thầm rất gần làm nó tỉnh dậy trước khi mặt trời mọc. Nó lắng tai nghe ngóng. Lúc này, Orbasan đứng trước cửa lều và Hassan đang thưa trình với ông ta một cách nóng nảy:

– Thưa thủ lĩnh? Ngài không nghĩ rằng nếu để cho thằng ấy sống thì thật là nguy hiểm cho chúng ta quá! Nó có thể phản bội. Khi đến Bassora nó sẽ kể với ông chánh án việc chúng ta trả thù tên tình trường Zuleïka. Xin ngài hãy cho tôi giết nó. Nó đang ngủ. Tôi chỉ cần một mũi kiếm là đủ đưa nó về chầu trời! Như thế chúng ta vừa bịt được đầu mối vừa sẽ chẳng phải lo nó thóc mách nữa!

Với giọng khinh bỉ và tức giận, Orbasan ra lệnh:

– Câm mồm đi, Hassan! Tại sao nhà ngươi lại dám nghĩ đến việc vi phạm luật tiếp khách? Nếu Mustapha không là người lương thiện như ta đoán thì ta cũng phải bảo vệ anh ta dù cho tính mạng ta có bị đe dọa đi nữa! Hãy đi đi! Đờ

rắn độc! Ta nói cho mày biết trước: con dao găm của ta đang động đậy trong vỏ đó.

Mustapha đã dậy, Orbasan vào trong lều nói:

– Cầu cho sự yên tĩnh đến với anh! Anh bạn trẻ, đã đến giờ khởi hành. Hãy ăn món kem hoa quả này trước khi đi! Ta sẽ dẫn anh đến con đường vào thành Bassora.

Vài phút sau, hai người cưỡi ngựa băng qua một khu rừng rậm. Mặt trời đang lên từ từ trên tầng mây. Đột nhiên Orbasan dừng ngựa. Hai người đang ở bìa rừng. Có một con đường mòn đi về phía chân trời. Orbasan chỉ đường cho Mustapha:

– Đây là đường đi của anh. Chúng ta hãy từ biệt nhau! Ta không hiểu anh sẽ giữ kỷ niệm về ta như thế nào? Vì ta mà anh phải lo ngại, hãi hùng không biết bao nhiêu! Ta tự nhận là có món nợ với anh và cần phải trả. Giờ đây, ta coi anh như là người bạn. Hãy cầm lấy con dao găm có cán chạm trổ này! Mỗi lần gặp khó khăn, bạn hãy gửi con dao ấy cho ta. Ta sẽ đến ngay với bạn! Hãy cầm thêm cái túi tiền này nữa. Bạn chỉ có một mình để chống lại với những kẻ thù sẽ có thể rất đông. Lúc ấy, vàng sẽ là vũ khí hiệu nghiệm đấy!

Mustapha cảm động nắm bàn tay đang chìa ra cho nó:

– Ngày Orbasan, vì tình bạn, tôi xin nhận các quà tặng. Nhưng ngài hãy cho tôi biết tại sao ngài không bắt tôi phải thề giữ bí mật về căn cứ của ngài và những gì tôi đã nghe và thấy tại nơi ngài ở?

Orbasan lắc đầu một cách phong nhã, mỉm cười và nói:

– Ta hoàn toàn tin tưởng bạn. Thôi, tạm biệt bạn!

Ông ta phi ngựa và biến mất trong rừng rậm.

Mustapha lại lên đường, lòng tràn ngập biết ơn và niềm hi vọng. Nó tin tưởng: mình không thể thất bại khi thánh Allah đã run rủi để gặp những người như Orbasan trên đường đi.

Chiều hôm sau, nó đã đến Bassora. Ở đấy, nó nhận được tin đau đớn là phiên chợ lớn buôn bán nô lệ đã kết thúc trước đó hai ngày. Nỗi buồn càng da diết hơn, khi nó được biết một chiếc tàu cướp biển đã đem đến khi phiên chợ gần tan hai nô lệ gái có sắc đẹp tuyệt trần. Nó run lên dò hỏi:

– Các cô ấy thế nào rồi? Ai mua được các cô ấy?

Người ta trả lời:

– Tỉnh trưởng Thiuli-Kos. Lã ấy rất giàu nên đã trả một số tiền lớn để mua hai người nô lệ xinh đẹp kia!

Mustapha cố giấu nỗi xúc động. Nó gặng hỏi để được biết thêm nhiều chi tiết về hình dạng và nơi ở của Thiuli-Kos. Bởi vì nó tin chắc hai nô lệ mà người ta nói đó chính là em gái và người mà nó yêu.

Nó được biết thêm Thiuli-Kos là một người đã lớn tuổi. Lão sống trong một lâu đài tráng lệ mà lão đã xây cách Bassora chừng ba mươi dặm. Lão ta vừa đi khỏi thành phố cách đây vài giờ.

Mustapha vội vàng nhảy lên yên ngựa để đuổi theo tên tỉnh trưởng giàu có kia, hòng giành lại những cô gái. Nhưng đó là một dự định không thể thực hiện được. Nó nghĩ một mình nó không thể nào có thể đánh bại một đám người đông đảo. Tốt hơn là phải hành động bằng mưu trí.

Nó quyết định sẽ lợi dụng sự giống nhau giữa mình với tỉnh trưởng Zuleïka. Nó sửa lại vài nét khác nhau giữa mình và kẻ thù đã chết rồi của Orbasan. Nó cố sửa làm sao cho thật giống. Nó cắt râu thành hình mũi nhọn và nhuộm cho sẫm nâu hơn. Nó thuê thật nhiều đầy tớ, nhiều ngựa. Nó còn trang bị đầy đu và mang nhiều vũ khí để người ta lầm tưởng nó là một quý tộc đi du lịch. Sau đó, nó lên đường tiến thẳng tới lâu đài của Thiuli-Kos.

Năm ngày sau, nó đến đó. Nó không phải chờ đợi lâu. Thiuli-Kos tưởng nó là tỉnh trưởng Zuleïka nên đã tiếp nó trọng thể với một tình cảm nồng hậu.

Suốt ngày, lão dẫn Mustapha đi tham quan các tòa nhà trong lâu đài, với những vườn cây bao bọc chung quanh và phía ngoài là một bức tường cao để bảo vệ. Sau bữa ăn tối, lão dẫn nó đến một gian phòng đã dọn sẵn.

Nhiều lần nó cố lái câu chuyện về hai nô lệ xinh đẹp mà lão ta vừa mua được. Cuối cùng, Thiuli-Kos lắc đầu tâm sự:

– Đừng nói nữa! Tôi chưa thấy ai buồn thảm hơn chúng nó! Vì tôi quen thấy người ta sung sướng khi ở gần tôi cho nên tôi bắt đầu hối hận đã trót mua chúng nó. Vâng, chúng nó xinh đẹp thật, nhưng nhìn những phụ nữ cứ khóc lóc suốt ngày thì thật là chán ngắt.

Nghe vậy, Mustapha vô cùng sung sướng vì biết được em gái mình và Zoraïde vẫn giữ được sự trong trắng không cho ông chủ làm nhơ bẩn. Nó trả lời vui vẻ:

– Tôi không đồng ý với ngài.

Tâm hồn thanh thản, nó ngủ một giấc ngon lành.

Một ánh sáng bất ngờ làm nó bừng tỉnh. Nó ngồi dậy. Trước mắt nó là tên Hassan ghê tởm, miệng nhếch đến tận tai, với tiếng cười ma quái, đang cầm trong tay một cây đèn và nhìn nó một cách độc ác. Lão già nói khẽ:

– Này tình trường Zuleïka! Mà sống lại hả? Nhưng chính tay tao thắt thòng lọng vào cổ mà mà, thắt cẩn thận lắm! Mà đến đây làm gì? Tìm em gái mà mà và con kia hả? Mà hãy trả lời đi!





Mustapha cố nén cơn xúc động bình tĩnh hỏi lại:

– Tại sao mà lại ở đây? Mà muốn gì?

Hassan giận dữ lớn tiếng:

– Mà lại còn hỏi tao điều ấy ư? Vì mà mà ta không thể sống ở đó được! Tao phải từ bỏ Orbasan. Hãn đã giận tao từ khi tao đề nghị giết khách của hãn. Thật là may mắn tao lại xin làm việc với ngài Thiuli-Kos ở đây. Ngài Thiuli-Kos sẽ thích thú vô cùng khi biết sự thật tình trường Zuleïka là ai?

Mustapha giờ quả đấm và rít lên:

– Đồ khốn nạn!

Với giọng đe dọa Hassan nói tiếp:

– Hãy nghe đây! Chúng ta còn có thể thỏa thuận với nhau được! Tao sẵn sàng làm bạn đồng minh với mày và giúp mày giải thoát cho hai cô gái với một điều kiện: Mày hãy gả em gái mày cho tao! Mày có chịu thể không?

Không trả lời, Mustapha giận dữ ghé tòm lao đến Hassan định cho một trận. Chắc Hassan cũng phòng trước là con trai tôi có thể sẽ phản ứng như vậy nên lão đã thả rơi ngay chiếc đèn trên nền đất. Đèn tắt ngấm và lão nhảy ngay qua các hành lang kêu cứu âm ỉ.

Mustapha vội mặc quần áo. Vừa lúc ấy, tụi gia nô và tụi tuần tra được báo động đã chạy đến! Con trai tôi nhảy phóc lên bậc cửa sổ, rồi từ một khoảng rất cao, nhảy xuống vườn. Nó bị choáng váng khi rơi từ trên cao xuống. Nhưng không để mất thời gian, nó vội chạy trốn rất nhanh. Nó nghe thấy những tiếng kêu hét của bọn người đuổi theo nó.

Nó leo lên bức tường vây bọc bên ngoài nhờ sức của đôi tay. Rất may là ở đây vắng vẻ, nó cố bám những chỗ lồi lõm trên tường để tụt xuống. Cuối cùng, nó đã xuống đất. Mệt lử nhưng tự do! Nó núp trong một khu rừng gần đấy. Nó có đủ thời gian trong đêm tối còn lại để suy nghĩ về những việc mình cần phải làm.

Dự định đầu tiên của nó đã bị thất bại. Nó nghĩ sẽ cải trang để gặp lại tên tình trường.

Tùy tùng và ngựa của nó hiện đều ở trong tay Thiuli-Kos. May mắn thay, túi tiền không rời khỏi thắt lưng nó. Lòng chứa chan hy vọng, nó nhớ lại những lời dặn bảo của Orbasan: “vàng là vũ khí hiệu nghiệm nhất”

Nó lại lên đường băng qua rừng. Mặt trời đã mọc. Nó định đến làng gần đấy thuê một con ngựa và vào thành phố để gặp một ông thầy thuốc lừng danh. Nó định mua hai liều thuốc cần thiết cho việc giải phóng Fatmé và Zoraïde theo phương án mới của nó. Thần thời vận đã giúp nó, và chưa hết ngày hôm ấy nó đã đi ngựa vào thành phố để tìm ông thầy thuốc.

Nó trao cho ông thầy thuốc một số tiền khá lớn nên đã nhận được hai lọ thuốc. Một lọ là thứ thuốc ngủ rất mạnh làm cho người uống thiếp đi hết như đã chết và một thứ thuốc giải phá ngay tác dụng của thuốc ngủ ấy.

Nó mua một chiếc mũ, một bộ y phục thầy thuốc. Nó mang một bộ râu giả trắng như cước, chất lên lưng con lừa đủ các thứ chai lọ thuốc. Nó trở lại con đường dẫn tới lâu đài của Thiuli-Kos.

Nó không gặp trở ngại gì. Cái danh hiệu thầy thuốc đã mở nhiều cánh cửa để cho nó bước vào. Thiuli-Kos là một con người hưởng lạc, lão rất sợ chết nên tiếp đón thầy thuốc Chakamankabudibaba với niềm vui mừng khó tả. Lão kêu lên:

– Tôi rất vinh dự được ngài tới thăm! Ngài Kasa ạ, không Machiia, phải rồi Chadibaba thân mến ạ! Hiện nay nói cho đúng, tôi không thấy có triệu chứng gì về bệnh tật. Nhưng những bạn đồng nghiệp của ngài thường khuyên: tốt hơn hết là phải lo chữa bệnh ngay khi còn đang khỏe mạnh!

Ông thầy thuốc giả trong khi vuốt chòm râu bác học đã đồng tình:

– Ngài nói thật chí lý! Quả đúng là như vậy!

Thiuli-Kos nói tiếp:

– Và tôi mong sau khi khám bệnh cho tôi xong, ngài khám qua cho bọn nô lệ và những tớ tớ của tôi. Tôi rất sợ bệnh tật, không phải chỉ riêng cho bản thân mà cho những người khác.

– Ngài quả có một tấm lòng nhân hậu.

Lão tỉnh trưởng cao hứng nói tiếp:

– Bởi vì, khi những người khác mắc bệnh, họ có thể truyền bệnh cho tôi, điều rủi ro ấy khó lường trước được.

Chakamankabudibaba khen ngợi hết lời về sự khôn ngoan, biết phòng xa của ngài tỉnh trưởng. Nó nghĩ chỉ có như thế, nó mới được gặp những nô lệ của tỉnh trưởng. Nó khám cho Thiuli-Kos, cho y một thứ thuốc vô hại (những chai lọ chất lên lưng lừa chỉ đựng toàn nước lã) và tuyên bố sẵn sàng khám giùm cho những nô lệ khác.

Tên tỉnh trưởng liền đưa ông thầy thuốc đến một gian buồng nhỏ liền vách với hậu thất và nói:

– Để cho một người đàn ông vượt qua ngưỡng cửa của gian phòng dành cho phụ nữ thì quá khiếm lễ.

– Tùy ngài! Làm thế nào để tôi có thể bắt mạch họ được? – Mustapha cố gắng che giấu sự thất vọng, hỏi lại.

Thiuli-Kos nói thêm:

– Ngài Chadibaba thân mến, điều đó rất dễ thôi! Ngài thấy cái lỗ thủng trong bức tường rồi chứ! Tôi sẽ gọi từng con nô lệ một. Ngài sẽ xem mạch cho chúng, như thế cũng đủ. Chung quy chúng chỉ là những nô lệ thôi mà! Việc gì phải lưu tâm vất vả.

Mustapha không dám đề nghị cho khám cẩn thận hơn những người phụ nữ vì sợ bị nghi ngờ. Nó tuyên bố có thể bắt đầu buổi khám bệnh. Lấy cớ tìm một vài thứ thuốc trong số chai lọ mà con lừa mang theo, nó vội viết trên một mảnh da thuộc một bức thư ngắn như sau:

“Fatmé thân yêu! Nếu em muốn được giải thoát thì hãy uống thứ thuốc mà người ta sắp cho em. Thuốc ấy sẽ làm cho người ta tưởng em đã chết. Em đừng lo sợ, anh sẽ cứu em dễ dàng ngay sau khi em rời khỏi hậu thất và ở trong tay anh.”

Mustapha trở lại bên cạnh Thiuli-Kos và giấu bức thư trong tay áo thụng.

Thiuli-Kos nói:

– Chúng ta bắt đầu đi! Tôi gọi nhé: – Kamakan!

Một cánh tay trắng nõn luồn qua lỗ thủng của bức tường và Mustapha ấn ngón tay trên mạch đập với dáng điệu nghiêm nghị rồi tuyên bố:

– Sức khỏe rất tốt!

Sáu tên đã được gọi khám như thế. Ông thầy thuốc giả sốt ruột căn môi, cuối cùng cái tên chờ đợi đã vang lên:

– Fatmé!

Mustapha run rẩy nắm lấy cổ tay bé nhỏ đang đưa về phía nó và luồn rất khéo bức thư dưới chiếc vòng bạc mà cô gái đeo trên tay. Rồi nó lắc đầu một cách lo ngại.

Thiuli-Kos thấy nó im lặng liền hỏi:

– Có gì thế?

– Bệnh nặng lắm. – Mustapha nói. – Tội nghiệp người thiếu phụ này.

– Có truyền nhiễm không? – Thiuli-Kos kinh hãi hỏi lại.

– Không hẳn là truyền nhiễm. Nhưng tôi khuyên ngài, khi cô ấy chết rồi ngài hãy chôn cất cô ấy ngay tức khắc.

Lão tình trưởng run lên vì khiếp đảm:

– Thế nào? Bệnh nặng đến thế ư? Ôi! Tôi không gặp may. Một con nô lệ mà tôi đã phải trả hai nghìn đồng tiền vàng để mua. Thế không có thuốc gì cứu nó được ư?

Mustapha nói:

– Tôi sẽ cố gắng xem? Nhưng tôi không dám hứa chắc gì cả. Tôi được mời đã quá muộn! Hãy cho cô ta uống hết thuốc trong lọ này! – Nó nói thêm trong lúc đưa lọ thuốc ngủ. – Ngày mai tôi sẽ trở lại xem bệnh có thuyên giảm không.

Lão tình trưởng nói:

– Nếu ngài cứu được nó, ngài Chakamankabudibaba ạ, tôi sẽ không tính thiệt hơn gì về tiền thưởng đâu! Bởi vì tôi đã mua nó quá đắt nên tôi không đành để mất nó. Nhưng hãy coi chừng, nếu nó chết thì ngài hãy để cái đầu ngài lại đây thôi!

– Đồng ý! – Mustapha nói.

Nó rời khỏi lâu đài sau khi cất giấu y phục thầy thuốc trong một khu rừng gần đấy.

Đêm đến, nó ẩn náu trong những bụi rậm ở nghĩa địa riêng của nhà lão Thiuli-Kos.

Nó vừa cởi bộ y phục thầy thuốc được một giờ thì tin tức về cái chết của Fatmé được lan truyền. Chị nô lệ đọc bức thư giấu dưới chiếc vòng bạc và đã uống thuốc. Thế là chẳng mấy chốc thần chết như đã cướp được chị ta.

Ám ảnh bởi ý nghĩ Fatmé chết vì một bệnh truyền nhiễm. Thiuli-Kos truyền rút ngắn tang lễ và cho khiêng quan tài đến nơi chôn cất. Cũng không chào vĩnh biệt người chết, lão ta đóng cửa lại, lấy khăn tẩm dầu gió, cho người tẩy uế xung quanh để khỏi hít các khí độc.

Những gia nô được phân chôn cất Fatmé rất xúc động vì cái chết quá bất ngờ của người nữ nô lệ trẻ. Đêm xuống, tiếng khóc than kể lẽ từ các ngôi mộ gần

đó vang vọng lên khiến họ càng thêm hoảng sợ. Họ chôn cất sơ sài rồi vội vàng bỏ chạy vì quá kinh hãi. Họ vất bỏ các cuốc xẻng lại, đợi ngày mai khi trời sáng sẽ đến thu nhặt.

Khi Mustapha thấy chỉ còn mỗi một mình nó trong nghĩa địa. Nó thắp một ngọn đèn đã chuẩn bị từ trước. Nó vội đào mộ vừa được lấp vội. Nó cạy nắp quan tài, cúi xuống nhìn Fatmé đang ngủ say.

Đột nhiên nó kêu thét lên đau đớn. Dưới mắt nó khuôn mặt rất xanh xao kia không có một nét gì của em gái nó cả.

– Than ôi! Đúng là số mệnh! – Mustapha thầm thì, chán nản. – Ta phải từ bỏ việc cứu những người thân yêu của ta chẳng? Rồi đây ta sẽ làm được gì cho các cô ấy chứ? Ta không còn vàng nữa... Nhưng hãy can đảm lên nào! Người thiếu phụ này phải được cứu sống! Ít nhất, ta cũng còn được niềm vui đã trả lại tự do và cuộc sống cho một người không quen biết!

Nó cạy răng cô gái và đổ lọ thuốc thứ hai vào mồm chị. Hiệu quả đạt tức khắc. Thiếu phụ mở mắt.

Chị ta kinh ngạc nhìn quanh, bắt gặp ánh mắt của Mustapha. Chị ta nói:

– Ôi vị cứu tinh của tôi! Người đã đưa tôi thoát khỏi ngục tù! Dầu tôi có phải trả ơn thế nào cũng không xứng đáng. Tại sao người lại chú ý đến tôi, con người bị giam hãm khốn khó này? Tôi không quen biết và chưa hề được gặp ngài lần nào cả!

Mustapha thở dài:

– Than ôi! Do sự nhầm lẫn mà tôi đã cứu chị và tôi không đáng được chị biết ơn. Em gái tôi cũng tên là Fatmé. Tôi cứ tưởng đã cứu em tôi thoát khỏi bàn tay của lão Thiuli-Kos.

Thiếu phụ trả lời:

– Tôi hiểu rồi! Có lẽ ngài nói một trong hai người nô lệ mới được đưa về.

– Phải! Mustapha cúi đầu đau đớn xác nhận.

Fatmé lại nói:

– Xin ngài đừng nản lòng! Em gái ngài và cô bạn gái đều bị nhốt trong gian buồng nhìn ra sân trong. Đây là buồng thứ sau, nằm bên phải đi từ cửa vào.

Mustapha thở dài:

– Than ôi! Những tin tức ấy, giờ đây chẳng còn giúp gì cho tôi được nữa!

Thiếu phụ nói rất nhanh:

– Có chứ! Và đây là lý do. Trong sân ấy có một cái giếng do một cống ngầm cung cấp nước. Thiuli-Kos rất hãnh diện về cái giếng ấy. Một hôm, tôi đang khâm phục ngắm cái giếng thì lão ta nói cho biết để dẫn nước vào trong sân, lão đã xoay hướng một ngọn suối chảy trong các khu rừng mà ngài thấy đấy, rất gần cái tảng đá trong đó, bắt nó chạy về vườn lão. Lão ta nói thêm rằng cống dẫn nước nằm dưới đất và có chiều cao hơn một thân người. Lão ta rất tự hào vì lão là kiến trúc sư. Chỉ cần một người khỏe mạnh và khéo tay đi vào theo cống nước để cạy một hòn đá của giếng nước là thấy mình đã ở trong sân của hậu thất.

Đã năm tháng là nô lệ cho lão, tôi cố tìm mọi cách để chạy trốn. Tôi đã nhiều lần buồn phiền vì không có sức mạnh của nam giới để đi trốn theo con đường của cống nước.

Nghe vậy, Mustapha vui mừng khôn xiết kêu lên:

– Fatmé! Cô đã chỉ cho tôi cách để cứu em gái tôi và Zoraïde khi tôi không còn chút hi vọng nào! Tôi xin hứa sau khi cứu được em tôi, tôi sẽ cho cô trở về tổ quốc và gặp lại những người thân yêu của cô!

Fatmé dặn:

– Tuy nhiên, anh cũng đừng nên đi một mình theo cống nước vì lâu đài được canh phòng cẩn mật. Anh phải có hai tùy tùng can đảm.

– Tôi sẽ có đủ! – Mustapha tràn đầy hi vọng vui vẻ hứa.

Mustapha mua một con ngựa và lên đường đến lều trại của Orbasan. Nó được tiếp đãi thân mật. Những câu chuyện về cuộc phiêu lưu của nó làm cho những người nghe chú ý đặc biệt. Orbasan rất thích thú khi được biết Mustapha đóng vai thầy thuốc. Nhưng khi nghe cái chức vụ mà Hassan đang giữ bên cạnh tên tỉnh trưởng, ông ta hét lên giận dữ:

– Đồ phản bội đáng ghét! Ta sẽ treo cổ nó bằng chính bàn tay của ta! Đi, chúng ta phải đi ngay! Ngày mà ta được dự lễ thành hôn của Mustapha và Zoraïde mới là ngày mà ta toại nguyện.

Orbasan gọi thêm ba người tâm phúc. Vài phút sau, ông phi ngựa cùng với Mustapha và theo sau là ba người tùy tùng, nhắm hướng lâu đài Thiuli-Kos mà đi tới.

Hai ngày sau, bọn họ đến thành phố mà “thầy thuốc Chakamankabudibaba” đã để Fatmé, người nô lệ được cứu thoát ở lại. Chị ta cho họ biết thêm những chi tiết chính xác về địa điểm cống nước ngầm. Chị ta còn xin đi theo để giải phóng những bạn cùng cảnh bị giam hãm.

Tất cả lại lên đường để đến khu rừng nhỏ có con suối. Mọi người chờ đợi đêm đến, họ giao cho Fatmé giữ mấy con ngựa, rồi trườn vào trong cống nước theo hàng một. Họ tiến những bước vững chắc tuy có những đoạn nước lên đến thắt lưng. Họ đã đem theo những chiếc kim bằng sắt, họ bẫy mạnh mấy viên gạch lát và không gặp trở ngại gì khi cạy viên gạch lát và không gặp trở ngại gì khi cạy viên gạch có đục nhiều lỗ nằm ở giữa bể chứa nước trong sân. Đêm tối mù, họ suýt chạm phải sáu tên nô lệ nằm ngủ trên những chiếc chiếu trước cửa nội thất. Bọn Mustapha phải đi mò mẫm và đếm các cánh cửa để lần mò đến phòng giam Fatmé và Zoraïde.

– Có thể chứ! – Mustapha thì thầm trong lúc ấn kim cẩn thận cạy ổ khóa.

Vừa lúc ấy một tiếng thét hãi hùng:

– Cứu tôi với! Giúp tôi với! – Giọng của Hassan vang lên tru tréo.

Hassan đang thu mình trong khung cửa rình mò ở phòng giam hai cô thiếu nữ và đã nhận ra người đang tìm cách vào phòng.

Tiếng kêu tắc nghẹn trong cổ họng nó: hai bàn tay khỏe mạnh đã bịt miệng nó, trói gô nó lại. Trong lúc các nô lệ da đen thức giấc đột ngột đều im lặng khi thấy những lưỡi dao găm của bọn người đi theo Orbasan.

Tiếng kêu của Hassan không làm cho Mustapha lùi bước. Nó nhảy vào trong phòng, trong đó, dưới ánh đèn chập chờn, Fatmé và Zoraïde đang khóc lóc tí tê.

Achmet nói tiếp, đôi mắt ướt lệ:

– Các bạn ơi! Khi tìm thấy em gái và người yêu bình yên, trong trắng, Mustapha sung sướng vô cùng!

Hai năm đã trôi qua, bây giờ kể lại, lão còn cảm thấy sâu sắc niềm hạnh phúc ấy. Các con lão chạy trốn mà không bị ai cản trở. Orbasan ở lại sau và khi



đã trở về gặp các bạn hữu, ông ta nói:

– Ác giả ác báo! Thiuli-Kos mất luôn hai cô nô lệ xinh đẹp nhưng ta lại được một vật cầu phúc rất linh nghiệm.



Fatima and Zoraide escape.

Mustapha hỏi:

– Thật ư! Vật gì thế?

– Cái dây treo cổ! – Orbasan tuyên bố một cách trang nghiêm. – Chính Hassan đã hiến cho lão ta! Nhưng chúng ta đừng dừng lại ở đây lâu. Thiuli-Kos không quên phái mật sứ đi khắp mọi nơi. Đến bình minh, chúng ta phải cách xa nơi này mới xong.

Nói đoạn Orbasan lên ngựa cùng Fatmé, còn Mustapha thì cùng Zoraïde. Những tên cướp cùng với cô Fatmé kia đều đã lên yên.



Họ vội lên đường. Một cuộc phi ngựa lạng lã và rất nhanh kéo dài hết cả ngày hôm sau cho đến Bassora. Đến cửa ô thị trấn, ông ta nghiêng mình một cách trang trọng trước hai cô gái diễm lệ và nói:

– Cầu cho hai cô được sung sướng! Tình yêu và hạnh phúc đang chờ đợi hai cô! Về phần tôi, tôi xin trở về với sa mạc.

Orbasan kéo Mustapha lại gần mình và ôm hôn thắm thiết rồi nhảy lên ngựa biến mất với ba tùy tùng.

Một chiếc tàu sấp nhổ neo đi Acara nhận chở các con lão. Mười lăm ngày sau, lão đã được xiết chặt trong tay những người mà lão không còn hy vọng gì được gặp lại! Người nữ nô lệ mà con trai lão đã cứu sống được đưa về nước. Cái ngày mà lão đặt bàn tay duyên dáng của Zoraïde trong tay của Mustapha là một trong những ngày đẹp nhất trong đời làm cha của lão. Vì đã đau đớn, khóc than không biết bao nhiêu nên cái gia tài nhỏ bé và gia thế thấp kém của con dâu đối

với lão chẳng thấy đáng ngại bên cạnh cái hạnh phúc mà cháu Mustapha cũng cảm đáng được hưởng.

Selim Baruch hỏi, giọng cảm động:

– Con gái bác bây giờ thế nào? Cô ấy đã có chồng rồi chứ?

– Chưa! – Achmet lắc đầu. – Nó van xin tôi hãy để cho nó ở với tôi. Nó nói: “Hạnh phúc của anh con thế là đủ đối với con và con muốn đảm nhiệm việc dạy dỗ những đứa con của Zoraïde và Mustapha”

Thương gia Muley nhận xét:

– Lại là tính đồng bóng của các cô gái mới lớn thôi! Hãy giới thiệu một thanh niên giàu có, đẹp trai chắc thế nào cô ta cũng sẽ thay đổi ý kiến ngay!

Achmet buồn rầu nói:

– Lão lại không nghĩ như thế! Hình như con Fatmé của lão đã để trái tim lại ở... sa mạc.

Ali Lezah xát kêu lên thảng thốt:

– Thế nào? Ông bạn đáng kính muốn nói là cô con gái của ông đã phải lòng tên Orbasan ư? Nếu tôi có một đứa con gái mà nó mê tí một tên ăn cướp như vậy thì tôi sẽ chôn sống nó! Vâng thật thế, chôn sống nó bằng chính đôi bàn tay của tôi!

Achmet trả lời như là ông tự nói với mình:

– Khi người ta suýt mất những đứa con, người ta mới thấu hiểu, đối với người cha, hạnh phúc của con trẻ là luật lệ tối cao. Chà, – ông nói thêm, rất khê – giá trong chuyến đi này lão được gặp Orbasan!

Selim Baruch bất ngờ đứng dậy và xin lỗi đi ra khỏi lều.

Sáng hôm sau, khi vầng đông đang nhuộm hồng những nóc tròn tòa nhà và các tháp nhà thờ ở xa, Achmet bỗng bị đánh thức đột ngột. Một bàn tay rắn chắc vừa đặt trên tay ông lão. Selim Baruch đứng trước mặt ông, đẹp trai, cường tráng trong bộ y phục chói ngời những đường thêu kim tuyến. Chưa khi nào ông thấy anh ta xúc động như thế, mặc dù ông thấy anh ta cố lấy dáng điệu bình tĩnh.

Achmet ngạc nhiên hỏi:

– Anh cần gì ở lão hử Selim Baruch?

Chàng thanh niên trả lời:

– Tôi đi đây! Phải thế thôi! Nhưng trước khi đi, tôi muốn cảm ơn bác Achmet về niềm hạnh phúc bác đã tạo cho tôi qua câu chuyện tối hôm qua. Trong cuộc đời giang hồ phiêu lưu đầy nguy hiểm của tôi, nó như một dòng nước trong lành làm dịu mát tâm hồn tôi.

– Anh nói gì thế Selim? Cuộc đời phiêu lưu giang hồ nào mà anh nói vậy? Anh chẳng phải là cháu quan tể tướng Bagdad hay sao?

– Đúng vậy! Nhưng mà tôi còn chính là “Vua của sa mạc”.

– Orbasan! – Achmet kêu lên kinh ngạc, nghi hoặc và hy vọng lẫn lộn. – Orbasan! Người mà con gái tôi đã thầm yêu!

Orbasan thốt lên bằng một giọng cay đắng:

– Không, Orbasan tên tướng cướp! Orbasan mà một tên lãnh chúa đã giết cha mẹ nó khiến nó căm phẫn phải từ bỏ tất cả để báo thù và thành kẻ cướp! Orbasan mà người ta vu khống, người ta sợ hãi...

Achmet nhẹ nhàng để bàn tay lên vai chàng thanh niên kiêu hãnh:

– Và người ta cũng yêu nữa chứ! – Achmet dịu dàng nói thêm – Anh để tôi về Acara một mình sao? Trong khi anh đã biết ở đó có người đang mong chờ anh?...

\*

Tiếng lục lạc của đoàn lữ hành đang băng qua bãi cát trên sa mạc reo vui trên con đường vàng... Vui, vì hạnh phúc.

## Notes

[←1]

*Theo truyền thuyết là vị vua công minh, xử kiện giỏi.*

[\[←2\]](#)

Người tu hành đặc đạo

[← 3](#)

Xem truyện “Vua Cò”



[\[←4\]](#)

Xem truyện “Chú lùn Mouck”

# Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

CHÀNG THỢ MAY MƠ MỘNG

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU CỦA SAÏD

MÓN PATÊ ĐỂ VƯƠNG

CHÚ LÙN MOUCK

VUA CÒ

ĐOÀN LỮ HÀNH VÀ TƯỚNG CƯỚP

GIẢI CỨU NÀNG FATMÉ